

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

**ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**TÌM HIỂU CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN LOẠI
HÌNH DU LỊCH TREKKING TẠI CÁT BÀ –
HẢI PHÒNG**

Chủ nhiệm đề tài: Đoàn Minh Chinh

HẢI PHÒNG, 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

**TÌM HIỂU CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN LOẠI
HÌNH DU LỊCH TREKKING TẠI CÁT BÀ –
HẢI PHÒNG**

CHUYÊN NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Chủ nhiệm đề tài: Đoàn Minh Chinh

HẢI PHÒNG, 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong đề tài là trung thực, các kết quả nghiên cứu do chính chủ nhiệm đề tài và những người tham gia thực hiện, các tài liệu tham khảo đã được trích dẫn đầy đủ.

Chủ nhiệm đề tài

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Ban Giám hiệu nhà trường, Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học, Khoa Văn hóa du lịch trường đại học dân lập Hải phòng đã tạo điều kiện cho tác giả có cơ hội được nghiên cứu đề tài khoa học, có những động viên, góp ý cũng như các hỗ trợ cần thiết trong việc triển khai và hoàn thiện đề tài khoa học.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài “*Tìm hiểu các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà – Hải phòng*”, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của nhiều tổ chức, cá nhân về công tác điều tra, phỏng vấn, khảo sát, thông tin, số liệu và hình ảnh. Tác giả xin gửi lời cảm ơn tới toàn thể cán bộ, nhân viên Ban quản lý Vườn quốc gia Cát Bà, trạm kiểm lâm và người dân địa phương Cát Bà.

Đặc biệt, tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất tới Thạc sĩ Nguyễn Tiến Độ - người thầy đã chỉ bảo, hướng dẫn, giúp đỡ trong việc định hướng, triển khai và hoàn thành nghiên cứu.

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC SƠ ĐỒ

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích và ý nghĩa của nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Bố cục và nội dung của đề tài	6

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ DU LỊCH TREKKING 7

1.1. Cơ sở lý luận loại hình du lịch trekking.....	7
1.1.1. Thuật ngữ và các quan điểm	7
1.1.2. Đặc trưng	9
1.1.3. Điều kiện hình thành và phát triển.....	10
1.1.4. Vị trí phân loại, các thành tố và cấp độ.....	13
1.2. Du lịch trekking trên Thế giới và Việt Nam	18
1.2.1. Du lịch trekking trên Thế giới.....	18
1.2.2. Sự hình thành và phát triển loại hình du lịch trekking tại Việt Nam	22
1.2.3. Một số điểm du lịch Trekking tiêu biểu ở Việt Nam.....	23

Tiểu kết chương 1..... 24

CHƯƠNG 2. CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH TREKKING TẠI CÁT BÀ – HẢI PHÒNG 26

2.1. Giới thiệu khái quát về Cát Bà.....	26
2.1.1. Vị trí địa lý.....	26
2.1.2. Tên gọi.....	27
2.1.3. Lịch sử hình thành.....	28
2.1.4. Sơ lược hoạt động du lịch tại Cát Bà.....	28
2.2. Điều kiện phát triển du lịch trekking tại Cát Bà	30
2.2.1. Tài nguyên du lịch.....	30
2.2.2. Dân cư, lao động	49
2.2.3. Cơ sở hạ tầng	52
2.2.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ cung ứng	55

2.2.5. Các chính sách khuyến khích phát triển du lịch và các dự án đầu tư tại Cát Bà	56
2.3. Đánh giá chung.....	59
2.3.1. Thuận lợi	59
2.3.2. Khó khăn	61
Tiêu kết chương 2.....	62
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC HIỆU QUẢ CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH TREKKING TẠI CÁT BÀ – HẢI PHÒNG	63
3.1. Định hướng phát triển du lịch trekking tại Cát Bà.....	63
3.1.1. Phát triển du lịch trekking theo quan điểm du lịch sinh thái.....	63
3.1.2. Phát triển du lịch trekking gắn kết với cộng đồng địa phương	64
3.2. Một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking.....	
3.2.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cho phát triển du lịch trekking.....	66
3.2.2. Tăng cường hoạt động xúc tiến quảng bá điều kiện thuận lợi của Cát Bà.....	66
3.2.3. Đào tạo nguồn nhân lực.....	66
3.2.4. Hỗ trợ bảo tồn tài nguyên du lịch	67
3.2.5. Tăng cường giáo dục môi trường.....	68
3.2.6. Tạo lập cơ chế chính sách quản lý phù hợp.....	69
3.2.7. Xây dựng quy hoạch hợp lý.....	70
3.2.8. Các nhà kinh doanh du lịch trekking cần chuyên nghiệp hóa	70
3.3. Một số kiến nghị.....	71
3.3.1. Kiến nghị đối với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.....	71
3.3.2. Kiến nghị đối với Ủy ban nhân dân Huyện đảo Cát Hải	71
3.3.3. Kiến nghị đối với Ban quản lý Vườn quốc gia Cát Bà.....	72
3.3.4. Kiến nghị đối với các chủ thể tham gia.....	72
Tiêu kết chương 3.....	72
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 0.1: Nội dung điều tra khách du lịch cát bà	5
Bảng 2.2: Lượng khách du lịch và doanh thu hàng năm đảo cát bà.....	28
Bảng 2.3: Dự báo lượng khách quốc tế đến cát bà.....	29
Bảng 2.4: Danh mục các bãi biển có tiềm năng phát triển du lịch ở đảo cát bà	33
Bảng 2.5: Thống kê diện tích các kiểu thảm thực vật rừng tại đảo cát bà	38
Bảng 2.6: Thành phần loài thực vật rừng tại cát bà.....	40
Bảng 2.7: Thành phần loài động vật rừng tại cát bà.....	41
Bảng 2.8: Các di chỉ/di tích khảo cổ học tại cát bà	44
Bảng 2.9: Danh sách các di tích lịch sử văn hoá, danh thắng được xếp hạng tại cát bà.....	44
Bảng 2.10: Tài nguyên du lịch nhân văn ở cát bà	45
Bảng 2.11: Thống kê dân số, lao động nghề nghiệp, thu nhập của người dân vùng đệm vườn quốc gia cát bà	51

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Vị trí phân loại của du lịch trekking theo tiêu chí phương tiện du lịch	14
Sơ đồ 1.2: Vị trí phân loại của du lịch trekking theo tiêu chí đặc trưng điểm đến	14

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế – xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ vừa qua đã phê duyệt việc phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP tại “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” cho thấy Du lịch đang và sẽ trở thành một ngành kinh tế lớn và mang lại nhiều nguồn lợi cho đất nước. Việt Nam thu hút hàng năm hơn bốn triệu lượt khách quốc tế không chỉ bởi lợi thế về nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng mà còn vì những giá trị nhân văn của dân tộc. Tuy nhiên lượng khách quay trở lại Việt Nam mới chỉ có khoảng 15%, đây là tỷ lệ còn quá thấp. Có rất nhiều nguyên nhân khiến việc du khách quốc tế không muốn quay trở lại Việt Nam nhưng chủ yếu là sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, chúng ta mới chỉ biết khai thác một cách đơn giản những giá trị mà thiên nhiên ban tặng cho Việt Nam. Trong khi đó nhu cầu của khách du lịch đặc biệt du khách quốc tế ngày càng đa dạng và đòi hỏi cao, không chỉ là đơn thuần là được tham quan, nghỉ dưỡng mà còn được tham gia những loại hình chuyên biệt hơn như sinh thái, MICE, thể thao – mạo hiểm,... Chính vì vậy việc đòi hỏi yếu tố “mới” và “lạ” tại các điểm đến du lịch tại Việt Nam là vô cùng cần thiết để thay đổi những điểm đến truyền thống đã quá quen thuộc với khách du lịch.

Để tạo ra tính mới và lạ cho các điểm đến, việc khai thác các loại hình du lịch mới là việc cần thiết và Trekking là một loại hình như vậy. Theo kết quả của sự kiện du lịch quốc tế - thể thao (Giải đua Raid Gauloises Việt Nam 2002), “Việt Nam bước đầu được nhìn nhận như một điểm đến mới mẻ, hấp dẫn an toàn và thân thiện không chỉ với loại hình chuyên biệt: du lịch thể thao - khám phá, mạo hiểm... Là một trong những loại hình phổ biến nhất trong hệ thống loại hình du lịch chuyên biệt theo hướng thể thao – khám phá, mạo hiểm, du lịch trekking đã được triển khai trong khoảng gần hai thập kỷ qua” (Thạc sĩ Trịnh Lê Anh, 2007) [2]. Tuy nhiên loại hình trekking chưa được biết đến nhiều và hoạt động trekking còn thiếu, chủ yếu mang tính chất tự phát, thiếu trách nhiệm với tài nguyên. Để giải quyết vấn đề này cần phải nghiên cứu cứu sâu về loại hình du lịch được đánh giá là tiềm năng và vẫn còn mới này.

Sinh ra và lớn lên tại Thành phố Hải Phòng - thành phố Cảng biển lớn nhất miền Bắc, nơi có điều kiện tự nhiên rất phong phú, giàu đẹp, đa dạng và có nhiều nét độc đáo mang sắc thái của cảnh quan nhiệt đới gió mùa. Hải Phòng cũng là nơi có lịch sử lâu đời, một vùng đất hội tụ đủ khí thiêng sông núi. Đặc biệt là vùng đảo Cát Bà – món quà mà “*Thiên nhiên đã quá hào phóng ban tặng cho Cát Bà món quà quý giá, đó là tiềm năng du lịch sinh thái vô cùng hấp dẫn. Bao trùm toàn bộ đảo Cát Bà trùng điệp là các dãy núi đá vôi có độ cao trung bình 150m so với mực nước biển trong vắt, cao nhất là đỉnh núi Vọng 322m. Tiếp giáp với các triền núi đá dốc thoải là những bãi cát óng ả trắng mịn, những dải rừng ngập mặn, các đầm nước mặn, nước lợ cùng hàng loạt bãi tắm mi ni, bãi tắm tiên đẹp mê hồn*”[7]. Bên cạnh đó Cát Bà cũng là nơi có nhiều dấu tích người cổ xưa, điển hình có cộng đồng những người sống bằng nghề biển vùng Duyên hải Bắc Bộ.

Tuy nhiên du lịch tại Cát Bà phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, các loại hình du lịch còn đơn điệu, chưa tạo được sản phẩm độc đáo với khách du lịch. Khách du lịch quốc tế thường đến với Cát Bà một lần mà không quay trở lại. Chính vì vậy đòi hỏi yếu tố “mới” và “lạ” về loại hình, sản phẩm cũng như phương thức tổ chức du lịch. Với những điều kiện thiên nhiên ban tặng kết hợp với những giá trị lịch sử văn hóa sẽ là cơ sở hấp dẫn sự khám phá, tìm hiểu của du khách. Hay nói cách khác là phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà là phù hợp. Đặc biệt là ở nơi vị trí thuận lợi, loại hình này sẽ trở nên phổ biến với cả khách du lịch nội địa. Phát triển loại hình du lịch trekking là hợp với xu hướng phát triển du lịch hiện nay: từ đại chúng chuyển dần sang chuyên biệt, từ du lịch thụ động sang dần thành du lịch chủ động.

Từ những vấn đề trên, tác giả tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học: “*Tìm hiểu các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà – Hải Phòng*”

2. Mục đích và ý nghĩa của nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài đánh giá những điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà – Hải Phòng nhằm tạo ra yếu tố “mới” và “lạ” của điểm du lịch cũng như loại hình du lịch tại Cát Bà, góp phần nâng cao nhận thức và đời sống của cộng đồng huyện đảo Cát Hải.

2.2. Ý nghĩa của nghiên cứu

– Ý nghĩa khoa học:

Đề tài góp phần bổ sung cơ sở khoa học của loại hình du lịch trekking, khẳng định hướng nghiên cứu loại hình như một hướng nghiên cứu cần thiết với ngành học.

– Ý nghĩa thực tiễn:

Bước đầu tìm hiểu về loại hình trekking, chỉ ra những điều kiện cơ bản và đặc trưng để phát triển du lịch trekking. Tìm hiểu và đánh giá các điều kiện phát triển du lịch trekking tại Cát Bà, từ đó đề xuất định hướng và những giải pháp nhằm khai thác hiệu quả các điều kiện này đồng thời nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các nhà quản lý, cộng đồng địa phương và du khách khi tham gia du lịch trekking, góp phần đưa Cát Bà trở thành một điểm du lịch trekking hấp dẫn và là điểm đến du lịch trọng điểm tại Hải Phòng cũng như của đất nước. Đồng thời góp phần làm phong phú thêm hệ thống sản phẩm du lịch của huyện đảo Cát Hải và thành phố Hải Phòng. Thêm vào đó, đề tài nghiên cứu trên sẽ là một trong những cứ liệu giúp cho các nhà quản lý du lịch, những nhà làm tour chuyên biệt và du khách biết đến đầy đủ những giá trị du lịch tại Cát Bà.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Loại hình du lịch trekking và các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

– Về mặt không gian: Huyện đảo Cát Hải, các tuyến điểm du lịch điển hình trên đảo Cát Bà, đặt trong mối quan hệ với các khu vực xung quanh.

– Về mặt thời gian: từ tháng 12/ 2012 đến tháng 6/ 2013

– Về mặt nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà. Từ đó đề xuất những giải pháp và kiến nghị để khai thác có hiệu quả các điều kiện phát triển.

4. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp được sử dụng chủ yếu trong đề tài nghiên cứu:

4.1. Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu

Trên cơ sở thu thập, tìm kiếm các thông tin, tư liệu từ sách, báo, internet và các công trình nghiên cứu đi trước, sau đó có sự phân tích, xử lý để có những kết luận cần thiết.

4.2. Phương pháp khảo sát thực địa

Là phương pháp đi thực tế để khảo sát địa hình, các điều kiện phục vụ cho đề tài.

Tác giả đã tiến hành khảo sát thực tế tại các tuyến sau:

- 1) *Tuyến Vườn quốc gia Cát Bà - Kim Giao – Ngự Lâm*
- 2) *Tuyến Động Trung Trang – Hang Ủy ban*
- 3) *Tuyến du lịch sinh thái – Giáo dục môi trường*
- 4) *Tuyến Ao Éch – Việt Hải – Vịnh Lan Hạ*
- 5) *Tuyến Mây Bàu – Khe Sâu*
- 6) *Tuyến Vườn Quốc gia Cát Bà - Ngự Lâm – Mê Cồn – Động Trung Trang*

Ngoài ra tác giả còn đến một số địa điểm khác được đánh giá cao tại Cát Bà như: Đảo Khỉ, Cái Bèo.

Qua khảo sát thực tế đã thấy được hiện trạng phương thức tổ chức du lịch trekking của vườn Quốc gia Cát Bà, của các công ty du lịch, cùng với các phương pháp phỏng vấn, quan sát, thảo luận,... đã có kết luận về hiện trạng khai thác du lịch tại Cát Bà. Kết quả khảo sát này được nêu cụ thể ở chương 2.

4.3. Phương pháp xã hội học

Phương pháp xã hội học đặc biệt quan trọng, nhằm nhận diện được thực trạng một cách có căn cứ. Thông qua phương pháp này, tác giả nhằm mục đích kiểm chứng và khẳng định những kết luận hay đề xuất như là hệ quả của việc nghiên cứu.

– *Thời gian*: Tác giả tiến hành điều tra 3 đợt. Ngoài đợt chính, điều tra bổ sung được tiến hành tại chuyến khảo sát thực địa với điều tra tại địa bàn Hải Phòng song song với việc tiếp cận các đối tượng trả lời bảng hỏi. Thời điểm khảo sát này, khách du lịch quốc tế và nội địa có phần gia tăng từ đợt nghỉ lễ 19 tháng 4 (giỗ tổ Hùng Vương); tuy nhiên, lượng khách vẫn còn rất hạn chế. Qua quá trình điều tra, tổng cộng kết quả thu thập được từ 42 bảng hỏi khách quốc tế và 46 bảng khách nội địa.

Bảng 0.1: Nội dung điều tra khách du lịch Cát Bà

Thời gian		khách quốc tế	khách Việt Nam	ng
Đợt 1	Ngày 15/04/2013	12	2	14
Đợt 2	Ngày 19 – 20/04/2013	24	8	32
Đợt 3	Từ 30/04 – 05/5/2013	6	36	42
Tổng		42	46	88

Thời gian điều tra ngắn nên tác giả lựa chọn ở thời điểm trước và bắt đầu mùa vụ du lịch tại Cát Bà cũng như Hải Phòng. Thời điểm này khá mát mẻ, khô ráo, khách du lịch tham gia đông, du khách tham gia loại hình du lịch trekking ở nhiều cấp độ hơn. Tuy nhiên, vì khả năng còn hạn chế nên số lượng phiếu điều tra thu lại có kết quả không được cao so với lượng phiếu phát ra.

– *Địa điểm*: tác giả tiến hành điều tra tại Hải Phòng và Cát Bà. Tại Cát Bà, nhờ sự giúp đỡ của ban quản lý, hướng dẫn viên vườn quốc gia Cát Bà, tác giả đã thu nhận được phần lớn bảng hỏi của khách quốc tế, trong khi đó lượng khách Việt Nam chỉ thu được 10 bảng hỏi. Tại hai đợt 1 và 2, tác giả chú trọng lấy ý kiến và điều tra khách nước ngoài nhiều hơn trên cơ sở phát bảng hỏi trực tiếp tại khu vực thị trấn, khu vực vườn quốc gia Cát Bà. Các phiếu với khách du lịch Việt Nam chủ yếu được thực hiện tại Hải Phòng, theo tác giả nhận định là tiếp cận với khách nội địa khó khăn hơn rất nhiều so với người nước ngoài, có lẽ bởi do tính cách của người Việt ngại hoặc chưa quen với hoạt động cho ý kiến, đồng thời cũng vì lí do thời điểm lựa chọn khảo sát ngoài Cát Bà khách nội địa chưa nhiều, mới nhen nhóm theo hình thức du lịch MICE. Vì vậy mà lượng phiếu điều tra khách nội địa chủ yếu ở đợt 3 tại nội thành Hải Phòng, tác giả cũng lựa chọn đối tượng điều tra phù hợp với mục đích bảng hỏi tuy nhiên lượng khách biết đến loại hình trekking thấp. Quá trình điều tra, tác giả nhận thấy sự e ngại trả lời thật của cả du khách nước ngoài và Việt Nam nên tác giả đã chủ động quan sát tham dự, phỏng vấn để có cái nhìn chân thực nhất.

– *Phiếu hỏi*: có hai loại cho khách Việt Nam và khách nước ngoài. Nội dung phiếu hỏi của hai loại khách là như nhau, bao gồm 8 câu, 7 câu hỏi đóng, 1 câu hỏi mở về cảm nhận của du khách về loại hình du lịch trekking. Phiếu hỏi gồm 3 phần chính:

phần câu hỏi chung lấy ý kiến du khách về Cát Bà, phần câu hỏi lấy ý kiến về khách du lịch trekking, phần thông tin của du khách.

– *Nội dung điều tra:*

+ Khảo sát khách du lịch Cát Bà về mục đích chuyến đi, cách thức tổ chức, cảm nhận về Cát Bà, du khách có biết đến loại hình trekking hay không;

+ Khảo sát khách du lịch trekking về cách thức tổ chức chuyến đi, những nơi du khách đã thực hiện chuyến trek và ý kiến của du khách về loại hình du lịch trekking;

+ Khảo sát thông tin về du khách chủ yếu đến từ đâu, độ tuổi, giới tính và nghề nghiệp.

4.4. Phương pháp bản đồ

Dùng phương pháp bản đồ nhằm thể hiện sự phân bố của các đối tượng tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, sự liên hệ giữa các đối tượng trong không gian cũng chính là mối liên hệ của các tuyến du lịch trong quá trình tạo tuyến. Dùng phương pháp này còn nhằm thể hiện những biến động các yếu tố du lịch.

5. Bộ cục và nội dung của đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, danh mục bảng, danh mục sơ đồ, phụ lục và tài liệu tham khảo, phần nội dung chính của đề tài nghiên cứu gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về du lịch trekking

Chương 2. Các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà – Hải Phòng

Chương 3. Một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà – Hải Phòng

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ DU LỊCH TREKKING

1.1. Cơ sở lý luận loại hình du lịch trekking

1.1.1. Thuật ngữ và các quan điểm

Từ “trek” có nguồn gốc từ Nam Phi. Đó là một từ của người Boer¹, có nghĩa là một “chuyến đi bằng hoặc theo xe bò”(David Noland, 2001) [6]. Sau này khi được sử dụng rộng rãi nó được hiểu theo nghĩa rộng là một chuyến đi nào đó dài và gian khổ. Tiếp đó, từ “trek” được dùng để diễn tả các chuyến đi bộ đường dài (hiking) được cung cấp (thương mại hóa) với sự hỗ trợ của những nhân viên khuân vác (porters) và ê kíp phục vụ người Sherpa² qua các vùng núi Nepal, nơi nổi tiếng với địa danh Hymalayas và đỉnh Everest – “nóc nhà thế giới”, có thể coi là không gian đầu tiên của các hoạt động và loại hình du lịch trekking được gọi tên từ nửa sau thế kỉ XX.

Khái niệm “trekking” trong thuật ngữ “du lịch trekking” có sự khác biệt tương đối rõ so với khái niệm “hiking” và có thể có trong loại hình du lịch thể thao (luyện tập/thi đấu) ở chỗ: “hiking” chỉ đơn thuần là “đi bộ” với cường độ cao, chỉ cách thức và nỗ lực di chuyển của con người, hay chỉ một môn thể dục thể thao; còn trekking có nghĩa là đi bộ khám phá, mạo hiểm, ngoài việc chỉ cách thức và nỗ lực di chuyển, “trekking” còn nêu lên sắc thái, đặc điểm của hoạt động này là tính khó khăn, thách thức vượt qua, mang tính mạo hiểm như một trải nghiệm thú vị.

Tuy đã gần nửa thế kỉ tồn tại và phát triển nhưng nội hàm của hoạt động trekking và loại loại hình du lịch trekking vẫn chưa hoàn toàn thống nhất. Dưới đây là ý kiến của hai tác giả của 2 cuốn sách nổi tiếng về trekking:

David Noland (2001): *“Trek” là một chuyến đi bộ đường dài, nhiều ngày từ một điểm A đến một điểm B (hay quay lại A) mà trong suốt chuyến đi đó người bộ hành không phải mang hành lý nặng nề mà cũng không phải chuẩn bị nấu ăn.*

Robert Strauss (1996): *Những chuyến trekking cố gắng cắt đứt liên hệ của du khách với thế giới văn minh, gia tăng nhu cầu khám phá bản thân, thử thách sức chịu*

¹ Boer: người Phi gốc Hà Lan

² Sherpa: Người dân Hymalayas sống ở vùng giáp ranh biên giới Nepal và Tây Tạng

đựng của bản thân với những hoạt động qua đêm dài ngày ở những vùng sâu, vùng xa và nơi hẻo lánh, hoang dã.

Trong hầu hết sách hướng dẫn và tại các diễn đàn du lịch nổi tiếng du lịch trekking được coi là một dạng của du lịch mạo hiểm mang tính chất kết hợp với hoạt động thể thao ngoài trời (đi bộ đường dài với chặng đường trung bình 15km mỗi ngày, leo núi với các trang thiết bị sau lưng) và bảo tồn tài nguyên (giữ gìn môi trường, gắn bó với cộng đồng người bản địa). Đây là hoạt động rèn luyện thể lực, ý chí và khả năng sinh tồn rất hiệu quả.

Nói chung, hoạt động trekking thể hiện mức độ tự chủ (ít hoặc không phụ thuộc) của con người đạt được thông qua một không gian tách biệt với thế giới văn minh.

Nhóm thực hiện dự án Hỗ trợ Du lịch bền vững huyện Sa Pa³ đã đưa cách hiểu về trekking như sau:

- Trekking không đơn thuần chỉ là một chuyến dã ngoại ngoài trời, đi bộ trên núi hay là một chuyến leo trèo;
- Trekking là một chuyến đi đòi hỏi sự cố gắng nỗ lực cao về thân thể, vật chất của người thực hiện;
- Là một chuyến đi mang tính thách thức bởi độ dài và những cái khác lạ trong nhận thức của du khách;
- Là chuyến đi kéo dài ít nhất 2 ngày. Vì vậy người thực hiện trekking sẽ cần thực phẩm, nghỉ ngơi/ lưu trú trên đường đi, chuẩn bị các trang thiết bị và cần sử dụng hướng dẫn. Lưu trú ở đây được hiểu là khách có thể ngủ trong nhà của các gia đình tại các bản làng xa xôi hẻo lánh hoặc nghỉ tại những điểm cắm trại;
- Trong chuyến đi khách phải leo trèo qua những vùng tự nhiên có dốc lớn hay núi cao hoặc những làng xa xôi hẻo lánh nằm trên đồi cao, nơi mà người dân làm rẫy và chăm sóc gia súc. Hầu hết các làng không có điện thoại và trạm xá (nơi không xuất hiện các tiện nghi hiện đại).

³ Văn bản Dự án Hỗ trợ Du lịch bền vững huyện SaPa đã được UBND huyện và nhân dân huyện SaPa soạn thảo dựa trên cơ sở một số sáng kiến về du lịch do tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN) tiến hành tại SaPa năm 1998 trong sự hợp tác chặt chẽ với các nhóm địa phương tại SaPa, tổ chức IUCN, SNV và ý kiến đóng góp của Sở TMDL Lào Cai cũng như Viện nghiên cứu và phát triển Du lịch.

Tùy theo sự hiểu biết và góc độ nghiên cứu của từng người mà đưa ra cho mình một định nghĩa riêng về trekking tour. Tác giả tạm dịch loại hình du lịch trekking là “du lịch đi bộ mạo hiểm”. Tuy nhiên trước xu thế quốc tế hóa các thuật ngữ du lịch thì không nhất thiết phải dịch tương đương thuật ngữ “Trekking tour” ra tiếng Việt.

1.1.2. Đặc trưng

Từ những khái niệm trên và hoạt động trekking thực tế có thể rút ra những đặc trưng của loại hình du lịch trekking như sau:

- Thực hiện chuyến đi bằng phương thức đi bộ

Khách du lịch tham gia các chuyến đi trekking thực hiện chuyến đi của mình bằng hình thức đi bộ đường dài, có thể kéo dài một hay nhiều ngày. Trên đường đi có sự tìm hiểu, khám phá thiên nhiên và văn hóa bản địa để thấy được những giá trị truyền thống của cư dân, những nét đẹp và sự hấp dẫn của tài nguyên. Đồng thời bên cạnh đó, du lịch trekking cũng đem lại những trải nghiệm nguy hiểm, thử thách khả năng cá nhân của mỗi người, đó cũng là những kỹ năng sinh tồn khi rơi vào hoàn cảnh khó khăn trong môi trường sống của con người. Chính yếu tố này đã tạo nên sức hút lớn nhất trong hoạt động trekking – rèn luyện và thể hiện bản thân, thử thách khả năng thích nghi, chịu đựng của con người về tâm sinh lý.

- Điểm đến là các vùng thiên nhiên hoang sơ, chủ yếu là đồi núi và cao nguyên.

Các địa điểm được chọn chủ yếu là những khu vực núi rừng mà điển hình là các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên hoặc các bản làng nằm cách xa đồng bằng và thành phố, những điểm đến này thường hẻo lánh, giao thông bất tiện, không có đường cho ô tô, xe máy, xe đạp đi lại khó khăn; tài nguyên đa dạng, còn hoang sơ và văn hóa bản địa độc đáo. Chặng đường trekking thường hoang dã, đòi hỏi sự khám phá và ưa thích mạo hiểm. Vì đặc điểm của điểm đến nên mang tới cho du khách nhiều nhận thức mới lạ, hòa mình vào thiên nhiên và cuộc sống của con người nơi đến.

Tuy nhiên cũng cần phải nhấn mạnh rằng yếu tố vất vả, nặng nhọc hay nguy hiểm vốn không được bao hàm trong khái niệm du lịch trekking. Đó chỉ là những đặc điểm có thể có và thường có của những chuyến đi loại này mà thôi.

– Chuyển du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu hòa mình vào thiên nhiên, tìm hiểu thiên nhiên và cuộc sống con người ở điểm đến; rèn luyện và thể hiện bản thân, thử thách khả năng chịu đựng của con người về cả tâm lý và sinh lý.

1.1.3. Điều kiện hình thành và phát triển

1.1.3.1. Điều kiện về điểm đến

a. Tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch. Điều kiện tài nguyên du lịch bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Việc khai thác các tài nguyên du lịch và phát triển các loại hình du lịch luôn gắn liền và có sự tác động qua lại lẫn nhau. Chính sự xuất hiện của các loại hình du lịch đã làm nhiều yếu tố của điều kiện tự nhiên và xã hội trở thành tài nguyên du lịch. Những cánh rừng nguyên sinh âm u và hoang vắng, những đỉnh núi cao và hiểm trở, suối, thác nước, khí hậu ôn hòa mát mẻ, trong lành có giá trị tạo nên phong cảnh thiên đẹp và sống động là những nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú, độc đáo và đặc sắc. Những nguồn tài nguyên này thường tập trung ở những vùng đồi núi cao, các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Ngoài ra các dân tộc thiểu số, những vùng cư dân ít người còn giữ được nhiều giá trị truyền thống cũng sinh sống chủ yếu ở những nơi này. Vì vậy các vườn quốc gia, khu bảo tồn không những giàu về tài nguyên du lịch tự nhiên mà còn phong phú và độc đáo bởi nguồn tài nguyên du lịch nhân văn.

Tài nguyên du lịch tự nhiên phục vụ du lịch trekking: Đặc trưng tự nhiên gồm các yếu tố địa hình và độc đáo, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên rừng.

Địa hình độ cao là thành phần của tự nhiên, là một trong những yếu tố quan trọng, là thành phần không thể thiếu được trong nguồn tài nguyên tự nhiên phục vụ du lịch trekking. Hệ thống đồi núi cao, địa hình đa dạng tương phản bao gồm thung lũng, áng, suối, thác nước,... sẽ tăng thêm sức hấp dẫn. Giả sử nếu không có địa hình phức tạp, độ dốc cao thì sẽ bị nhầm lẫn sang các loại hình đi bộ dã ngoại. Cùng với đó cần có tài nguyên rừng bao phủ để tránh sự đơn điệu, tài nguyên rừng với các hệ sinh thái rừng đa dạng phân bố ở các độ cao khác nhau, có các loại đặc trưng riêng. Hệ động, thực vật phong phú, đa dạng và quý hiếm với nhiều loài đặc hữu. Đây là yếu tố kích thích tò mò, khám phá của du khách. Bên cạnh những yếu tố đó điều kiện tài nguyên

tự nhiên cần có yếu tố hoang sơ – đây là đặc điểm đặc trưng cho điều kiện tài nguyên tự nhiên phục vụ cho loại hình này. Vì trekking là về “những nơi hẻo lánh, hoang sơ”. Các hệ sinh thái không bị tác động của con người, bảo tồn được nguồn gen, độc đáo, có nhiều loài sinh vật quý hiếm. Thường những vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên,... có nhiều điều kiện tài nguyên tự nhiên phù hợp để phát triển du lịch trekking. Các loại tài nguyên tự nhiên, các dạng địa hình càng đa dạng, tương phản, hoang sơ, độc đáo ở những độ cao khác nhau càng phù hợp cho việc phát triển loại hình trekking ở nhiều mức độ. Tuy nhiên các dạng địa hình núi đồi, suối, thác nước không quá nguy hiểm gây trở ngại cho việc bộ hành. Bên cạnh đó yếu tố khí hậu dễ chịu sẽ là điều kiện thuận lợi cho việc khai thác trekking tour quanh năm.

Điểm đến nào có nguồn tài nguyên tự nhiên phong phú, đa dạng hệ sinh thái, có những loài động, thực vật đặc hữu, không bị tác động của con người, càng có những nét riêng, khác biệt hơn thì sẽ càng là điểm đến trekking thu hút du khách.

Tài nguyên du lịch nhân văn phục vụ cho du lịch trekking: Đây là yếu tố quan trọng sau tài nguyên du lịch tự nhiên. Tuy nhiên nguồn tài nguyên này càng ngày càng thu hút các du khách trekking, chính vì thế mà điểm đến nào có cả hai yếu tố tự nhiên và nhân văn kết hợp sẽ là điểm đến trekking hấp dẫn và thu hút khách du lịch. Tài nguyên nhân văn phải mang những nét đặc sắc truyền thống, không bị hiện đại hóa, bao gồm: kiến trúc nhà ở, trang phục truyền thống, phong tục tập quán, lễ hội, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của cư dân bản địa có những nét khác biệt, giữ được những giá trị truyền thống của địa phương, của dân tộc. Các làng, bản này thường xa xôi, hẻo lánh, thông tin liên lạc hạn chế, cuộc sống dân cư phụ thuộc vào tự nhiên là chính.

Điều kiện tài nguyên du lịch là điều kiện tiên quyết cho việc lựa chọn điểm đến của du khách, đây cũng là cơ sở căn cứ để xác định điều kiện hình thành và phát triển của loại hình du lịch này ở điểm đến. Trekking tour là loại hình đặc biệt phù hợp với các Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Đây là những nơi hay vùng sinh thái đòi hỏi vấn đề bảo tồn được đặt lên hàng đầu, nên chỉ phát triển hệ thống đường mòn, các điểm dừng chân, cắm trại mà không xây dựng đường giao thông, cơ sở lưu trú trong các phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái.

b. Điều kiện kinh tế, xã hội

– *Cộng đồng, dân cư*: Các làng, bản ít người sinh sống, thường sống trong vùng được bảo tồn, không có sự giao lưu với bên ngoài nhiều, chủ yếu là cuộc sống khép kín, tự cung tự cấp trong vùng. Có nhiều hoạt động trong sinh hoạt và lao động thú vị giúp du khách trải nghiệm. Tuy nhiên cũng cần có lực lượng lao động tốt để cùng tham gia vào việc phát triển du lịch.

– *Cơ sở hạ tầng và khả năng cung ứng các dịch vụ*: Các cơ sở lưu trú, nhà hàng, dịch vụ cần giữ nguyên được kiến trúc của địa phương sẵn có. Các mô hình dịch vụ nhỏ, tiện nghi đơn giản phù hợp với loại hình này. Khả năng tiếp cận không quá khó khăn, các điểm đến chính không có đường cho xe ô tô đi vào, chủ yếu là các con đường mòn, các bậc đá để đến với điểm đến. Điểm đến càng tách biệt, hẻo lánh càng gây sự thích thú tò mò cho du khách. Tuy nhiên, việc đến các địa điểm này không mang tính chất nguy hiểm mà chỉ có yếu tố mạo hiểm. Thông tin liên lạc không có, bị hạn chế. Có các dịch vụ cho thuê lều bạt, đồ cắm trại, đồ nấu nướng, người khuôn vác, nấu ăn,... ở tại đầu tuyến trekking. Các điều kiện này không làm ảnh hưởng đến vẻ đẹp, cảnh quan hoang sơ của thiên nhiên hay gây tác động xấu đến cuộc sống của cộng đồng dân cư. Ngoài ra cũng cần có những mô hình trạm y tế, đội cứu trợ tại các tuyến hành trình để đảm bảo ứng cứu kịp thời cho những tai nạn bất ngờ xảy ra.

– *Cơ chế chính sách pháp luật*: Có những chính sách, quy định về việc bảo tồn thiên nhiên, môi trường, giá trị văn hóa. Tuy nhiên cũng cần có cơ chế tạo điều kiện cho việc khách du lịch tới điểm đến một cách phù hợp.

1.1.3.2. Điều kiện về chủ thể tham gia

a. Đối với khách du lịch

Yêu cầu hàng đầu với những du khách muốn thực hiện một chuyến du lịch trekking, đó là sức khỏe. Đây là loại hình đòi hỏi mỗi người phải tham gia vào những hoạt động mang tính nguy hiểm, nếu không có sức khỏe và tinh thần tốt du khách sẽ không thể thực hiện được chuyến du lịch của mình và cũng sẽ không tìm được cảm giác thích thú, vui sướng khi chinh phục được thiên nhiên.

Thứ hai là thời gian, vì trekking là một loại hình du lịch ít nhất là hai ngày nên đòi hỏi du khách cần có thời gian để chinh phục, khám phá.

Cuối cùng, du khách tham gia trekking cần trang bị cho mình những đồ dùng, dụng cụ bảo hộ cần thiết phù hợp với từng tour trek. Chính vì vậy mà chi phí bỏ ra cho chuyến trek đúng nghĩa cũng cao hơn so với các tour bình thường khác. Đặc biệt các tour trekking mua bởi các công ty du lịch có chi phí khá cao.

b. Cộng đồng địa phương

Còn giữ được những giá trị truyền thống, những nét văn hóa của cư dân bản địa. Có am hiểu nhất định về tài nguyên của địa phương mình cũng như có ý thức bảo tồn môi trường. Sẵn sàng và chủ động tham gia, hỗ trợ cho du lịch bằng việc tham gia vào hoạt động hướng dẫn, chỉ đường, vác đồ thuê, nấu ăn thuê, sống cùng du khách, cùng tham gia các hoạt động lao động với du khách,... Hiểu được lợi ích của loại hình này mang lại mà không gây biến động lớn về những giá trị đã giữ gìn, bảo tồn.

c. Các nhà tổ chức/điều hành tour

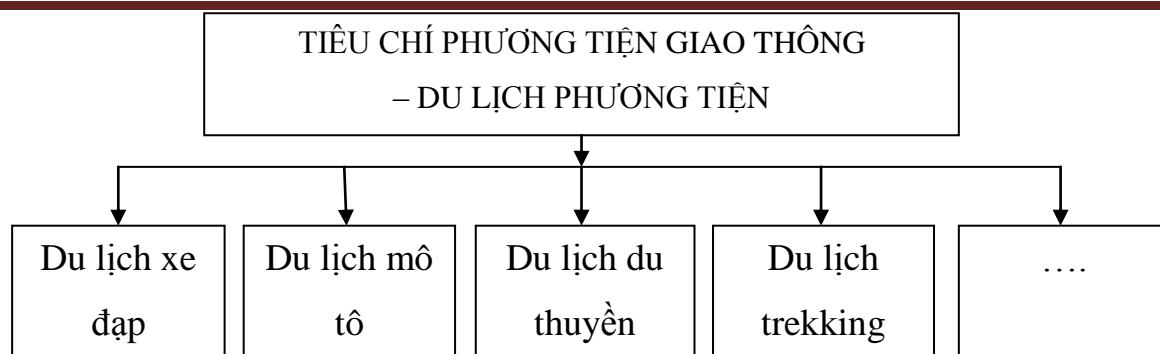
Luôn phải kết hợp cùng với cộng đồng địa phương, đưa họ trở thành những nhân viên đặc lực nhất trong chuyến trekking, từ người hướng dẫn, người khuôn vác, người nấu ăn thuê, đến những nhà cho thuê. Các nhà tổ chức/điều hành tour trekking chuyên nghiệp cần xây dựng các lớp học, lớp kỹ năng trước chuyến đi cho du khách, có cẩm nang về điểm đến. Việc xây dựng và phát triển tour đảm bảo các yếu tố phù hợp với nhu cầu và thể lực của du khách (một tour trek đạt chuẩn có độ dài ngắn nhất là 2 ngày). Hỗ trợ tối đa để đảm bảo cho chuyến trekking của du khách không mang tính chất nặng nhọc, được đảm bảo về tính mạng, sức khỏe (có bảo hiểm).

1.1.4. Vị trí phân loại, các thành tố và cấp độ

1.1.4.1. Vị trí phân loại

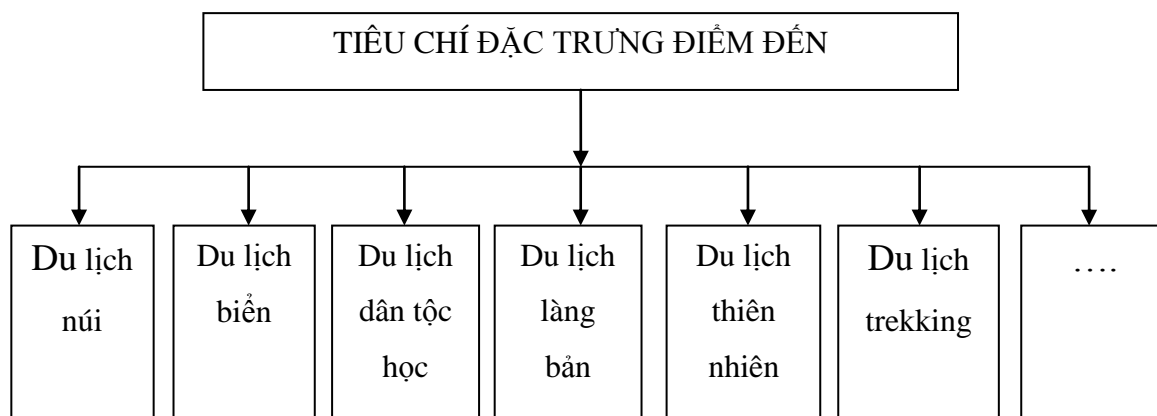
Để hiểu rõ hơn về vị trí đặc thù của loại hình du lịch trekking và hướng phát triển của loại hình du lịch này tác giả đã căn cứ vào các đặc trưng của du lịch trekking ở phần trên xác định du lịch trekking có các vị trí như sau:

– Theo tiêu chí phân loại dựa vào phương tiện giao thông: du lịch trekking với đặc trưng là đi bộ nên có thể xếp cùng loại với các loại hình du lịch khác như: xe đạp, mô tô, thuyền,...



Sơ đồ 1.1: Vị trí phân loại của du lịch trekking theo tiêu chí phương tiện du lịch

– Theo tiêu chí phân loại dựa vào đặc trưng điểm đến: dựa vào đặc trưng về địa hình của loại hình trekking chủ yếu là vùng núi, có địa hình cao hiểm trở có thể xếp du lịch trekking phần nào thuộc phân hệ du lịch núi, du lịch thiên nhiên, du lịch dân tộc học, du lịch làng bản,...



Sơ đồ 1.2: Vị trí phân loại của du lịch trekking theo tiêu chí đặc trưng điểm đến

Ngoài ra còn nhiều tiêu chí phân loại khác nhau như theo tiêu chí đặc trưng mạo hiểm/ khám phá, đặc trưng thể thao,... Có thể khẳng định du lịch trekking là một loại hình du lịch khá đặc biệt, mang nhiều đặc điểm của các loại hình du lịch khác. Hay nói cách khác sự ra đời và phát triển của loại hình du lịch trekking là sự kế thừa, tiếp thu và chọn lọc từ nhiều loại hình khác.

1.1.4.2. Phân loại

Theo mục đích chuyến đi của du khách trekking tour, có thể phân loại loại hình này như sau:

– *Trekking tour thuần túy*: Đặc điểm tự nhiên của điểm đến là quan tâm hàng đầu và lớn nhất của khách du lịch. Đó thường là những vùng đồi núi, cao nguyên hoang dã (có thể thuộc hoặc không thuộc các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên) có địa hình thích hợp với đi bộ. Bên cạnh đó kết hợp với việc tìm hiểu những tài

nguyên nhân vẫn trên tuyến hành trình (nếu có). Có thể gọi đơn giản loại này là du lịch khám phá bằng đi bộ.

– *Trekking tour kết hợp*: Ngoài vai trò chủ đạo của loại hình trekking tour sẽ kết hợp với một loại hình khác hay các thành tố của một loại hình du lịch khác. Ví dụ Trekking tour kết hợp nghỉ mát, Trekking tour kết hợp chữa bệnh, Trekking tour kết hợp nghiên cứu khoa học, Trekking tour kết hợp loại phương tiện khác,...

– *Trekking tour tổng hợp*: Trên cơ sở đặc điểm của điểm đến và nhu cầu, mục đích của du khách. Thể loại trekking tour tổng hợp có thể là sự kết hợp của nhiều loại hình du lịch, trong đó trekking tour là chủ đạo.

1.1.4.3. Các thành tố và cấp độ

Đây là cơ sở cho việc xác định phương thức tổ chức loại hình du lịch trekking cũng như khẳng định lần nữa về những đặc trưng đã nêu ở trên.

Các thành tố cơ bản của loại hình trekking:

– *Độ dài chuyến đi (trip length)*: Tổng thời gian du khách rời khỏi nhà cho đến khi về nhà cho chuyến đi vì mục đích trekking. Nếu là các chuyến đi kết hợp thì sẽ tính điểm bắt đầu và kết thúc khác so với nhà của du khách;

– *Thời gian trek (time on trek)*: Số ngày trek tại điểm du lịch;

– *Khoảng cách đi bộ (walking distance)*: Tổng số dặm/km đi qua trong chuyến trek. Trong nhiều trường hợp phải ước lượng;

– *Độ cao tối đa (maximum altitude)*: Độ cao cao nhất so với mực nước biển mà du khách đạt được trong suốt chuyến đi trek. Thông số này ngoài việc thể hiện khả năng chinh phục đỉnh cao mà du khách đạt được trong suốt chuyến đi trek. Thông số này ngoài việc thể hiện khả năng chinh phục đỉnh cao của du khách còn giúp cho việc kiểm soát hội chứng không khí loãng nhằm bảo vệ du khách.

– *Thách thức về thể lực (Physical challenge)*: Đòi hỏi thể lực trong mỗi chuyến trek thông thường được phân thành 5 cấp độ, từ 1 đến 5 với mức độ khó dần. Việc phân định cấp độ này đồng thời phản ánh một sự tổng hợp của các thành tố độ cao tối đa, địa hình, khoảng cách đi bộ mỗi ngày.

+ Trek cấp độ 1 thông thường đi bộ từ 4 đến 6 giờ qua vùng địa hình có độ cao thấp. Một người đi bộ khỏe mạnh và có tinh thần tích cực không cần đến hoặc cần rất ít sự chuẩn bị cho chuyến trek cấp độ 1.

+ Trek cấp độ 2, 3 hay 4 chiếm đại đa số trong số nhưng tour trek tiêu biểu trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Vì sự phối hợp giữa các thành tố bản thân đã rất khác nhau, tùy thuộc vào các yếu tố khác đến chuyến trek như thời tiết,... nên khó phân định rõ ràng giữa các cấp độ này. Việc nghiên cứu cho thấy trek cấp độ 3 đòi hỏi đi bộ một ngày từ 6 đến 7 giờ, sự thay đổi độ cao cách biệt từ 600m – 900m, cách biệt so với mực nước biển từ 3000m – 4500m.

+ Trek cấp độ 5 đòi hỏi một ngày đi bộ tối thiểu 10h, độ cao chênh lệch tối thiểu 1220m (4000 feet) một ngày, và độ cao đỉnh đạt được là trên 5135m (17 000 feet). Những chuyến trek như vậy đòi hỏi những du khách thực sự khỏe mạnh và phải được tham gia vào một khóa huấn luyện thể lực và ý chí trước khi tham gia.

– *Thách thức tinh thần (mental challenge)*: Thách thức tinh thần được đo bằng tỷ lệ số lượng các sự kiện tồi tệ hay rủi ro trên 1km đường trek. Đây là chỉ số rên rỉ (whine/ whimper index). Nói chung sự chịu đựng thể xác liên quan rất lớn đến tinh thần, do đó chỉ số đau cơ và chỉ số rên rỉ có liên quan mật thiết với nhau và trong nhiều trường hợp giống nhau.

– *Chi phí*

+ Đối với trek tự tổ chức: bao gồm chi phí thuê người khuân vác và/ hoặc hướng dẫn viên tại điểm, cũng như thức ăn và lệ phí đi đường. Nếu tại điểm có sẵn lều bạt hay phương thức ngủ đêm nào đó chi phí sẽ bao gồm cả yếu tố này.

+ Đối với đoàn trek hoặc theo nhóm mua tour: ở mức thấp nhất, một chuyến trek kiểu này (do một nhà điều hành du lịch địa phương ở mức thấp nhất thực hiện) tối thiểu thông thường không bao gồm chi phí khách sạn trước và sau chuyến trek, chi phí vận chuyển từ các chặng đón khách tới điểm đến, cũng như các tour phụ. Hướng dẫn viên có thể hạn chế về khả năng giao tiếp tiếng Anh. Còn chi phí ở mức cao nhất thì sẽ do các nhà tổ chức nước ngoài thực hiện, bao gồm khách sạn, vận chuyển toàn bộ, tour phụ và hướng dẫn viên tốt nhất.

– *Khoảng thời gian chính vụ*: Là khoảng thời gian tốt nhất trong năm để thực hiện chuyến trek có tính đến việc dự đoán thời tiết.

– *Chặng đón khách*: nơi mà các nhà tổ chức thông thường đón khách để bắt đầu tham gia một tour trek. Còn đối với những người đi trek tự tổ chức thì đó là những thành phố, đô thị lớn gần nhất so với điểm đến mà họ có thể tìm thấy được nhà tổ chức địa phương cũng như hướng dẫn viên.

1.1.5. Vai trò của du lịch trekking

1.1.5.1. Góp phần đa dạng hóa các loại hình du lịch

Tác giả tái khẳng định loại hình du lịch trekking còn mới tại Việt Nam. Vì những đặc trưng của loại hình du lịch trekking mà mỗi chuyến trek lại đem lại những trải nghiệm khác lạ. Chính vì yếu tố này mà loại hình du lịch này cần được phát triển.

Thành phố Hải Phòng được biết đến là một thành phố Cảng biển, do đó hiện nay tại thành phố phát triển các loại hình du lịch biển, sinh thái, MICE, văn hóa, hay trong vài năm trở lại đây có thêm loại hình du lịch đồng quê,... Chính vì vậy mà du lịch trekking nếu được phát triển cả góp phần làm đa dạng các loại hình du lịch không chỉ tại Cát Bà nói riêng mà Thành phố Hải Phòng nói chung. Điều này góp phần đa dạng hóa thành phần khách du lịch, thu hút lượng lớn khách đến và quay trở lại Cát Bà với mục đích du lịch khác nhau.

1.1.5.2. Giáo dục hiệu quả ý thức bảo vệ tài nguyên du lịch

Điểm đến của trekking là vùng núi hay các bản làng chính vì vậy mà yếu tố giữ gìn tài nguyên cần được phát huy từ cộng đồng. Chính du lịch trekking đã tác động trở lại cộng đồng địa phương trong việc bảo tồn những giá trị tài nguyên tại địa phương mình, xung quanh nơi cư dân đang sinh sống. Bên cạnh đó, chính những du khách trek chuyên nghiệp thông qua hoạt động tìm hiểu, khám phá của mình sẽ biết cách bảo vệ tài nguyên trong mỗi chuyến trek để điểm đến đó vẫn còn nguyên vẹn cho những chuyến trek sau của các cá nhân/đoàn khác.

1.1.5.3. Chia sẻ lợi ích từ du lịch với cộng đồng địa phương

Trekking là loại hình du lịch gắn bó với cư dân bản địa. Du khách đến du lịch tại địa bản sẽ sử dụng các dịch vụ (khuôn vác, thuê đồ, thuê hướng dẫn viên,...) do cộng đồng cư dân bản địa cung cấp. Điều này làm góp phần tạo việc làm và tăng thu

nhập cho người dân địa phương, góp phần làm cải thiện cuộc sống của họ, cũng như của địa phương. Đồng thời khi hoạt động trek phát triển, một số cơ sở du lịch và chính quyền địa phương sẽ có những đầu tư cho cơ sở hạ tầng.

1.1.5.4. Rèn luyện cá nhân

Du lịch trekking là một trong những loại hình phổ biến nhất trong hệ thống loại hình du lịch chuyên biệt theo hướng thể thao – khám phá, mạo hiểm. Chính vì thế mà yếu tố sức khỏe và ý chí, cũng như các khả năng ứng phó với các tình huống bất ngờ được đặt lên cao. Hoạt động trek bao gồm cả hoạt động leo núi và băng rừng. Nếu như băng rừng là hoạt động trong không khí thiên nhiên trong lành giúp cải thiện hệ hô hấp thì “Leo xuống núi trong thời gian dài giúp làm giảm lượng đường huyết, và do đó làm giảm nguy cơ hoặc tác động của bệnh tiểu đường và tác động tới nồng độ cholesterol trong cơ thể” (Các nhà khoa học Bỉ tuyên bố). Đối với những du khách yêu trek hay trek ở những cấp độ cao thì đòi hỏi phải qua những khóa huấn luyện hoặc tự bản thân rèn luyện dài ngày để đảm bảo cho chuyến trek tốt. Chính vì vậy, trekking sẽ góp phần rèn luyện sức khỏe và ý chí, bản lĩnh của các cá nhân tham gia loại hình du lịch này.

Bên cạnh đó, hoạt động du lịch trekking phát triển đem lại nhiều vai trò khác với kinh tế, xã hội và cộng đồng địa phương:

- Góp phần giải quyết vấn đề việc làm, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ;
- Góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho cộng đồng địa phương và giảm thiểu tình trạng đói nghèo;
- Đóng góp trực tiếp trong việc duy trì và bảo tồn đa dạng sinh học và văn hóa bản địa;
- Giao lưu, trao đổi văn hóa giữa các nền văn hóa trong nước, văn hóa quốc tế, giúp mở mang dân trí, phong phú thêm bản sắc dân tộc.

1.2. Du lịch trekking trên Thế giới và Việt Nam

1.2.1. Du lịch trekking trên Thế giới

1.2.1.1. Sự hình thành của hoạt động trekking và loại hình du lịch trekking

Từ nửa sau thế kỷ XX, đặc biệt trong khoảng bốn thập niên trở lại đây, bên cạnh những loại hình du lịch truyền thống như tắm biển, nghỉ dưỡng, nhiều loại hình du lịch mới đã xuất hiện và phát triển, không đơn giản chỉ là về mặt số lượng loại hình

mà còn đánh dấu sự thay đổi khuynh hướng nhu cầu, sở thích đi du lịch của du khách. Sau chiến tranh thế giới lần 2, khi công cuộc khôi phục kinh tế đã đạt được những thành quả, ngành du lịch thế giới mới có điều kiện phát triển trở lại vì mọi người đã bắt đầu đi du lịch. Tới những năm 1960, hoạt động du lịch sôi động tại Châu Âu – một châu lục luôn tiên phong trong lĩnh vực du lịch thế giới. Nếu như lúc đầu chủ yếu là đi tham quan các kỳ quan thế giới như Kim tự tháp, Vườn treo Babilon, đền thờ nữ thần Artemis ở Ephese,... rồi sau đó là các mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn, phục hồi sức khỏe. Các chuyến du lịch này được cung ứng theo quy cách trọn gói bởi các tập đoàn lữ hành, khi đó là tập đoàn Thomas Cook và các con trai với các chi nhánh khắp thế giới. Cùng thời điểm đó, bên cạnh xu hướng du lịch truyền thống với sự thụ hưởng bị động và cổ điển, bắt đầu xuất hiện ngày càng tăng thêm những người muốn đi du lịch theo hướng khác, tích cực hơn, bớt tính thụ hưởng, do đó mà thú vị hơn bởi có nhiều điều mới lạ, tự bản thân khám phá nhất là những vùng thiên nhiên kì thú ít được biết đến. Ban đầu là khuynh hướng tự tổ chức, sau đó trở lại khuynh hướng thuê mướn rồi đến việc tổ chức trọn gói chuyên nghiệp.

Ở hướng du lịch này có thể kể đến các loại hình mang tính thể dục, thể thao – khám phá, mạo hiểm như du lịch xe đạp, du lịch chèo thuyền/xuồng kayak, du lịch mô tô, du lịch trượt tuyết, du lịch đi bộ khám phá, mạo hiểm,... Tính độc đáo tạo nên sức hấp dẫn với du khách, thỏa mãn tìm kiếm sự khác biệt đã khiến khách du lịch ngày càng muốn tham gia vào nhiều loại hình mới lạ... Trên một cơ sở loại hình du lịch đã có, đáp ứng nhu cầu chuyên biệt của du khách và dựa trên những đặc điểm riêng của địa phương, một loại hình du lịch mới có thể nảy sinh, trước hết phục vụ cho một đối tượng khách nhất định, sau đó dần được biết đến và được áp dụng rộng rãi ở những địa phương khác có điều kiện tương tự. Trekking là trường hợp như vậy.

Tháng 01/1969 đánh dấu sự hình thành của công nghiệp du lịch khám phá/mạo hiểm tại Mỹ khi tập đoàn Mountain Travel U.S ra đời với một số thành viên từ Châu Âu. Ngay năm đó tập đoàn đã kinh doanh 6 chuyến trek tại Nepal, 1 chuyến trek tại Kashmir và cả các tour đi bộ và leo núi tại Corsica, Thụy Sĩ, New Zealand và Kenya. Vào cuối những năm 1970, làn sóng thứ hai nổ ra khi hàng loạt công ty kinh doanh trekking ra đời tại Mỹ.

Có thể khẳng định rằng hoạt động trekking cũng như hình thức du lịch này đã hình thành từ những thập kỷ đầu thế kỉ XX tại Châu Âu, khi mà một bộ phận tri thức, quý tộc và thương nhân cũng như những người đam mê khám phá các vùng đất khác nhau trên thế giới, muốn tìm kiếm một cách thức hưởng thụ du lịch mới mẻ hơn nhưng cũng thách thức và trải nghiệm hơn.

1.2.1.2. Sự phát triển của loại hình du lịch trekking trên thế giới

Từ những năm đầu thế kỷ XX, hoạt động du lịch trekking đã xuất hiện tại châu Mỹ, châu Âu, khởi phát từ sáng kiến của những người giàu có muốn tổ chức chuyến đi mang tính vận động cao, rèn luyện sức khỏe, thử thách với các địa hình, độ cao, khám phá những nét nguyên sơ của thiên nhiên. Tại thời kỳ này, hoạt động trek chỉ được biết tới và thực hiện trong tầng lớp quý tộc, giàu có; tầng lớp lao động không có mặt trong những tour du lịch như thế này vì điều kiện thời gian, tài chính không phù hợp cho những chuyến đi đó. Đồng thời tại thời điểm đó, du lịch trekking mới phát sinh, chưa phổ biến, cũng được xã hội ít quan tâm, kể cả tầng lớp thượng lưu.

Trong khoảng ba thập niên tiếp theo, du lịch trekking được chấp nhận chủ yếu bởi đối tượng quý tộc, tư sản cấp tiến và được truyền bá chủ yếu theo phương thức truyền kinh nghiệm. Hình thức tổ chức tour cũng mang tính tự phát cao. Loại hình du lịch này lúc đấy trở thành niềm đam mê, thú sở thích riêng của một số lượng người không lớn nhưng ngày càng gia tăng.

Trong khoảng 30 năm trở lại đây, hoạt động du lịch trekking đã phát triển nhanh và có những bước chuyển biến lớn trên thế giới.

– Các điểm đến mới luôn được bổ sung. Ngoài các vùng núi nổi tiếng lâu đời ở Châu Âu, châu Á như Alps, Himalayas,... các điểm đến mới còn luôn được mở rộng tới nhiều vùng núi hoang dã tại các châu lục khác. Và cũng không bó hẹp tại các vùng núi, địa điểm trek còn được mở rộng tới những vùng đất hẻo lánh, những bản làng xa xôi.

– Đối tượng khách luôn mở rộng, không chỉ những người giàu có như thời kì đầu mà còn có cả đối tượng sinh viên, học sinh, công chức, văn nghệ sĩ, nhà nghiên cứu,... với mong muốn du lịch tích cực, tự bản thân khám phá hay thỏa mãn nhu cầu đam mê.

– Nghiệp vụ tổ chức ngày càng chuyên nghiệp với trình độ cao, chương trình tour được chú ý đầu tư với những điểm đến khó tiếp cận hơn, thời gian tour kéo dài hơn với sự cách biệt văn minh. Tuy nhiên, các phương tiện hỗ trợ đã được chuyên biệt hóa cho loại hình này để đảm bảo tính an toàn cho du khách, chuyến đi cũng như sự bền vững của môi trường thiên nhiên.

– Nhà cung ứng, hãng lữ hành chuyên kinh doanh trekking, các đại lý quảng cáo cho loại hình này có mặt ở nhiều nơi với hàng loạt chi nhánh, tư vấn, đáp ứng nhu cầu của du khách ở nhiều thời điểm trong năm.

Dưới đây là một số điểm đến chính của loại hình du lịch trekking trên thế giới:

– Châu Âu: Italia (dãy núi Alps – dãy núi lớn nhất Châu Âu), Pháp (núi Pyrenees, vùng Korsica), Tây Ban Nha (núi Iberian), Na Uy (vùng Hardangervidda Plateau), đảo lớn nhất Greenland;

– Châu Á: Nepal (dãy Himalayas với đỉnh núi Everest cao nhất thế giới), Tây Tạng (vùng Lhasa, núi Kailas), Indonesia (cao nguyên Sulawesi, đảo Borneo); Malaysia (đảo Sabah, núi Kinabalu), Ấn Độ (núi Annapurna), Pakistan (núi Hindu Kush);

– Châu Phi: Morocco (sa mạc Sahara, dãy núi Atlas), Tanzania (vùng núi Kilimanjaro, Zanzibar, thảo nguyên Serengeti), Nam Phi (vùng núi Drakensberg);

– Châu Mỹ: Hoa Kỳ (dãy núi Rocky, núi Appalachian, vùng Hồ Lớn), Canada (dãy núi Rocky), Bolivia (núi Andes), Peru (rừng Amazon);

– Châu Úc: New Zealand (dãy Alps Nam), Australia (dãy Great Dividing).

Xếp hạng các điểm đến theo thứ tự phổ biến và được nhiều du khách trekking đến nhất (David Noland, 2001) [6] là:

- 1) Nepal – Gokyo & Everest Base Camp
- 2) Tanzania – Kilimaniaro
- 3) Pakistan – Snow Lake
- 4) Chile – The Paine Circuit
- 5) Italia – The Dolomites Traverse

1.2.2. Sự hình thành và phát triển loại hình du lịch trekking tại Việt Nam

Tiềm năng du lịch trekking của khu vực Đông Nam Á dường như vẫn chưa được phát huy vì những nguyên nhân kinh tế - chính trị. Indonesia, Malaysia, Thái Lan là những quốc gia đầu tiên trong khu vực áp dụng khai thác du lịch trekking. Trong những năm 90 của thế kỷ XX, Việt Nam mới chỉ được coi như một điểm đến phụ trong lộ trình du lịch trekking của khách du lịch quốc tế. Sau những chuyến thăm Việt Nam của những du khách ưa thích tìm hiểu những miền đất mới lạ, một số điểm du lịch miền núi, cao nguyên ở Việt Nam phù hợp với loại hình du lịch trekking dần dần được du khách quốc tế biết đến như Sa Pa, Điện Biên, Lai Châu, Hòa Bình, Đắk Lắk, Đà Lạt,... những nơi mà phần lớn có thể mạnh truyền thống là du lịch nghỉ dưỡng.

Những chuyến trek đầu tiên mang tính khảo sát được tiến hành ở Tây Bắc Việt Nam. Địa điểm được chọn là Sa Pa, từ đó những kinh nghiệm tổ chức du lịch trekking được truyền lại cho chính người dân địa phương và trong gần hai thập niên qua, Việt Nam đã được các hãng lữ hành chuyên về du lịch trekking quốc tế chú ý, quảng cáo như một điểm đến chính thức và thực sự hấp dẫn.

Theo đặc thù của loại hình trekking, tiềm năng phát triển loại hình này tại Việt Nam đáng kể hơn các nước trong khu vực về cả mặt điều kiện tự nhiên và nhân văn.

Cùng với một số loại hình du lịch khám phá/mạo hiểm khác, du lịch trekking thực sự xuất hiện ở Việt Nam từ khoảng những năm 1990. Thời điểm đó, trekking xuất hiện như một hình thức du lịch khám phá thiên nhiên được du khách châu Âu ưa chuộng, nhất là với những người có kì nghỉ dài ngày. Các tour trekking ở Tây Nguyên được chọn nhiều, thường dài từ 7 đến 20 ngày bao gồm leo núi, tham quan các khu rừng, thác nước cũng như cuộc sống của các cộng đồng dân tộc ít người.

Hiện nay, nhiều hãng lữ hành lớn hay chuyên kinh doanh du lịch khám phá/mạo hiểm đã đưa trekking thành một sản phẩm du lịch và ngày càng được ưa chuộng hướng đến thị trường khách quốc tế. Tuy nhiên đối với người dân Việt Nam, du lịch trekking vẫn còn là loại hình khá xa lạ hay chỉ phổ biến ở giới trẻ. Các công ty du lịch cũng hạn chế khai thác khách du lịch nội địa nên phần lớn du khách Việt Nam tham gia hoạt động trek một cách tự phát.

Đối với người dân Việt Nam, du lịch trekking vẫn còn là một loại hình khá xa lạ. Chính vì vậy mà các tour trekking không được du khách nội địa quan tâm và mua nhiều, đồng thời các công ty du lịch cũng không nhiệt tình quảng bá sản phẩm đến đối tượng này. Các phương tiện thông tin đại chúng và trường học, cả những trường đại học chuyên ngành du lịch cũng chưa có sự nghiên cứu thấu đáo nên cũng giới thiệu sơ sài, phiến diện hay không đề cập đến loại hình du lịch này.

1.2.3. Một số điểm du lịch Trekking tiêu biểu ở Việt Nam

1.2.3.1. Sa Pa (Lào Cai)

Sa Pa là một thị trấn vùng cao trên 1500m so với mực nước biển, nằm cách thành phố Lào Cai 38km, phần lớn cư dân sinh sống là người dân tộc thiểu số H'mong, Dao đỏ, Tày, Giáy,... Đây là một trong số ít những nơi hiếm hoi của Việt Nam có tuyết. Sa Pa nổi tiếng với nhiều địa danh có cảnh quan đẹp như Thác Bạc, Cầu Mây, công Trời, động Tả Phìn, bãi đá cổ Sa Pa, núi Hàm Rồng, Phan Si Păng, vườn quốc gia Hoàng Liên⁴...; thêm vào đó là các làng bản của người dân tộc như bản Cát Cát, bản Sín Chải, bản Tả Van,... Tour trekking được lựa chọn thường xuyên và hấp dẫn nhất là “Chinh phục đỉnh Phan Si Păng – nóc nhà Đông Dương”. Tại Sa Pa đã có những cơ sở chuyên nghiệp, những phương thức tổ chức chuyên biệt cho loại hình du lịch này. Sa Pa được đánh giá là điểm đến số một cho du lịch trekking.

1.2.3.2. Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình)

Phong Nha – Kẻ Bàng nằm trên khu vực núi đá vôi cao trên 800m so với mực nước biển, cách trung tâm thành phố Đồng Hới 50km. Được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới theo tiêu chí địa chất, địa mạo năm 2003, Phong Nha – Kẻ Bàng cũng từng được đề cử UNESCO công nhận lần 2 là Di sản thiên nhiên thế giới với tiêu chí đa dạng sinh học ngày 29/6/2011. Khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng có lẽ là một trong những mẫu hình riêng biệt và đẹp nhất về sự kiến tạo carxtơ phức tạp ở Đông Nam Á. Tại đây có một hệ thống khoảng 300 hang động lớn nhỏ, có giá trị hàng đầu thế giới, trong đó nổi bật là những hang như hang Tối, hang Chà An, hang Thung, hang Én, hang Vòm, hang Hổ, động Thiên Đường, động Tiên Sơn; ngoài hang

⁴ Vườn Quốc gia Hoàng Liên: nằm ở độ cao từ 1000 – 3000m so với mực nước biển, thuộc địa bàn các huyện Than Uyên, Phong Thổ tỉnh Lai Châu và Sa Pa tỉnh Lào Cai

động khu vực này còn đa dạng loại định như suối, thác, núi rừng. Chính yếu tố địa hình đa dạng, nhiều nét nguyên sơ, cảnh quan đẹp, phong phú hệ động thực vật đã làm cho Phong Nha – Kẻ Bàng là một điểm đến được những trekker chọn lựa hàng đầu.

1.2.3.3. Khu vực Tây Nguyên

Tây Nguyên là vùng đất gồm nhiều cao nguyên liền kề có độ cao trên 500m. Nơi đây là địa bàn sinh sống hơn 17 tộc người thiểu số người Thượng⁵. Về mặt địa hình Tây Nguyên không có sự chênh lệch độ cao lớn, địa hình ít hiểm trở, tuy nhiên vùng đất này lại thu hút dân trek bởi những khu rừng đặc chủng, những nét văn hóa đặc sắc của đồng bào thiểu số trong đời sống, sinh hoạt, đặc biệt không gian văn hóa Công Chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại (ngày 15 tháng 11 năm 2005). Khu vực Tây Nguyên bao gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng với nhiều điểm đến hấp dẫn như: làng cổ K'tu, rừng nguyên sinh Chư Môn Ray, đường mòn Hồ Chí Minh, làng Ba Na (Kon Tum); Vườn quốc gia Yóc Đôn, khu lâm viên Ea Kao, Buôn Đôn (Đắk Lắk); dòng Sêrepok (Đắk Nông); rừng nhiệt đới Kon Ka Kinh & Kon Cha Rang, Biển Hồ, núi Hàm Rồng (Gia Lai). Tây Nguyên là điểm đến được đánh giá cao trong loại hình du lịch trekking.

Có thể khẳng định rằng những điều kiện tự nhiên và nhân văn của những điểm trekking tiêu biểu của Việt Nam nói trên là những điển hình đáp ứng đòi hỏi của loại hình. Đặc biệt chú ý hơn cả là Tây Nguyên và các các tỉnh phía Tây Bắc có hấp dẫn riêng khi triển khai loại hình này nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú và đời sống sinh hoạt của bà con vùng cao còn giữ nét riêng. Đây là các tuyến điểm mà du khách có thể tham gia với tour dài ngày.

Tiểu kết chương 1

Du lịch trekking là một loại hình với đặc trưng đi bộ - khám phá/mạo hiểm – hài hòa với thiên nhiên và cuộc sống bản địa đã du nhập vào Việt Nam khoảng hơn 20 năm. Hướng tiếp cận cho việc xem xét du lịch trekking trong hệ thống phân loại loại

⁵ Người Thượng: Hay còn được gọi là “đồng bào sắc tộc”, người Thượng có nghĩa là người ở miền cao hay miền núi

hình du lịch rất đa dạng, từ đó thấy được vai trò của loại hình này. Đồng thời nhận thấy những yếu tố thuận lợi của Việt Nam khi tiếp cận loại hình du lịch trekking.

Như vậy chương 1 của đề tài đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của loại hình du lịch trekking, từ lịch sử hình thành đến khái niệm, vai trò, đặc trưng, các điều kiện hình thành và phát triển đến tình hình phát triển trên thế giới và tại Việt Nam. Đây chính là cơ sở khoa học cho các nghiên cứu của tác giả được thực hiện trong chương 2 và chương 3.

CHƯƠNG 2

CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH TREKKING TẠI CÁT BÀ – HẢI PHÒNG

Loại hình trekking tuy mới xuất hiện ở Việt Nam khoảng 20 năm trở lại đây nhưng hiện có chiều hướng phát triển nhanh và mở rộng các điểm đến. Cát Bà tại Hải Phòng là một điểm đến đang được chú ý cho loại hình trekking của những du khách quốc tế trong vài năm gần đây. Thiên nhiên ưu đãi cho Cát Bà nhiều cảnh quan đẹp, tài nguyên rừng và biển phong phú, một quần thể đảo và hang động trên biển làm mê hồn du khách. Vùng biển có đảo Cát Bà được ví như hòn ngọc của Hải Phòng. Đảo Cát Bà là đảo lớn nhất trong số các đảo thuộc vịnh Bắc Bộ. Nơi đây hội tụ nhiều yếu tố phát triển cho loại hình du lịch trekking.

Cát Bà từ ngàn xưa đã nổi danh là một vùng đất trù phú và kỳ vĩ, như Đại Nam nhất thống chí đã ghi: “Một vùng núi non dựng lên như ngọc, cá tôm nhiều như đất, dân đua nhau thu lượm, lúa má không có, thuế đánh không nhiều. Sóng vỗ dập dồn vách núi, thuyền xuyên vĩa đá mà đi. Nhân dân vui hưởng thái bình, ...”. Cũng có sách khác lại ghi rằng: “Cát Bà là nơi voi quỳ, mã phục, quần ngư tranh thực”, có thể sản sinh các vị anh hùng, hào kiệt; hay “Thắng vi đế vi vương, bại Cát Bà vi cứ”, ý nói về vị trí chiến lược của quần đảo này từ ngàn xưa. Năm 2004, Cát Bà được Unesco công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Với sự kiện này cũng đã làm tăng sự hấp dẫn, thu hút khách du lịch.

2.1. Giới thiệu khái quát về Cát Bà

2.1.1. Vị trí địa lý

Quần đảo Cát Bà là một trong hai đơn vị hành chính trực thuộc huyện Cát Hải phía đông bắc thành phố Hải Phòng. Đảo chính là Cát Bà cách trung tâm thành phố 60km về phía Đông, ở phía tây nam Vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long, cách thành phố Hạ Long 25km, cách thủ đô Hà Nội khoảng 150km về phía Đông.

Tọa độ địa lý: Từ 20⁰42' đến 20⁰54' vĩ Bắc

Từ 106⁰52' đến 107⁰07' kinh Đông

Quần đảo Cát Bà có diện tích 262,41 km² (170,41km² phần đảo và 92km² phần biển), quần thể gồm hơn 360 đảo lớn nhỏ như: hòn Cát Ông, hòn Cát Đuối, hòn Mây,

hòn Tai Kéo,... Đảo Cát Bà là đảo lớn nhất trong quần thể đảo với diện tích khoảng 200 km², độ cao trung bình 70m so với mực nước biển.

2.1.2. Tên gọi

Theo lời kể trong dân gian, vùng đảo núi đá Cát Bà đã từng là hậu cứ của các bà cho việc trồng tía, hái lượm, cung cấp lương thực thực phẩm cho các ông chống theo Thánh Gióng đánh giặc Ân ở hòn đảo lân cận (đảo Cát Ông). Và chính từ những trận chiến chống giặc đã xuất hiện nhiều nữ tướng dũng cảm nên người dân xưa đặt là Các Bà.

Có một câu chuyện dân gian khác của vùng Đông Bắc, đảo Cát Bà khi xưa vốn là hậu phương của người đàn ông đầu tiên đến khai sơn phá thạch vùng đất này. Khi ông phát hiện ra cái vịnh quý giá với nhiều hòn đảo đẹp mà sau này có tên là Hạ Long, thì cũng là lúc ông phải cuu mang cùng lúc nhiều số phận nữ đơn cô, mà chồng của họ đã vĩnh viễn không trở về sau những chuyến đi biển đầy bất trắc. Rồi để rảnh tay khai phá vùng Hòn Gai, Bãi Cháy, ông đã tập hợp tất cả các bà ra sống tại hòn đảo xinh đẹp, trù phú, biệt lập giữa biển khơi, nằm trong vịnh Lan Hạ. Vì thế, sau này vùng đất Bãi Cháy, Hòn Gai có tên là Đất Của Ông, còn hòn đảo kia thì có tên là Đảo Các Bà. Trải bao biến đổi, thăng trầm, bây giờ còn lại hai địa danh Cửa Ông (Quảng Ninh) và Cát Bà (Hải Phòng).

Lại có câu chuyện khác gắn với lịch sử giữ nước của Việt Nam rằng, thời chiến đấu chống quân Nguyên xâm lược, người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo đã chọn vùng biển Đông Bắc này làm nơi tập kết, luyện quân, tích trữ lương thảo. Những hang động trong vùng biển này đều được huy động vào việc cất giấu quân lương, che ém tàu thuyền của quân ta. Vì vậy, vùng biển phía Hạ Long được chọn làm khu vực quân sự - ngày nay còn có Hang Dấu Gỗ tương truyền là nơi quân ta cất dấu những chiếc cọc gỗ bịt sắt đã làm nên chiến thắng Bạch Đằng lừng lẫy, còn vùng biển phía vịnh Lan Hạ là nơi tích trữ lương thảo, chăm sóc y tế, là khu vực do Các Bà cai quản. Vì thế mà có tên là Cửa Đức Ông, Đảo Các Bà. Bản đồ hành chính thời Pháp thuộc năm 1938 ghi địa danh này là Các Bà. Có lẽ theo thời gian tên gọi Các Bà đã bị đọc lệch đi thành Cát Bà.

2.1.3. Lịch sử hình thành

Trước năm 1957, Cát Hải – Cát Bà là hai tổng thuộc phủ Quảng Yên (Cát Bà là tổng Hà Sen và Cát Hải là tổng Đôn Lương), sau đó thuộc khu Hồng Quang. Năm 1956, tổng Hà Sen và Đôn Lương được cắt nhập về Hải Phòng, từ đó, tổng Hà Sen là huyện Cát Bà và tổng Đôn Lương là huyện Cát Hải. Đến ngày 22/07/1957, huyện Cát Hải được thành lập theo nghị định số 318-TTg của Thủ tướng Chính phủ, theo đó huyện Cát Hải gồm vùng đất của huyện Cát Bà cũ, thị xã Cát Bà nay là thị trấn Cát Bà. Cát Bà gồm một thị trấn Cát Bà và 6 xã: Gia Luận, Hiền Hào, Phù Long, Trân Châu, Việt Hải, Xuân Đám.

2.1.4. Sơ lược hoạt động du lịch tại Cát Bà

Cát Bà là nơi có nguồn tài nguyên tự nhiên đa dạng và phong phú với nhiều loại hình du lịch như tham quan, nghỉ dưỡng, thể thao – mạo hiểm,... đã và đang khai thác có hiệu quả cho hoạt động du lịch. Nhờ có những điều kiện lợi thế về vị trí, tài nguyên,... mà hàng năm Cát Bà thu hút rất đông lượng khách du lịch quốc tế và nội địa.

Bảng 2.2: Lượng khách du lịch và doanh thu hàng năm đảo Cát Bà

Năm	2004	2005	2006	2007	2008
Tổng số lượt khách	328.000	435.000	500.000	729.000	1.160.000
Khách quốc tế	118.000	122.000	171.000	224.000	500.000
Khách nội địa	210.000	313.000	329.000	505.000	660.000
Tổng số ngày khách	439.000	652.700	742.900	894.600	900.000
Khách quốc tế	146.300	157.500	207.800	363.700	450.100
Nội địa	293.500	495.200	535.100	530.800	449.900
Doanh thu từ du lịch (tỷ đồng)	43	75	104.5	170	390

(Nguồn: Phòng du lịch huyện Cát Hải)

Đảo Cát Bà đạt chỉ tiêu đón một triệu khách trước một năm so với dự kiến. Năm 2009, lượng khách du lịch tăng cao khiến doanh thu du lịch của Cát Bà đạt 400 tỷ đồng, vượt 100 tỷ đồng so với năm 2008. Theo thông tin của Tổng cục du lịch: “chỉ

trong 9 tháng đầu năm 2012, khách du lịch đến Cát Bà ước đạt 1.168.000 lượt (trong đó khách quốc tế ước đạt 203.400 lượt). Tổng doanh thu từ du lịch ước đạt 525,5 tỷ đồng. Cả về lượng khách lẫn tổng doanh thu từ du lịch, huyện Cát Hải đều cao hơn nhiều tỉnh trong nước”.

Bảng 2.3: Dự báo lượng khách quốc tế đến Cát Bà

Đơn vị: Nghìn lượt

Địa điểm	Hạng mục	2000	2005	2010	2020
Hải Phòng	Số lượt khách	85	170	380	750
	Ngày lưu trú trung bình (ngày)	3,0	3,2	3,4	4,0
	Tổng số ngày khách	255	545	1.290	3.000
Cát Hải	Số lượt khách	25	60	140	280
	Ngày lưu trú trung bình (ngày)	1,1	1,2	1,5	2,0
	Tổng số ngày khách	27,5	72	210	560

(Nguồn: Phòng du lịch huyện Cát Hải)

Như vậy có thể thấy lượng du khách quốc tế đến Cát Bà ngày càng tăng là một dấu hiệu tốt, đem lại nhiều lợi ích cho địa phương Cát Bà nói riêng cũng như thành phố Hải Phòng nói chung.

Trên địa bàn huyện Cát Hải hiện có 154 khách sạn, nhà nghỉ, trong đó tập trung chủ yếu ở Cát Bà, có 1 khách sạn 4 sao, 27 khách sạn đạt tiêu chuẩn từ 1 đến 3 sao; 124 phương tiện vận chuyển du khách, 3.300 lao động phục vụ trong lĩnh vực du lịch.

Quần đảo Cát Bà đã và đang phát triển nhiều loại hình du lịch: lịch sử, văn hóa, sinh thái, biển đảo, nghỉ dưỡng, khám phá, tham quan... hay du lịch thể thao (leo núi, đi bộ, đi xe đạp, chèo thuyền kayak, lặn biển ngắm san hô...). Những điểm tham quan, tour du lịch đang được ưa thích ở Cát Bà hiện nay là Vườn Quốc gia Cát Bà, hang Trung Trang, hang Quân Y, đi thuyền trên vịnh Lan Hạ, đảo Khỉ, đảo Nam Cát, khu du lịch suối Gôi, pháo đài thần công...

Đặc biệt năm 2013, khi thành phố Hải Phòng được chọn là nơi đăng cai Năm Du lịch quốc gia đồng bằng sông Hồng thì có nghĩa là Cát Bà sẽ là điểm bút phá về du

lịch của thành phố. Trong 4 ngày nghỉ lễ (30/04 và 01/05)) vừa qua, có hơn 2,5 vạn khách du lịch trong và ngoài nước đến thăm quan, nghỉ mát tại khu du lịch Cát Bà, trong đó 30% là khách quốc tế. Ngày cao điểm, lượng khách đến Cát Bà lên tới hơn 8 nghìn người. Nét mới trong dịp nghỉ lễ này là, nhiều du khách, nhất là khách nước ngoài ưa thích tham gia tua du lịch sinh thái cộng đồng thay vì tập trung ở trung tâm và một số bãi tắm Cát Cò như mọi năm. Khách du lịch khám phá sinh thái ở các điểm du lịch cộng đồng như Xuân Đám, Việt Hải, Gia Luận, Phù Long..., ăn, nghỉ qua đêm ở các khu vực đến thăm, vừa giảm áp lực khách lưu trú dồn về trung tâm của Cát Bà, vừa tạo điều kiện phát triển dịch vụ du lịch ở các khu vực này.

Cát Bà đã đạt được những kết quả khả quan và đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn mang lại nguồn nhân sách lớn cho địa phương, tạo ra công ăn việc làm cho người dân địa phương.

2.2. Điều kiện phát triển du lịch trekking tại Cát Bà

2.2.1. Tài nguyên du lịch

2.2.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

a. Địa hình

Khu vực Cát Bà có địa hình khá đa dạng, chủ yếu là núi đá vôi xen kẽ nhiều thung lũng hẹp chạy dài theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, bao gồm vùng núi có độ cao dưới 500m, đa phần có độ cao từ 50 – 200m kết hợp với hệ sinh thái phong phú tại Vườn quốc gia Cát Bà tạo nên cảnh quan hùng vĩ và hấp dẫn. Khu vực này cũng như phần Đông Bắc Việt Nam có lịch sử phát triển địa chất lâu dài, từng là một bộ phận của cấu trúc uốn nếp caledoni đánh dấu sự kết thúc chế độ địa mảng biển sâu Karstia vào cuối kỷ Silua.

Các khối đá vôi này có tuổi trung bình là các bon muôn - pecmi (250 - 280 triệu năm). Cấu tạo dạng khối, đôi khi phân tầng khá mỏng, màu xám hay xám trắng nằm xen kẽ với đá vôi silic. Chúng có đầy đủ những dạng của một miền Karst ngập nước biển, do tác động của nước mặt và nước ngầm đã tạo ra một hệ thống các hang động ở các độ cao khác nhau (4m, 15m và 25 - 30m). Do các hoạt động của sóng biển đã tạo ra các ngấn sóng vồ ở tất cả các chân đảo đá vôi vùng Cát Bà và các mái hiên mài mòn dạng dài và hẹp bao quanh chân, có nơi gập ngấn sóng kép ở mức 3,5 - 4m

và 1,0 - 1,5m. ở các vùng kín, sóng biển còn tạo ra các tích tụ cát rất sạch, bao quanh các đảo nhỏ. Đó là các bãi tắm mini rất lý tưởng cho các dịch vụ du lịch tắm biển.

Về phía Bắc và Tây Bắc đảo Cát Bà còn có một diện tích khá lớn thành tạo do cát không phân chia tạo nên dạng đồng bằng ven biển, chúng được thành tạo do phù sa sông biển. Lớp trầm tích phủ lên trên khá dày (>2m), dưới sâu hơn là phù sa hạt thô (độ sâu 5 - 10m) chủ yếu là sỏi cuội và cát... Sát biển hơn (nơi hàng ngày chịu ảnh hưởng của nước triều) có sù, vẹt, đước, trang, mắm, bần... mọc dày đặc phủ kín hầu hết diện tích này.

Nhìn chung địa hình khu vực Cát Bà thuận lợi cho việc phát triển du lịch trekking ở cấp độ thấp đến trung bình, chủ yếu là khu vực Vườn quốc gia Cát Bà và xung quanh. Dựa vào các chỉ tiêu về độ cao, độ dốc, mật độ chia cắt có thể chia thành các dạng địa hình khác nhau:

– *Dạng địa hình núi thấp*: Dạng địa hình bị chia cắt mạnh là kiểu địa hình chủ yếu tại đảo Cát Bà. Các đỉnh núi ở đây đa số có độ cao khoảng 100 - 250m. Đỉnh cao nhất là ngọn Cao Vọng 331m thuộc phần Tây đảo Cát Bà, được xem như là nơi “bồng lai tiên cảnh”, có “bàn cờ tiên” ẩn dưới những gốc cây cổ thụ và hương rừng đổ quỳên quỳên rữ.

Đặc điểm nổi bật nhất của núi trên đảo là đỉnh nhọn, sắc, sườn núi dạng răng cưa, dốc đứng, hiểm trở, lởm chởm tai mèo và có nhiều hang động không kém vùng Ninh Bình, đặc trưng cho địa hình Karst nhiệt đới, Karst ngập nước ở vùng Đông Bắc Việt Nam như hang Nàng Tiên, hang Trinh Nữ, hang Áng Vải, động Trung Trang, động Cô Tiên, động Đá Hoa, động Cao Vọng, động Hùng Sơn,... Hầu hết các hang/động ở đây đều có độ dài dưới 200m, hang/động dài nhất không quá 1.000m (động dài nhất là động Trung Trang dài gần 1.000m). Vị trí cửa hang/động đều tập trung ở các mức 4 - 6m, 15 - 20m, 30 - 40m so với mặt đất. Tuy về kích thước không lớn nhưng các hang động ở Cát Bà có hình thái đẹp, nhiều thạch nhũ, nhiều ngách và thường gắn liền với quá trình chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Một số hang trên đảo Cát Bà trước đây đã được các nhà khảo cổ khảo sát và tìm được hóa thạch răng người tiền sử và các công cụ bằng đá thời văn hóa Hạ Long. Vì vậy, đây là nguồn tài nguyên có giá trị lớn, không những hấp dẫn du khách bốn phương mà còn là tiền đề thuận lợi

cho việc phát triển du lịch trong nước hay địa phương trong thời điểm hiện tại và lâu dài.

Phía Đông Nam Cát Bà là những ngọn núi cao sừng sững như những tấm bình phong khổng lồ kết hợp với nhiều vách núi đá đâm thẳng ra biển, ngăn chặn gió lạnh phương Bắc làm cho vùng đảo này sóng nước luôn hiền hòa. Vùng trung tâm đảo là vùng địa hình núi đan xen trùng điệp tạo thành những thung lũng trù phú, kết hợp với biển tạo nên sự đa dạng địa hình hấp dẫn du khách.

– *Dạng địa hình đồi đá phiến*: Chiếm một diện tích khá nhỏ. So với địa hình núi đá vôi thì địa hình đồi đá phiến mềm mại hơn nhiều, sườn thoải, đỉnh tròn và thấp hơn núi đá vôi, khả năng sinh trưởng và phát triển của thực vật cũng khả quan hơn.

– *Dạng địa hình thung lũng giữa núi*: Là những vùng trũng với nhiều hình dạng khác nhau thường kéo dài theo via đá vôi và nối với nhau qua sông đá thấp tạo thành máng trũng dài. Thung lũng trong vùng có dáng khá bằng phẳng và được phủ bởi tàn tích của đá vôi. như thung lũng Trung Trang, thung lũng Việt Hải, thung lũng Khe Sâu, đất đai ở các thung nhìn chung khá tốt có thể sử dụng trồng cây ăn quả, rau xanh, và trồng các loài cây màu, lúa.

– *Dạng địa hình đồng bằng khá bằng phẳng*: Chỉ có ở huyện Phù Long với góc dốc bề mặt 1 - 3⁰. Độ chia cắt sâu trung bình 4 - 5km, chia cắt dày lớn, trung bình 7 - 8 km/km².

– *Dạng địa hình đáy biển* nguyên là đồng bằng lục địa lớn bị biển làm ngập trong thời gian biển tiến sau băng hà lần cuối cùng. Đáy biển có hình thái đồng bằng, vùng đáy sâu 5 - 10m, cực đại 39m.

Trong phạm vi đồng bằng này có một số rặng san hô. Sự phức tạp của địa hình đáy biển với nhiều rạn san hô có giá trị ở vùng ven đảo Cát Bà là yếu tố quan trọng, tạo điều kiện cho việc đa dạng hóa loại hình du lịch, đặc biệt loại du lịch ở biển như du lịch lặn ngầm, du lịch mạo hiểm.

– *Dạng địa hình bờ biển* xung quanh quần đảo Cát Bà mang kiểu bờ biển mài mòn hóa học. Cát Bà chủ yếu là núi đá vôi, có đường biển khúc khuỷu, dáng hùng

vĩ, độ dốc lớn, đới bờ⁶ hẹp, bị chia cắt mạnh dạng răng cưa. Bờ biển có nhiều mũi nhô đá gốc xen kẽ với các vụng nhỏ hình dáng không nhất định tạo thành do kết quả quá trình hòa tan tạo thành các vịnh nhỏ, bãi cát trải dài, phẳng mịn, nước trong vắt, soi rõ cả đáy cát vàng như bãi Đá Bằng, bãi Cát Cò I, II, bãi Định Gianh, bãi Cát Dứa,... Đó là những bãi tắm đẹp nổi tiếng có sức hút mạnh đối với du khách trong và ngoài nước

Bảng 2.4: Danh mục các bãi biển có tiềm năng phát triển du lịch ở đảo Cát Bà

Tên bãi	Kích thước (m)		Góc dốc tr un g bì nh	Diện tích lộ ra khi thủy triều xuống (m ²)
	Chiều	Chiều		
Tây Tắm	380	80	2 ⁰ 47'	23.289
Cát Cò I	250	104	2 ⁰ 13'	18.606
Cát Cò II	270	84	2 ⁰ 56'	17.868
Cát Quyền	140	38	5 ⁰ 43'	3.160
Cát Dứa	300	70	2 ⁰ 38'	15.335
Đượng Gianh	3.500	100	2 ⁰ 48'	577.200

(Nguồn: Phân viện Hải dương học Hải Phòng)

Ngoài ra, ở huyện Phù Long còn có kiểu bờ biển cửa sông hình phễu, xen kẽ mũi nhô sóng mài mòn tạo thành các vách dựng đứng là các cung lõm có bãi tích tụ vật liệu giải phóng và vật liệu từ sông đưa ra. Phù Long thuộc nhóm đảo cát, địa hình bằng phẳng, rìa biển có các bãi cát rộng, được cấu tạo bằng bãi cát hiện đại (phù hợp xây dựng với các khu tắm biển). Ven rìa các đảo thường có bãi triều rộng, các bãi biển này có nhiều thực vật ngập mặn mọc dày đặc, phát triển tạo hệ sinh thái rừng ngập mặn đặc sắc mang tính chất nhiệt đới có sức thu hút với khách du lịch châu Âu làm phong phú thêm những chuyến trekking dài ngày của khách tại đảo ngọc.

⁶ Đới bờ (coastal zone): là các mảng không gian nằm chuyển tiếp giữa lục địa và biển, luôn chịu tác động tương hỗ giữa lục địa và biển, hệ tự nhiên và hệ nhân văn, các ngành và người sử dụng tài nguyên vùng bờ theo cả cấu trúc dọc và cấu trúc ngang, giữa cộng đồng dân địa phương và các thành phần kinh tế khác.

– Các rạn san hô ngầm tập trung ở phía Đông Nam đảo Cát Bà. Các rạn san hô phát triển khá nhanh. Đây là các rạn san hô kiểu ven bờ, đôi khi cũng có các dạng giống như các ám tiêu vòng nhỏ ở ngoài đại dương trông rất đẹp.

Bên cạnh đó quanh Cát Bà có nhiều bến chính phân bố theo các hướng khác nhau như Phù Long, Gia Luận, Việt Hải, Bến Bè, Cảng Cá. Các bến này đều có thể đến bằng đường bộ phù hợp cho chuyên đi bộ tìm hiểu về cuộc sống và hoạt động của người dân vùng biển.

b. Khí hậu

Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng tạo ra môi trường du lịch. Với loại hình du lịch trekking thì yếu tố này đặc biệt cần lưu ý vì có ảnh hưởng trực tiếp đến những trekkers. Nhiệt độ, độ ẩm,... sẽ gây tác động đến quá trình đi bộ dài hay ngắn, có thuận lợi hay khó khăn trong việc bộ hành hay việc tìm hiểu, khám phá tài nguyên. Cát Bà có những ưu thế về khí hậu, cũng như các điểm du lịch khác ở ven biển phía Bắc, khí hậu Cát Bà bị chi phối sâu sắc bởi biển. Ảnh hưởng của biển làm điều hòa khí hậu khu vực đảo, giảm bớt các ảnh hưởng cực đoan về nhiệt độ và độ ẩm, mùa hè, thời tiết Cát Bà không quá oi bức, mùa đông không quá lạnh. Cát Bà có khí hậu đại dương, đặc biệt là nơi có khí hậu lí tưởng cho những du khách muốn thoát khỏi những ngày hè nóng và oi trong đất liền. Do sự chi phối hoàn lưu gió mùa Đông Nam Á, khí hậu mang tính nhiệt đới nóng ẩm và gió mùa, khí hậu nơi đây chia làm hai mùa rõ rệt:

– Mùa hè, từ tháng 5 đến tháng 9, khí hậu nóng ẩm gần trùng với mùa mưa nhiều, rất thuận lợi cho hoạt động du lịch. Hoạt động trekking được diễn ra thuận lợi hơn vì trời sáng dễ di chuyển và thời gian hoạt động kéo dài hơn. Tháng 4 và tháng 10 là các tháng chuyển tiếp mùa.

+ Nhiệt độ trung bình mùa hè là $27,9^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ cao nhất là $35, 36^{\circ}\text{C}$;

+ Trung bình có trên 10 ngày mưa/1 tháng, tổng lượng mưa từ 1500 – 1600mm, chiếm 80 - 90% lượng mưa năm, mưa nhiều nhất vào các tháng 7, 8;

+ Có gió mùa đông nam, tốc độ trung bình 2,5 – 3,0 m/s, cực đại 20 – 30 m/s

– Mùa đông mang tính lạnh, từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, hạn chế các nhu cầu du lịch truyền thống, cũng phù hợp với hoạt động trekking vì người dân vùng

đảo chỉ sống tập trung nhiều tại thị trấn và Phù Long, còn những nơi địa điểm khác thì gần như đây là các vùng hẻo lánh, càng rèn luyện ý chí của những trekkers.

+ Nhiệt độ trung bình là $19,8^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ thấp nhất là dưới 10°C ;

+ Trung bình có 6 – 8 ngày mưa/1 tháng, tổng lượng mưa đạt 200 – 500mm, đầu mùa thường khô hanh, cuối mùa thường ẩm ướt vì có mưa nhỏ, mưa phùn;

+ Có gió mùa đông bắc, tốc độ trung bình là 2,5 – 3,0 m/s.

Tuy nhiên, vì Cát Bà nằm giáp biển Đông nên hàng năm Cát Bà vẫn xuất hiện các hiện tượng thời tiết bất thường:

– Bão và áp thấp nhiệt đới thường xuất hiện vào khoảng các tháng 7, 8, 9, 10.

Hàng năm, có từ 3 – 5 lần đổ bộ vào Cát Bà. Bão thường gây mưa lớn trên toàn khu vực, gây tổn hại lớn đến các tài nguyên tự nhiên, các công trình phục vụ khách du lịch trên đảo.

– Đông: tTrung bình mỗi năm có khoảng 40 – 50 ngày có đông lớn. Đông thường xuất hiện vào mùa hạ. Đôi khi cơn đông có kèm theo cả gió lốc và mưa đá, hiện tượng vòi rồng gặp trên biển gây trở ngại rất lớn cho tàu bè qua lại cũng như hoạt động du lịch trên địa bàn, đồng thời hiện tượng này tác động tiêu cực đến tâm lý khách du lịch khi chọn Cát Bà vào đúng mùa mưa bão.

– Sương mù: Thường tập trung vào mùa đông từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Thời điểm sương mù là từ 5 – 8 giờ sáng. Khi mặt trời lên cao sương mù tan. Hiện tượng này làm giảm tầm nhìn từ xa, gây nhiều trở ngại nhiều cho việc tìm đường, nhận biết hướng của những trekker.

Đối với du lịch trekking, thời gian thuận lợi nhất cho hoạt động là các tháng 1, 2, 3, 5, 6 và các tháng 11, 12. Thực tế so với nhiều điểm đến khác của Việt Nam, khí hậu Cát Bà khá thuận lợi cho hoạt động du lịch dài ngày. Nắm bắt được quy luật, đặc điểm của khí hậu sẽ giúp cho những trekker có lựa chọn thời điểm phù hợp cho hành trình đi bộ đường dài, hay chuẩn bị những đồ dùng cần thiết để khắc phục yếu tố thời tiết bất thường xảy ra. Đồng thời bên cạnh đó nắm bắt được đặc điểm khí hậu sẽ giúp cho các công ty du lịch, nhà điều hành quản lý sẽ tổ chức được tour trekking hợp lý, đảm bảo an toàn cho du khách.

c. Sinh vật

Tài nguyên động, thực vật góp phần làm sinh động thêm cho điểm du lịch và cũng là nét độc đáo riêng biệt của mỗi địa phương, là tài sản quý, hiếm của mỗi điểm du lịch và của cả nước. Đặc biệt là với vùng đảo này được Unesco công nhận là khu dự trữ sinh quyển Thế giới làm tăng thêm yếu tố hấp dẫn du khách.

Đảo Cát Bà là thảm rừng nhiệt đới xanh quanh năm, có khu rừng nguyên sinh với nhiều loài chim, thú, bò sát và thảm thực vật quý hiếm. Ngoài ra, đảo còn có giá trị lớn về hải sản, hệ sinh thái rừng ngập mặn, có ao hồ trên núi đá vôi, góp phần làm phong phú thêm các hình thức du lịch trên đảo.

– Thực vật

Cát Bà có khí hậu nhiệt đới gió mùa bị chi phối mạnh bởi biển nên thực vật xanh tốt và sinh trưởng mạnh mẽ quanh năm. Rừng trên đảo nguyên là rừng rậm nhiệt đới, nhưng do bị tác động mạnh của con người nên hầu hết đã bị thay bằng thực bì thứ sinh nghèo nàn hơn: thành phần cây ít, chủ yếu là loại ưa đá vôi, tăng trưởng chậm nên thường không cao, ít tầng tán, ít cây leo. Tuy nhiên tại trung tâm đảo Cát Bà hiện vẫn còn một vùng rừng rậm nhiệt đới xanh quanh năm được bảo tồn khá nguyên vẹn.

Những đặc điểm nổi bật của hệ thực vật rừng Cát Bà:

- + Có nhiều loài thực vật vùng đảo đá Đông Bắc đều có mặt ở Cát Bà;
- + Có những loại gốc cây quý, hiếm ở Việt Nam như kim giao (đặc hữu), lát hoa (quý), chó đái (đặc hữu), trai (quý), đinh (quý), gôi nếp (quý), cọ Bắc Sơn (đặc hữu);
- + Có nhiều loại thực vật có nguồn gốc từ các khu hệ lân cận như long não, sau, sồi giẻ, hoan hài,...
- + Có 270/745 loài có thể làm thuốc chữa bệnh, đáng chú ý hơn cả là thuyết giáo, hương nhu, bình vôi, lá khô, kim ngâu,...

Rừng Cát Bà được coi là một khu rừng tự nhiên khá độc đáo nằm giữa biển rộng. Diện tích núi đá vôi chiếm 19.827 hecta, trong đó phần diện tích có cây che phủ là 13.200 hecta chiếm 60% núi trên đảo Cát Bà. Rừng tại Cát Bà có một kiểu chính là rừng nhiệt đới thường xanh mưa mùa ở đai thấp và một số kiểu phụ như: rừng trên núi đá vôi, rừng ngập mặn, rừng ngập nước với đặc trưng là cây Vả nước ở khu Ao Ếch,... tạo ra cảnh quan đa dạng, đặc sắc.

+ Rừng ở các thung, áng, chân núi đá vôi: có ba tầng cây gỗ, độ tàn che 0.6 – 0.8, ít bị tác động:

- Tầng 1: cao trên 20m, gồm các cây sấu, gội nếp, phay, săng lẻ, cà lồ, lim xẹt;
- Tầng 2: cao trên 12m, có 4 loại: cây tầng, chẹo, ngát, bứa;
- Tầng 3: cao trên 8m, với nhiều cây gỗ nhỏ của hau tầng trên và các cây thau linh, trọng đũa

Tầng cỏ tuyết không có, chỉ nơi nào tán rừng mở rộng mới có lá che và lá khô. Thực vật ngoại tầng thường là các cây dây leo gỗ như nho rừng, dây quạch, dây chung bầu. Loại hình rừng này phân bố ở các áng, thung lũng của trung tâm khu đảo như: áng Lụt Trong, áng Lụt Ngoài, áng re bờ đá, áng Man Tấu, áng Mái Cọ, áng Cây cau, áng Rạng, áng Mây Bầu, áng Phay, dọc đường và trong các thung lũng từ Việt Hải sang Trà Báu, Trà Báu sang Gia Luận.

+ Rừng trên sườn núi đá vôi: độ tàn che rừng từ 0,4 – 0,6, ít bị tác động, tầng rừng đơn giản hơn với hai tầng cây gỗ:

- Tầng 1: cao 15 – 20m, gồm các cây như dâu da xoan, màu cau đá, trường, nhãn rừng,... nơi có tầng đất dày thì có rải rác cọ Bắc Sơn cao 20 – 30m;
- Tầng 2: cao dưới 10m, có các loại cây: mạy tèo, lèo heo, các cây con của tầng trên.

Tầng cỏ quyết có các cây mọng nước của họ Gai, họ Lan.

+ Rừng trên đỉnh núi đá vôi: luôn có gió mạnh nên các cây gỗ thường cao không quá 5m, thực bì chỉ có từ 1 – 2 tầng. Các loài thực vật thường là huyết giác, nhọ nôi, xanh quýt, móc mật,... rải rác các cây cọ xẻ có tàn che từ 0,2 – 0,3. Dưới tán có xương rồng, chân chim núi mọc xen lẫn với loại dây leo và cây bụi như dây móng bò. Nơi gió mạnh thường chỉ có loài trúc đũa.

+ Khu rừng Kim giao: ở khu vực Trung Trang có một khu rừng non thuần cây kim giao mọc khá tập trung trên diện tích chừng 32 hecta. Những cây kim giao có đường kính lớn đã bị phá hủy do nạn chặt phá rừng, hiện nay chỉ còn lại một vài cây có đường kính 30 – 40cm ở sâu trong rừng. Đây là khu rừng rất quý trong hệ thực vật miền Bắc Việt Nam, theo các nhà chuyên môn loài cây này đang trong giai đoạn bị

tiêu diệt, số lượng giảm mạnh. Hiện nay khu rừng non đang được tu bổ, cải tạo thêm, chuyên hóa dần sẽ là một khu rừng giống bảo vệ nguồn gen phục vụ công tác khoa học và tham quan du lịch có giá trị cao.

+ Rừng ngập nước trên Ao Ếch: đây là đầm nước ngọt duy nhất nằm trên núi cao, được bảo vệ nghiêm ngặt trong khi vực vườn quốc gia Cát Bà trên tuyến du lịch đi sang làng Việt Hải. Khu vực này cách trung tâm vườn quốc gia 5km, có diện tích chừng 3 hecta, mực nước có độ cao trung bình 50cm, bùn lầy thụt, chỉ có cây Và Nước thuộc họ liễu. Cây Và Nước có độ cao từ 8 – 15m, đường kính 15 – 20cm, phát triển rất mạnh với mật độ 2500 cây/ha, cây có hệ thống rễ thở độc đáo, mọc đều trên toàn bộ mặt đầm. Thân cây và cành cây có nhiều loại hình thù kì lạ sẽ dễ khiến du khách liên tưởng đến những loài vật trong rừng như trăn, rắn, tắc kè,... Ao Ếch là một trong những điểm tham quan hấp dẫn và độc đáo nhất của vườn quốc gia Cát Bà cũng như của chuyến trek khám phá tự nhiên.

+ Rừng ngập mặn: phân bố chủ yếu ở phía Tây Bắc của Cát Bà, thuộc địa phận xã Phù Long, nằm trên cung đường đi vào vườn quốc gia, thị trấn Cát Bà. Rừng ngập mặn ở đây bao gồm các cây thường xanh lá cứng cao từ 1 – 7m. Thực vật ở đây thuộc họ đước, họ ô rô, họ ráng, họ cỏ tai ngựa, họ bần, họ báng, họ thầu dầu. Rừng có một tầng, các loài chiếm ưu thế là đước xanh, vẹt dù, sù.

Bảng 2.5: Thống kê diện tích các kiểu thảm thực vật rừng tại đảo Cát Bà

Đơn vị tính: héc ta

STT	Kiểu thảm	Diện tích	Tỷ lệ (%)	Phân bố
	Tổng đất lâm nghiệp	18,12	60	
	Thảm thực vật	15,51	52	
1	Rừng nguyên sinh thường xanh mưa ẩm trên núi đá vôi	1045,2	6	Trần Châu, Gia Luận, Phù Long, Việt Hải
2	Rừng thứ sinh nghèo thường xanh mưa ẩm trên núi đá vôi	4900,2	27	Trần Châu, Gia Luận, Việt Hải, Xuân Đám, Hiền Hào
3	Rừng thường xanh mưa ẩm	8,1		Trần Châu, Gia Luận

	phòng hộ trên núi đá vôi			
4	Rừng ngập nước trên núi đá vôi	3,6		Trung tâm vườn quốc gia
5	Rừng phụ thứ sinh tre nứa phòng hộ sau nương rẫy	41,6		Việt Hải, Xuân Đám, Hiền Hào, Gia Luận
6	Cây bụi, cây tái sinh trên núi đá vôi	8016,7	45	Các khu vực có núi đá vôi
7	Trảng cây bụi, cây tái sinh trên núi đất	506,7	3	Trong và bao quanh khu vực vườn quốc gia
8	Rừng trồng	355,4	2	Trần Châu, Xuân Đám, Hiền Hào, Gia Luận
9	Rừng ngập mặn	632,5	4	Phù Long, Gia Luận
10	Núi đá trọc	2502,0	8	Các đỉnh hoặc phiến đá lớn (quanh vườn quốc gia)

(Nguồn: Quy hoạch vườn quốc gia Cát Bà năm 2005)

Về đa dạng sinh học, trong vườn quốc gia đã xác định có 745 loài thực vật bậc cao thuộc 495 chi và 149 họ thực vật, trong số thực vật đã xác định có thể chia thành:

- Cây gỗ lớn 145 loài
- Cây gỗ nhỏ 120 loài
- Cây bụi 81 loài
- Thân thảo đứng 237 loài
- Thân thảo leo 56 loài
- Quyết thực vật 56 loài
- Cây nửa bụi, dây leo 50 loài
- Họ thầu dầu 44 loài
- Họ cò nứa 30 loài

- Họ đậu cánh bướm 26 loài
- Họ dâu tằm 25 loài
- Họ cà phê 23 loài
- Họ cúc 20 loài
- Họ tếp 15 loài
- Họ hoa môi 13 loài
- Họ na 10 loài
- Họ sim 11 loài
- Họ bồ hòn 10 loài
- Họ cam 15 loài
- Họ long não 16 loài

Bảng 2.6: Thành phần loài thực vật rừng tại Cát Bà

Ngành thực vật	họ	chi	loài
ng (Lycopodionphyta)	2	3	6
(Equisetophyta)	1	1	1
(Polypodionphyta)	16	32	63
inophyta)	6	13	29
Angiospermae)	161	793	1.462
– Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	130	660	1.231
– Lớp Hành (Liliopsida)	31	133	231
Tổng số	186	842	1561

(Nguồn: Quy hoạch Vườn quốc gia Cát Bà 2005)

– Động vật:

Sự phân bố các loài động vật quý hiếm trên đảo không đều. Hiện tại các loài khỉ vàng, sơn dương phân bố rải rác ở các thung, áng dân cư như Re Bờ Đá, Nước Lụt, Man Dớp; voọc đầu trắng⁷ – loài động vật đặc hữu duy nhất trên thế giới, tập trung ở vách núi bên cửa sông Việt Hải, Lạch

⁷ Voọc đầu trắng: hiện nay ước tính số lượng khoảng trên 300 cá thể trên toàn đảo Cát Bà, đây là loài động vật cực kỳ quý hiếm, là biểu tượng của Vườn quốc gia Cát Bà.

Tàu, Trà Báu, áng Ong Cam,...; chim quý, đặc biệt là chim Cu Gáy phân bố dọc tuyến Trung Trang – Áng Sỏi, Trung Trang – Mốc Trắng, Trung Trang – Gia Luận.

Theo kết quả điều tra, quan sát và phân loại hệ động vật rừng Cát Bà gồm các loại chim, thú, ếch nhái, bò sát.

Bảng 2.7: Thành phần loài động vật rừng tại Cát Bà

STT	Tên lớp	Số bộ	Số họ	Số giống	Số loài
1	Thú	5	10	6	20
2	Chim	13	34	60	69
3	Bò sát	2	9	15	15
4	Ếch nhái	1	5	11	11
Tổng cộng		21	58	92	115

(Nguồn: Hội khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam)

Trong số hơn 2000 loài động thực vật ở Cát Bà, có gần 60 loài được coi là đặc hữu, quý hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam và thế giới. Có thể thống kê như sau:

- Những loài động vật trên cạn: khoảng 30 loài
- Bậc E: là những loài đang đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt gồm: Đồi mồi, Quán đồng, Rùa da, Ác là, Quạn khoang, Voọc đầu trắng, Voọc quần đùi trắng
- Bậc V: Nhưng loài có nguy cơ bị tổn thất gồm 13 loài: Kỳ đà nước, Trăn đất, Rắn hổ chúa, Đạn vẩy bụng không đều, Vích, Khi mặt đỏ, Khi đuôi lợn, Sơn dương, Hươu sao, Hoẵng, Tê tê vàng, Sóc bụng đỏ.
- Bậc R: loài có vùng phân bố hẹp, số lượng ít gồm 4 loài: Cốc đế, Cò thìa, Yến núi, Mòng biển đen.
- Bậc T: loài tương đối an toàn gồm 7 loài: Tắc kè, Rắn ráo thường, Rắn ráo trâu, Rắn cạp nong, Rắn hổ mang, Le khoang cổ, Rái cá thường.

Trong số trên có loại Voọc đầu trắng đã được tổ chức IUCN tài trợ nhằm bảo vệ và nhân nhanh đàn giống chúng sang các khu vực khác như vườn quốc gia Cúc Phương.

Như vậy có thể thấy Cát Bà đặc biệt khu vườn quốc gia Cát Bà có nguồn tài nguyên sinh vật vô cùng phong phú và độc đáo, đây chính là một tiềm năng lớn đối với việc thu hút du khách trekking. Đến đây, các trekker sẽ được tận hưởng nhiều điều thú vị với những nét lạ gây ngạc nhiên khi qua các hệ sinh thái khác nhau, được chiêm ngưỡng những loài sinh vật mà không nơi nào có được. Sự kì thú của cảnh quan tạo nên cảm giác hứng khởi muốn tìm hiểu, muốn khám phá, thực sự hòa mình vào thiên nhiên để tăng hiểu biết và tình yêu với thiên nhiên của địa phương.

d. Thủy văn

Ở Cát Bà không có những suối lớn mà là những khe suối nhỏ, hệ thống suối nổi tiếng như:

- Suối Thuồng Luồng (xã Trân Châu): Lưu lượng khá lớn, tốt, chảy quanh năm cung cấp đủ nước cho sinh hoạt hàng ngày;
- Suối Trung Trang: Nguồn nước nhỏ, có nhiều nước trong mùa mưa, lưu lượng về mùa khô chỉ đạt khoảng 0,11 lít/giây;
- Suối Treo Cơm (khu Đồng Cỏ): Mùa mưa về nhiều nước, mùa mưa lưu lượng chỉ đạt 26 lít/giây.

Trên đảo có suối nước khoáng Thuồng Luồng thuộc xã Trân Châu, chảy ra từ chân núi đá vôi với lưu lượng lớn. Hiện nay Cát Bà cũng phát hiện thêm một số khoáng ngầm là những “túi nước” có trữ lượng lớn hàng vạn mét khối. Xã Xuân Đám có nguồn nước khoáng nóng, chảy quanh năm với độ nóng 38⁰C.

Ngoài ra ở vườn quốc gia Cát Bà có nguồn nước Ao Ếch phong phú, các ao ếch là hồ nước thiên nhiên trên núi đá vôi, diện tích khoảng 3,6 hecta, nước có quanh năm, đạt trên dưới 30cm, nằm giữa khu vực rừng nguyên sinh. Bên cạnh đó một số áng cũng có nước quanh năm như áng Bèo, áng Bơ, áng Thắm, áng Vẹm,...

Nguồn tài nguyên nước không chỉ phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất mà còn phục vụ cho hoạt động du lịch. Những dòng nước mát tạo cảm giác thoải mái, dễ chịu xoa đi sự mệt mỏi của chuyến trek.

2.2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.

a. Lễ hội

Cát Bà có nhiều lễ hội truyền thống có sức hút du khách như:

- Lễ ra biển: Được tổ chức tại làng chài Trân Châu vào tháng Giêng âm lịch hàng năm;
- Hội đền Hiền Hào: Được tổ chức vào 21 tháng 1 âm lịch với lễ cầu phúc ở đền Cô;
- Lễ hội kỉ niệm ngày Bác Hồ về thăm làng cá (01/04/1995): Diễn ra vào ngày 01/04 dương lịch hàng năm. Đây là lễ hội được tổ chức lớn nhất trong năm với các hoạt động văn hóa sôi nổi như hội đua thuyền rồng trên biển, đua thuyền thúng, bơi trải,... thu hút được sự chú ý của đông đảo du khách từ mọi miền và đây cũng là cơ hội để Cát Bà quảng bá hình ảnh của mình trước khi bắt đầu vào mùa du lịch;
- Hội đền Các Bà được tổ chức vào tháng 10 âm lịch hàng năm.

b. Các di tích khảo cổ học

Cát Bà là một trong những nơi có nhiều di chỉ khảo cổ có giá trị lịch sử thuộc nền văn hóa Hạ Long, nền văn hóa từ thời dựng nước. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà khảo cổ học đã phát hiện ở đây có 77 di chỉ khảo cổ học thuộc các nền văn hóa Sơn Vi, Soi Nhụ cách đây 2000 – 4000 năm. Họ đã tìm thấy ở dưới lớp đất sâu ở các công cụ bằng đá ghè, đẽo, các kiểu chày đá hình tháp, bàn nghiền đá, đồ gốm, thô sơ, bếp đun với đáy vết than tro. Lớp đất nông phía trên là những công cụ đá đã được mài, các đồ bằng gốm, đồ trang sức được chế tác tiến bộ, hoa văn đẹp và tinh vi hơn. Những di chỉ này không nằm tập trung mà phân tán ở các khu vực Xuân Đám, Hiền Hào, Cái Bèo (thị trấn Cát Bà), Gia Luận.

Diễn hình tại Cát Bà là di chỉ Cái Bèo, theo tài liệu ghi lại “kết quả của đợt khai quật gần đây nhất tháng 12/2008 do Phó giáo sư – Tiến sĩ Nguyễn Khắc Sử tiến hành, tìm thấy nền gốm ở độ sâu 2,6m có niên đại cách ngày nay từ 7000 – 7500 năm”[8]. Di chỉ Cái Bèo thuộc nền văn hóa Cái Bèo – gạch nối giữa hai nền văn hóa Soi Nhụ và Hạ Long. Di chỉ được phát hiện năm 1938, khai quật được hơn 479 công cụ bằng đá cuội, đồ gốm thô cứng, các xương răng động vật, xương thú. Di chỉ Cái Bèo là một trong những bằng chứng điển hình khẳng định tổ tiên của người Việt cổ đã bắt đầu tiến ra biển khơi để chinh phục và khai thác biển cả và đã tạo nên một nền văn hoá mang sắc thái đặc biệt. Đồng thời Cái Bèo còn là một địa danh đẹp với cảnh quan

hoang sơ hùng vĩ, bãi biển phẳng lặng trong xanh làm xua tan những mệt mỏi và thay đổi không khí của chuyến trek trong rừng.

Theo báo cáo nghiên cứu khảo cổ học Cát Bà của Viện khảo cổ học, ở Cát Bà nhiều di chỉ, di tích khảo cổ được thể hiện trong bảng thống kê sau:

Bảng 2.8: Các di chỉ/di tích khảo cổ học tại Cát Bà

Loại di chỉ	Số lượng
Di chỉ hang động chứa di tích người tiền sử	20
Di tích chứa di tồn và di vật thời tiền sử	42
Di tích chứa các di tích thời cổ sinh Pleistocene	4
Di tích chứa di vật thuộc thời kì lịch sử	7
Di tích có liên quan đến truyền thuyết lịch sử	2

c. Các di tích lịch sử

Hiện nay, tại Cát Bà còn nhiều di tích mang giá trị cao như:

– Hòn cảm thạch của làng Gia Luận từng là nơi tập kết đầu cọc lấy gỗ từ Vân Đồn để góp phần làm lên chiến thắng quân Nam Hán trong trận Bạch Đằng Giang của Ngô Quyền năm 938.

– “Tân tạo thạch bia” ở chùa Gia Lộc (thị trấn Cát Bà) là một khối đá bốn mặt chạm khắc hoa văn sinh động hiếm thấy được tạo dựng từ thời Cảnh Thịnh tứ niên năm 1797;

– Phần kiến trúc bức thành xếp đá xây dựng từ thời nhà Mạc thế kỉ XVI tại xã Xuân Đám, đặc biệt là còn tương đối nguyên vẹn ở khu vực chùa Hòa Hy (Hào Quang). Ở chùa có nhiều pho tượng độc đáo, nét hoa văn chạm trên bia đá đặc trưng của bia chùa miền Bắc.

Bảng 2.29: Danh sách các di tích lịch sử văn hoá, danh thắng được xếp hạng tại Cát Bà

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA ĐIỂM	XẾP HẠNG
1	Địa điểm Bác Hồ về thăm làng cá Cát Bà	Thị trấn Cát Bà	Cấp Quốc Gia
2	Đình Phù Long	Xã Phù Long	Cấp Thành phố
7	Đình Trân Châu	Xã Trân Châu	Cấp thành phố

(Nguồn: Bảo tàng thành phố Hải Phòng)

d. Văn hóa ẩm thực

Đến với Cát Bà những trekker có thể thưởng thức các đặc sản của vùng đất sau chuyến bộ hành mệt nhọc, làm tăng thêm dư vị cho chuyến đi, như:

– Sam 7 món: món ăn đặc trưng hương vị biển vừa ngon, vừa độc đáo, có nguồn gốc tự nhiên, luôn đảm bảo độ tươi sống. Sam biển chế biến rất nhiều món ăn khác nhau như: tiết canh, gỏi, chân sam xào chua ngọt, sam xào xả ớt, trứng sam chiên giòn hoặc xào lá lốt, sam hấp, sam bao bột rán, sụn sam nướng, sam xào miến...

– Tu hài: là hải sản quý hiếm, ban đầu chỉ Cát Bà mới có sau này mới được nhân giống rộng rãi sang các vùng khác. Tu hài có giá trị dinh dưỡng cao và hương vị đặc biệt, chế biến được nhiều món ăn như: gỏi, nấu cháo...; được biết đến nhiều nhất là món tu hài nướng trên bếp than, mùi thơm tỏa ngào ngạt và vị ngọt, tươi ngon của tu hài in đậm trong tâm trí du khách.

– Cá song: ở Cát Bà có 3 loại là cá song mỡ, song đen và song cáo, chế biến nhiều món ăn hấp dẫn, bổ dưỡng như: gỏi, cháo, lẩu, hấp, sốt, nướng...

– Bún tôm Cát Bà: đã từ rất lâu được coi như là một đặc sản hấp dẫn du khách.

Ngoài những món đặc sản từ biển thì cũng có những đặc sản của các xã như: cam Gia Luận, gà Liên Minh, khoai Mọt Ốc (Việ Hải) khiến cho nhiều du khách khó quên khi thưởng thức. Dê núi cũng là món ăn được đánh giá cao ở đây, được du khách đánh giá ngon hơn nhiều nơi khác.

Bảng 2.10: Tài nguyên du lịch nhân văn ở Cát Bà

Tên tài nguyên		Số lượng
Công trình văn hóa	Chùa	3
	Đình	2
	Miếu	5
	Đền	2
	Các công trình văn hóa khác	2
Di chỉ khảo cổ		77
Lễ hội		4

(Nguồn: Sở Văn hóa, thể thao và du lịch Hải Phòng)

Tài nguyên du lịch nhân văn ít phong phú hơn về số lượng và chủng loại so với tài nguyên du lịch tự nhiên, lại phân bố rải rác. Tuy nhiên, có thể khẳng định tài nguyên du lịch nhân văn tại Cát Bà độc đáo và có giá trị lịch sử cao đối với địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

2.2.1.3. Những điểm đến nổi bật

Cát Bà có rất nhiều điểm tham quan du lịch phong phú, mạo hiểm và có cảnh quan đẹp, độc đáo hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế. Dưới đây là những điểm đến nổi bật thu hút nhiều du khách khi đến với Cát Bà.

a. Động Trung Trang

Động Trung Trang thuộc thung lũng Trung Trang – thung lũng lớn nhất đảo Cát Bà, có diện tích khoảng 300 ha, thấp hơn mặt nước biển từ 10 đến 30m và cách thị trấn Cát Bà 15 km về phía tây bắc. Động dài khoảng 300m xuyên qua núi, là hang động do thiên nhiên kiến tạo trải qua hàng nghìn năm lịch sử. Động Trung Trang được đánh giá là một trong những động đẹp nhất tại Cát Bà, là điểm đến luôn được du khách lựa chọn khi đến với Cát Bà. Động với muôn nghìn nhũ đá thiên nhiên có hình dáng độc đáo, sáng lấp lánh như những khối châu báu, và luôn gợi cho con người liên tưởng đến hình ảnh của chốn bồng lai tiên cảnh. Tại đây có cả một dãy đá đứng sừng sững với hơn chục phiến xếp song song, khi dùng tay vỗ vào sẽ nghe thấy âm thanh ngân vang rất xa. Động có thể chứa hàng trăm du khách đến tham quan. Tại động Trung Trang còn có khu rừng Kim Giao mọc tự nhiên rất đẹp và có giá trị về kinh tế lẫn nghiên cứu khoa học.

b. Hang Quân Y

Hang Quân Y, hay Bệnh viện Quân y nằm lưng chừng núi khu vực Khe Sâu, xã Trân Châu, thuộc địa phận Vườn Quốc gia Cát Bà. Bệnh viện Quân Y được xây dựng ngay trong lòng núi Cát Bà, từ thời chiến tranh chống Mỹ, đã trở thành niềm tự hào của ngành Quân y Việt Nam. Trước đây, hang Quân Y mang tên Hùng Sơn, theo tên một vị tướng thời nhà Trần tham gia đánh trận trên sông Bạch Đằng lịch sử, người đã tìm ra hang. Thời kháng chiến chống Mỹ, khoảng những năm 60, hang được xây dựng thành một bệnh viện để làm nơi chữa bệnh cho thương binh, nơi trú ẩn, tránh bom đạn của dân cư địa phương và dân cư sơ tán về từ đảo Bạch Long Vỹ. Bệnh viện

có sức chứa hơn 100 thương binh. Ngoài 17 phòng bệnh và các phòng chức năng, trong lòng hang còn có bể bơi, bãi chiếu phim và khu tập luyện thể lực... Sau chiến tranh, mỗi lần có bão, người dân nơi đây cũng chọn hang để làm nơi trú ẩn.

Lối ra của hang nằm ở mặt sau của sườn núi, với đường mòn thoai thoải, hai bên là cây rừng khiến du khách hòa mình cùng thiên nhiên giữa cảnh quan của núi rừng vườn quốc gia. Hang có cấu trúc đặc biệt với nhũ thạch và núi đá vôi ven biển hình thành do trầm tích. Bên cạnh đó là những nhũ đá lấp lánh của tạo hóa ban tặng, cùng với ánh sáng trong động, tạo nên không gian bí hiểm, lãng mạn.

c. Đỉnh Kim Giao – Đỉnh Ngự Lâm

Đỉnh Kim Giao: Với bạt ngàn thân cây thẳng đứng, rừng Kim giao có một khuôn viên yên bình, thơ mộng và là một điểm dừng chân thưởng ngoạn lý tưởng để các du khách có cơ hội được cảm nhận những giá trị của cuộc sống. Kim giao là một loại cây lá cứng và thuộc loại cây quý. Ra hoa vào tháng 4, tháng 5, thành quả, kết đài vào tháng 6, tháng 7, những quả kim giao già khô được hái về ươm trồng vào khoảng tháng 11. Ngủ chân dưới bóng mát của những tán lá kim giao xanh mướt, lắng nghe những âm thanh của gió và “dàn đồng ca mùa hạ” của ve. Kim Giao được sách đỏ xếp ở bậc V (có nguy cơ tuyệt chủng). Cây Kim Giao là đối tượng bảo vệ của vườn quốc gia Cát Bà.

Đỉnh núi Ngự Lâm cao 210m so với mực nước biển. Ngự Lâm theo nghĩa Hán Việt là ngôi trên đỉnh núi. Trên đỉnh có chòi quan sát cao hơn 20m, đứng trên đỉnh lô cốt du khách thỏa sức ngắm nhìn khung cảnh của Cát Bà từ trên cao.

d. Ao Éch

Ao Éch là một đầm nước ngọt nhỏ trên núi cao, là nơi chỉ có cây Và Nước. Đây là một sinh cảnh rừng ngập nước nội địa độc đáo ở Cát Bà, một khu vực rừng ngập nước trên núi cao duy nhất ở miền Bắc với nguồn nước không bao giờ cạn, thậm chí vào mùa mưa còn ngập cả lối đi. Ao Éch có diện tích khoảng 3 héc ta với loài thực vật được bảo vệ nghiêm ngặt là cây Và nước mọc thành một quần thể rất đẹp và bí ẩn. Ao Éch là nơi cư trú của chuột, nhím, rùa núi, rắn, ếch, nhái, cua, cá... Ao Éch đi Việt Hải đường mòn vòng quanh vách núi đá vôi vẫn khuất dưới tán cây rừng kín đặc, các loại dây leo chằng chéo trên mặt đất. Vào mùa hè đây là nguồn nước chủ yếu của các

loài chim và thú nhỏ. Đến đây du khách sẽ được nghe bản đồng ca của các loài ếch, nhái rất vui tai, làm xua tan đi những xô bồ của cuộc sống thường ngày.

e. Đồng Ninh Tiếp – Làng chài Việt Hải

Đồng Ninh Tiếp – làng Việt Hải là nơi sinh sống của cư dân bản địa trong vùng lõi của vườn quốc gia Cát Bà. Tại đây du khách được trải nghiệm đời sống văn hóa, sinh hoạt cộng đồng dân cư sinh sống tại đây với những nét đặc sắc, độc đáo của một ngôi làng – xã được vườn quốc gia bao quanh, chưa bị tác động, ảnh hưởng nhiều từ sự phát triển ồ ạt quá mức như ở bên ngoài bởi không có đường giao thông bộ nối liền với các xã và trung tâm huyện. Du khách được tham quan những kiến trúc truyền thống của làng quê nơi đây, đồng thời tìm hiểu, thưởng thức những nét văn hóa, ẩm thực, sinh hoạt của người dân làng Việt Hải như hoạt động trồng hoa màu, chăm sóc cây ăn quả, đánh bắt cá, móc hà,...; khám phá tài nguyên thiên nhiên quanh khu vực xã trong vườn quốc gia như các hang động nhỏ ở vùng núi bao quanh Việt Hải, ngắm voọc hay một số loài động/thực vật quý hiếm khác; tự chinh phục những nơi mà nhiều người chưa biết đến trong vườn quốc gia.

Trên đây là 5 điểm đến được du khách lựa chọn nhiều nhất trong các tour du lịch mang tính chất thể thao – khám phá/mạo hiểm. Bên cạnh đó còn rất nhiều điểm du lịch mới được phát hiện nhưng cũng rất thu hút những trekker tìm hiểu vì vẻ đẹp độc đáo của nó như:

– Động Hoa Cương hay động đá Hoa, xã Gia Luận

Động ở độ cao khoảng 15 – 20m so với mặt bằng cư trú, 50m so với mực nước biển. Chiều cao của động khoảng trên dưới 10m. Nơi rộng nhất của động là 25m, chiều dài khoảng 100m. Phía trên cửa động có nhiều thạch nhũ với hình khối như những công trình điêu khắc tuyệt vời của tạo hóa. Dưới nền động có hồ nước nhỏ càng làm tăng sự huyền ảo khi có luồng ánh sáng đi qua. Những hình khối của thạch nhũ đá mang dáng dấp của những pho tượng hình người, hình thú... như những bức họa nhuộm màu thần thoại. Các nhà khảo cổ học đã khai quật và phát hiện ra chiếc răng hóa thạch của người vượn cổ có niên đại cách đây 10 vạn năm.

– Động Phù Long và động Thiên Long nằm trên địa bàn xã Phù Long

Động Phù Long hay còn gọi là Cái Viêng, nơi có nhiều hang động đẹp. Không những vậy, tên động còn gắn với một truyền thuyết ứng với vết tích thiên nhiên còn hiện hữu nơi đây. Chuyện kể rằng, ngày xưa khi các chiến thuyền của quân giặc tiến vào bờ biển Việt Nam, có một con Rồng lớn đã bay lên, nó bay dọc theo bờ biển và lao xuống nước để cản đường tiến của các thuyền địch. Những núi đá sừng sững trên biển ngày nay chính là vết tích của bươu và móng Rồng. Theo người dân thì Phù Long chính là khúc đuôi của Rồng biển. Bước chân ra khỏi động Phù Long là những dải cát nhỏ vàng trải dài chan hoà cùng trời mây non nước, xa xa là những ngọn núi với nhiều dáng vẻ giống như một chú ngựa, sư tử, lợn hay nhím.

Cùng với dãy Phù Long, nơi đây còn có động Thiên Long rộng và sâu với những nhũ đá nhiều màu sắc đẹp mắt. Động Thiên Long là một điểm du lịch đang hút khách với nhiều điều huyền bí. Theo người dân địa phương, ngoài cảnh đẹp tựa chốn bồng lai, đây còn là nơi lưu giữ dấu tích của người xưa, hay từng là nơi tá túc của hải tặc... Với những cột đá khổng lồ nhiều hình thù bị bao bọc bởi những rễ cây ăn vắt vèo đung đưa từ đỉnh núi xuống động. Thiên nhiên thật kì thú, sự hoà trộn của rừng và biển mang lại cho vùng đất này một thắng cảnh tuyệt đẹp. Thiên Long động được chia thành ba khu tương đối tách biệt, với những lớp thạch nhũ buông rủ có từ cách đây hàng triệu năm, tí tách những giọt nước rơi mát lạnh, trong vắt. Muốn đến “tam động” du khách phải chèo qua một hình khối nhũ đá như hình còn rùa lớn để đến hai khu là thiên cung ở bên trái và phật điện bên phải. Động Thiên long mới được đưa vào khai thác từ năm 2009, nhưng được đánh giá là đẹp hơn động Trung Trang.

2.2.2. Dân cư, lao động

2.2.2.1. Đặc điểm dân cư

Cát Bà là một đơn vị hành chính thuộc huyện đảo Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, trung tâm hành chính, kinh tế của cả huyện đảo lại đặt tại Cát Bà. Điều này đem lại sự thuận lợi cho việc quản lý và tổ chức hoạt động du lịch trên đảo Cát Bà của huyện Cát Hải.

Dân số toàn đảo là 13.394 người (2006), tỉ lệ tăng dân số khoảng 0,7%. Dân số phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở thị trấn Cát Bà. Mật độ dân cư tại thị trấn Cát Bà cũng cao hơn nhiều so với mật độ trung bình toàn đảo (251 người/km²).

Người dân trên đảo Cát Bà hầu hết là dân di cư từ đất liền ra sinh sống chủ yếu bằng nghề đánh cá, nuôi trồng thủy hải sản, chăn nuôi trồng trọt và kinh doanh dịch vụ. Hiện tại thành phần dân cư trên đảo khá đa dạng do các cuộc di dân, do di cư nơi khác đến làm ăn, buôn bán, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Ngoài ra tại Cát Bà luôn có một số lượng nhất định ngư dân từ miền Trung (Quảng Ngãi, Thanh Hóa,...) neo đậu trong những chuyến đi biển dài ngày. Điều đó tạo nên sự sôi động của đời sống trên hòn đảo du lịch này.

Tại Cát Bà, người dân chủ yếu sống bằng nghề đánh bắt cá, nuôi trồng thủy hải sản, chăn nuôi trồng trọt và kinh doanh dịch vụ. Dân cư đa số là dân di cư từ đất liền ra đảo và có một phần dân ngư nghiệp từ miền Trung đến.

2.2.2.2. Lao động và việc làm

Tổng số lao động của thị trấn Cát Bà là 4.582 người (2006), chiếm 52,2% số lao động toàn huyện, trong đó lao động nam giới chiếm 51%, lao động nữ giới chiếm 49% lao động trong tổng số lao động toàn thị trấn. Hiện nay lực lượng lao động trong ngành du lịch chiếm khoảng 35%. Đây là một con số khá lớn so với tổng lao động trên đảo. Việc đưa du lịch trekking sẽ đưa nền kinh tế địa phương phát triển hơn nếu lao động được sử dụng hợp lý. Lao động nữ có thể khai thác các hoạt động sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, bán hàng,... còn lao động nam có thể tham gia vào hoạt động hướng dẫn viên, người dẫn đường, người khuân vác cho khách trong các chuyến trekking.

Bảng 2.11: Thống kê dân số, lao động nghề nghiệp, thu nhập của người dân vùng đệm vườn quốc gia Cát Bà

S T T	Xã/Thị trấn	Dân số			Lao động trong độ tuổi	Lao động trong các ngành kinh tế							Thu nhập bình quân người/tháng (1000 đồng)
		Số hộ	Nhân khẩu	Số nữ		Tổng số	Nông nghiệp Thủy sản	Công nghiệp	Xây dựng	Thương nghiệp	Vận tải	Dịch vụ khác	
1	TT Cát Bà	3.223	11.050	5.558	6.451	5.480	250	250	220	2.550	350	560	1.200
2	Trần Châu	472	1.484	757	811	605	291	25	14	85	35	155	485
3	Xuân Đám	249	852	425	460	246	191	12	6	38	6	93	500
4	Gia Luận	218	651	363	364	264	160	5	4	25	10	60	465
5	Hiền Hào	124	357	176	200	151	70	2	4	25	4	46	430
6	Việt Hải	108	351	132	180	131	65			15	20	31	315
7	Phù Long	549	1900	954	1.005	718	428	15	15	100	45	115	800
8	Tổng số	4943	16.645	8.365	9.471	7.695	2.755	309	263	2.838	470	1.060	4.195
9	Phần trăm (%)					100	35,80	4,02	3,42	36,88	6,11	13,77	

(Nguồn: Phòng thống kê huyện đảo Cát Hải, 12/2009)

2.2.3. Cơ sở hạ tầng và khả năng cung ứng hoạt động dịch vụ du lịch

2.2.3.1. Hệ thống giao thông

Cát Bà nằm ngay phạm vi dải ven bờ biển và là nơi giao lưu của nhiều tuyến giao thông đường biển quan trọng trong vùng biển nội địa và quốc tế nên điều kiện giao lưu với đất liền rất dễ dàng, thuận lợi cho việc phát triển giao thông vận tải đường biển, thuận tiện cho việc đi lại, việc kết hợp các tuyến du lịch của khách tham quan. Đảo Cát Bà nằm trong tổng thể vùng du lịch ven biển Hạ Long – Bái Tử Long, là cửa ngõ tới di sản thiên nhiên thế giới – vịnh Hạ Long và là điểm du lịch sáng nối giữa hai cực của tam giác tăng trưởng kinh tế của miền Bắc Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, hai trung tâm du lịch lớn nhất miền Bắc Việt Nam Hà Nội – Quảng Ninh; tạo thành một tuyến du lịch theo đường biển kết hợp với đường bộ, đường sắt và đường biển. Khách du lịch sẽ có nhiều trải nghiệm thú vị với nhiều loại phương tiện khi đến Cát Bà du lịch. Hơn nữa, ngày nay du khách thường đến thăm di sản thế giới vịnh Hạ Long, sau đó theo đường biển đến Cát Bà, đây là một thuận lợi cho du khách có dịp được chiêm ngưỡng vùng biển đảo vịnh Bắc Bộ của Việt Nam vừa hùng vĩ mà cũng rất thơ mộng.

Từ Hải Phòng ra Cát Bà, du khách có thể lựa chọn các hình thức ra đảo như sau:

– Tàu cao tốc, tàu cánh ngầm từ Bến Bính ra thẳng cảng cá Cát Bà (thị trấn Cát Bà). Giá vé từ 130.000 – 150.000 đồng/1 người/1 lượt, vào mùa du lịch từ 20/04 hàng năm tăng lên 180.000 – 200.000 nghìn đồng/1 người/1 lượt. Thời gian di chuyển mất 45 phút. Mỗi ngày có bốn chuyến, 2 chuyến sáng, 2 chuyến chiều; mùa du lịch cao điểm tăng lên từ 6 – 8 chuyến/1 ngày. Có nhiều loại tàu với số lượng 50 – 150 du khách phù hợp với những đoàn du lịch lớn.

– Tàu tránh sóng từ Bến Bính đến bến Gót. Giá vé 110.000 đồng/1 người/1 lượt, mùa cao điểm tăng lên 130.000 – 150.000 đồng/1 người/1 lượt. Tàu tránh sóng hiện nay chỉ có của hãng HADECO do Khách sạn các Hoàng tử đầu tư, loại tàu này cho phép người đi mang xe máy, xe đạp lên tàu đến bến Gót, thuận tiện cho những du khách thích tự khám phá ngay những chặng đường đầu tiên tại vùng đất Cát Bà. Những du khách không mang phương tiện thì sẽ được xe ô tô của công ty chở đến thị trấn Cát Bà (giá vé đã bao gồm phí vận chuyển này). Phương thức di chuyển này phù

hợp với những du khách đi tham quan vườn quốc gia Cát Bà mà không phải quay ngược trở lại. Tàu thường chờ từ 20 – 25 du khách mỗi chuyến.

– Đi ô tô hoặc xe máy bằng đường bộ thông qua đường xuyên đảo Hải Phòng – Cát Bà⁸ qua hai bến phà Đình Vũ, Ninh Tiệp và bến Gót, cái Viêng ra Cát Bà. Hai bến phà này hoạt động với tổng số 37 chuyến/1 ngày với 6 phà lớn và 6 phà nhỏ. Thời gian di chuyển khá lâu từ 2 tiếng 30 phút đến 3 tiếng. Giá vé phà với nhiều mức áp dụng:

- + Du khách đi bộ là 11.000 nghìn đồng/1 người/1 lượt;
- + Du khách đi xe đạp hoặc xe thồ các loại 8.000 đồng/1 lượt;
- + Du khách đi xe máy là 30.000 đồng/1 người/1 lượt;
- + Loại xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống (không có người trên xe) là 110.000 đồng/1 lượt;
- + Loại xe ô tô từ 9 đến 24 chỗ ngồi (không để người trên xe) là 155.000 đồng/1 lượt;
- + Loại xe ô tô từ 24 đến 32 chỗ ngồi là 180.000 đồng/1 lượt;
- + Loại xe ô tô từ 32 chỗ ngồi trở lên là 195.000 đồng/1 lượt.

Để đi tới Cát Bà khách du lịch phải đổi nhiều loại phương tiện: đường bộ và đường thủy. Điều này vừa mang lại sự phong phú phương tiện cho chuyến đi nhưng lại cũng gây ra sự không tiện lợi cho sức khỏe du khách.

Giao thông đường bộ ở Cát Bà chủ yếu là đường con đường xuyên đảo Hải Phòng – Cát Bà, dài hơn 20km, rộng 5,5m gồm hai làn xe. Đường đi đẹp, sạch tuy nhiên nhiều khúc cua nguy hiểm, dốc lên, xuống đòi hỏi các phương tiện di chuyển phải luôn chú ý và cẩn thận đặc biệt là trong mùa cao điểm. Hiện nay có hai tuyến đi vào thị trấn Cát Bà, một tuyến đang thi công làm lại đường và một tuyến đi qua vườn quốc gia. Các con đường ở khu vực thị trấn nhỏ và có độ dốc thấp như đường 1/4, Núi Ngọc, Hà Sen đều là những tuyến được sử dụng vào du lịch hiệu quả nhiều năm nay. Du khách có thể thuê xe đạp, xe máy với giá 100.000 đồng/1 ngày để di chuyển tại Cát Bà.

Hệ thống giao thông trong vườn quốc gia Cát Bà đang dần dần được cải thiện, đường nhựa to và đẹp trải dài được một nửa chặng đến các địa danh tại vườn quốc gia.

⁸ Đường xuyên đảo Hải Phòng – Cát Bà là tuyến giao thông đường bộ và đường thủy kết hợp nối đảo Cát Bà và đảo Cát Hải với đất liền ở Hải Phòng.

Các chặng đường rừng là những đường mòn to, khá an toàn và có chỉ dẫn cụ thể tại mỗi chặng đường. Điều này không ảnh hưởng nhiều đến du lịch trekking tuy nhiên vào mùa mưa gây mất dấu vết, lầy lội, trơn trượt qua các vùng núi đá, làm cho chuyến trek khó khăn và có thể không thực hiện được.

Dự án mở rộng đường xuyên đảo Cái Viêng – Mốc Trắng và giai đoạn 2 của dự án mở rộng đường Khe Sâu – Áng Sỏi được huyện và các ngành chức năng tập trung triển khai. Đây là dự án quan trọng nhưng gặp không ít khó khăn do địa hình núi đồi hiểm trở.

2.2.3.2. Hệ thống thông tin liên lạc

Do đặc điểm vị trí địa lý và địa hình nên hệ thống thông tin liên lạc Cát Bà còn kém về chất lượng. Sóng của các mạng điện thoại ở đây đều rất kém, vùng thị trấn Cát Bà có sóng ổn định và tốt nhất, các vùng khác thì thường xuyên mất sóng và không có sóng đặc biệt là khi đi vào sâu khu vực vườn quốc gia. Yếu tố này cũng gây khó khăn tới những trekker không chuyên hoặc mới đi khi gặp nhiều trở ngại về đường đi, hoặc gây khó khăn khi gặp nạn trong chuyến trek.

Hiện nay đảo ngọc đang được Viễn thông Hải Phòng cung cấp miễn phí dịch vụ wifi toàn bộ thị trấn Cát Bà.

2.2.3.3. Hệ thống điện, nước

Hệ thống cung cấp thủy lợi và điện còn hạn chế. Tình hình cấp điện tại đây còn nhiều khó khăn, nhiều nơi có nhà máy nước, nhưng trạm bơm nước của Công ty Cấp nước không có điện để phục vụ sản xuất nước, Công ty và Xí nghiệp cấp nước Cát Bà buộc phải đầu tư máy phát điện để sản xuất. Chi phí cao song giá thành bán nước cho người dân vẫn được tính như các khu vực khác trên địa bàn thành phố. Đây là khó khăn về chi phí đối với Công ty cấp nước Hải Phòng nói chung và Xí nghiệp cấp nước Cát Bà nói riêng. Năm 2012, huyện Cát Hải cùng với các đơn vị, ngành liên quan đã cho xây dựng hồ chứa nước Trân Châu và Xuân Đám, sẽ chứa được khoảng 300.000m³ nước, cải thiện đáng kể tình trạng thiếu nguồn nước, nhất là thời điểm vào mùa khô cho các nhà máy nước tại đây, như vậy sẽ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nước sạch của người dân cũng như du khách đến với huyện đảo Cát Hải, thị trấn Cát Bà.

Dự án đường điện 110KV Chợ Rộc – Cát Bà đang trong quá trình triển khai để giải quyết vấn đề tổn kém khi sử dụng máy nổ dự phòng, đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng địa phương cũng như hoạt động du lịch.

2.2.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ cung ứng

Cát Bà hấp dẫn du khách bởi ngôi làng có cư dân sinh sống lâu đời nhất ở đảo Cát Bà, đó là làng Việt Hải. Làng Việt Hải nằm trong vùng lõi của vườn quốc gia Cát Bà. Đời sống nhân dân phụ thuộc vào thiên nhiên là chính. Đến làng Việt Hải có hai con đường: đường bộ và đường biển. Khi đến làng Việt Hải du khách có thể thấy những ngôi nhà được xây dựng hết sức đơn giản, có diện tích đất chừa nuôi và trồng trọt những cây ngắn ngày. Tại đây mới được xây dựng khu Whisper Nature Bungalow⁹ & Resort như một ngôi làng truyền thống, sạch sẽ và trang thiết bị đơn giản, một số căn nhà có hướng nhìn ra Phố cổ Hà Nội và cầu Long Liên. Chuyến trekking đến làng Việt Hải cũng là một trong những lựa chọn thú vị cho những trekker.

Khu Suối Gôi, tuy đây là một khu resort nghỉ dưỡng nhưng lại nằm sâu trong vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển Cát Bà. Suối Gôi là quần thể những nhà sàn riêng biệt đậm chất Việt. Ở đây có những hoạt động trải nghiệm như đời sống của người dân nơi đây.

Trên đây là hai khu làng được phục vụ du lịch nổi trội nhất tại Cát Bà, hầu hết các khu resort tại Cát Bà đều là những kiểu nhà bungalow đơn giản gắn liền với cuộc sống của người dân địa phương, nằm tại những khu cách biệt thị trấn, dân cư đông đúc. Tuy tính chất là các khu du lịch song các khu làng này vẫn giữ được những nét văn hóa của cư dân nông nghiệp, ngư nghiệp truyền thống, đặc sắc.

Hiện nay các dịch vụ cung ứng phục vụ cho loại hình du lịch trekking không có. Bắt buộc những trekker tham gia phải chuẩn bị trước chuyến đi hoặc phải ở tại các cơ sở lưu trú sẵn có.

⁹ Bungalow: Là một dạng nhà ở nhỏ riêng biệt có cơ cấu, công năng đơn giản, cơ động; là loại nhà tiêu biểu của người Ấn Độ, tồn tại từ thế kỉ 17, chủ yếu dành cho người lao động trung bình trong thành phố. Ở Việt Nam, bungalow chủ yếu xuất hiện trong những khu nghỉ dưỡng, xây theo kiểu 1 tầng, nhỏ, thường cho 1 đến 2 khách hoặc một gia đình nhỏ, gồm chỗ ngủ, nhà vệ sinh, chõ để đồ, chõ nấu nướng,...diện tích và mức tiện nghi của bungalow phụ thuộc vào cấp độ sao của nó.

2.2.5. Các chính sách khuyến khích phát triển du lịch và các dự án đầu tư tại Cát Bà

Phát triển du lịch cũng là một chính sách được Chính phủ tập trung ưu tiên phát triển tại Hải Phòng. Theo thống kê của Phòng Văn hóa, thông tin và Du lịch huyện Cát Hải cho thấy, 6 tháng đầu năm 2009 đã có 437.000 lượt khách tới Cát Bà, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm 2008 và đạt 51,5% so với kế hoạch năm 2009. Tổng doanh thu từ du lịch đạt 136,2 tỷ đồng, nhưng con số này còn khá khiêm tốn so với tiềm năng của đảo Cát Bà. Tính chung cả năm 2009, lượng khách tới đảo Cát Bà lên tới trên 1 triệu người. Đảo Cát Bà với lợi thế là khu dự trữ sinh quyển thế giới đang ngày càng được biết đến như là một địa điểm nghỉ dưỡng lý tưởng của du khách, lượng khách du lịch đến với Cát Bà đóng góp lớn vào mức tăng trưởng du lịch hàng năm của Hải Phòng. Trong 6 tháng đầu năm 2008 là 418.000 lượt khách, tăng 37,5% so với cùng kỳ năm 2007.

Trước thềm Năm du lịch quốc gia 2013 do thành phố Hải Phòng đăng cai tổ chức, du lịch Cát Bà đang có nhiều hứa hẹn tốt đẹp. Đó là sự quan tâm của thành phố với những ưu ái tạo điều kiện về cơ chế chính sách, hỗ trợ đầu tư về cơ sở vật chất, quảng bá cho du lịch Cát Bà ở trong và ngoài nước. Năm 2011 là thời điểm các nhà đầu tư nhận nhịp đầu tư nâng cấp các nhà hàng, khách sạn, trong đó có khách sạn Hùng Long Harbour, Sea Pearl... và các phương tiện phục vụ nhu cầu của du khách. Cùng với sự quan tâm hỗ trợ thiết thực, của Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, sự lãnh đạo tập trung của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, du lịch Cát Bà có những chuyển động tích cực, trong đó có việc tổ chức lễ hội làng cá và khai trương du lịch trở thành sự kiện thường niên thu hút đông đảo du khách. Đặc biệt, sự quan tâm của thành phố và các sở, ngành trong việc giải quyết những khó khăn của ngành du lịch như: giao thông trên đảo, hệ thống điện, nước phục vụ cho du lịch và dân sinh. Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước về du lịch được triển khai ngày càng tốt hơn. Công tác vệ sinh môi trường tại khu trung tâm du lịch bước đầu hạn chế tình trạng rác thải gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan đô thị. Cụ thể là:

– Hiện nay chính phủ đang rất ưu tiên xúc tiến thực hiện các dự án do Trung ương đầu tư trực tiếp tại Hải Phòng. Đó là những dự án: dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (đường 5B), dự án Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện, cầu Đình Vũ –

Cát Hải; cảng Đình Vũ tiếp tục hoàn thành giai đoạn II; cải tạo nâng cấp các bến tàu khách Cát Bà, Gia Luận, Bến Bèo, cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi, xây dựng sân bay taxi ở Đồ Sơn, Cát Bà, Bạch Long Vĩ phục vụ du lịch và cứu hộ.

– Khắc phục tình trạng ách tắc đường Đình Vũ ra bến phà, cần sớm có quy hoạch phát triển du lịch Cát Bà. Trong đó cần xây dựng các bến tàu du lịch hiện đại trên địa bàn Cát Bà và ở trong nội thành, khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân đầu tư xây mới các khu nghỉ dưỡng cao cấp, khu vui chơi giải trí, khách sạn hiện đại và phát triển mạnh về số lượng, chất lượng các phương tiện vận chuyển khách du lịch và dịch vụ du lịch.

– Dự án Cát Bà Amatina (Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá-Cát Bà trước đây) với chủ đầu tư là Công ty Vinaconex – ITC vào cơ sở hạ tầng du lịch;

– Xây dựng Đảo Cát Bà cùng với Hạ Long thành khu nghỉ dưỡng quốc tế;

– Nâng cao chất lượng và phát triển du lịch cộng đồng tại các xã Hiền Hào, Trân Châu, Xuân Đám; mở rộng phát triển du lịch sinh thái và cộng đồng tại xã Việt Hải và xã Phù Long, cho phép khách du lịch được lưu trú qua đêm;

– Chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức để mọi người dân có trách nhiệm tham gia xây dựng và phát triển du lịch;

– Xây dựng hoàn chỉnh quy chế, nội quy bảo vệ tài nguyên ở các điểm du lịch, có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự tại các điểm du lịch và nơi lưu trú du khách;

– Kết hợp phương thức Nhà nước - doanh nghiệp - hộ gia đình cùng tham gia đào tạo nguồn nhân lực;

– Nâng cao chất lượng các chuyến du lịch hiện có, mở thêm tuyến du lịch sinh thái biển, sớm hoàn thành các dự án du lịch, khu thể dục thể thao và vui chơi giải trí;

– Tập trung đầu tư xây dựng trường trung học nghiệp vụ du lịch, xây dựng cầu cảng liên vận quốc tế du lịch;

– Dự án đường điện 110KV Chợ Rộc – Cát Bà, dự án mạng internet không dây của Viễn thông điện tử Hải Phòng,... đang được triển khai và đầu tư hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng;

– Dự án xây dựng khu nghỉ dưỡng và biệt thự sinh thái cao cấp nước nóng Xuân Đám, khu du lịch quốc tế Cát Bà, khu thủy cung áng Bù Nâu, quần thể du lịch dịch vụ Xuân Đám,...

Bên cạnh những dự án, chính sách phát triển du lịch nói chung làm thay đổi Cát Bà trở thành vùng du lịch trọng điểm, chuyên nghiệp thì cũng có rất nhiều dự án, chính sách phát triển tài nguyên, những giá trị cần được bảo tồn. Đây chính là yếu tố thu hút những trekker về một điểm đến sạch, đẹp, hoang sơ và độc đáo.

Khu Dự trữ sinh quyển Cát Bà được đánh giá là một nơi năng động nhất trong Mạng lưới MAB Việt Nam¹⁰ với nhiều sáng kiến kinh tế chất lượng như Nhãn hiệu chứng nhận Khu Dự trữ sinh quyển Cát Bà, quỹ phát triển bền vững khu Dự trữ sinh quyển Cát Bà và sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan như nhà nước, viện nghiên cứu, doanh nghiệp tư nhân, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân cư. Khu Dự trữ sinh quyển Cát Bà cũng là nơi đầu tiên trên thế giới nghiên cứu áp dụng khoa học hệ thống vào quản lý khu Dự trữ sinh quyển như những phòng thí nghiệm học tập về phát triển bền vững.

Năm 2000, Dự án bảo tồn voọc Cát Bà đã được thành lập với sự giúp đỡ của chuyên gia Đức. Các nhà khoa học đã tuyên bố voọc Cát Bà là một trong những loài linh trưởng hiếm nhất thế giới thể. Dự án đã thuê người dân địa phương bảo vệ loài voọc này thay vì săn bắn chúng, đồng thời mở các chương trình giáo dục tại các cộng đồng xung quanh. Nhóm nghiên cứu thuộc Vườn Quốc gia Cát Bà, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Trường Đại học Lâm nghiệp và Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật vừa phối hợp nghiên cứu, nhân nuôi thành công ba loài bướm quý hiếm thuộc Họ Bướm phượng (Papilionidae) tại Vườn Quốc gia Cát Bà.

Đề án xây dựng Chương trình Phát triển bền vững cho khu Dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà (do Viện VESDI¹¹ tư vấn, triển khai). Hoạt động nghiên cứu này

¹⁰ Mạng lưới MAB (Man and Biosphere program) Việt Nam là chương trình Con người và Sinh quyển của Unesco các khu dự trữ sinh quyển thế giới nhằm giải quyết sự cân bằng giữa bảo tồn đa dạng sinh học, các nguồn tài nguyên thiên nhiên với sự thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, duy trì các giá trị văn hóa truyền thống đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.

¹¹ Viện VESDI : Viện Môi trường và Phát triển Bền vững Việt Nam, trước là Trung tâm Môi trường và Phát triển Bền vững Việt Nam

được Cơ quan hợp tác Phát triển Quốc tế của Thụy điển (Sida) và chương trình VIDA của AusAID¹² tài trợ. IUCN¹³ đã tiến hành một nghiên cứu về 27 dự án phát triển và bảo tồn được quốc tế tài trợ tại đảo Cát Bà từ năm 1995.

2.3. Đánh giá chung

Cát Bà là một điểm đến phù hợp để xây dựng loại hình du lịch trekking. Cát Bà có nhiều điều kiện thuận lợi tạo điều kiện cho việc khai thác phát triển loại hình. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng có những điều kiện gây khó khăn trong việc khai thác. Việc đánh giá tìm ra những điều kiện thuận lợi và khó khăn là một vấn đề cần thiết để từ đó có thể định hướng việc phát triển, khai thác có hiệu quả.

2.3.1. Thuận lợi

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, Cát Bà được ban tặng nguồn tài nguyên động, thực vật vô cùng phong phú, cảnh quan thiên nhiên đa dạng còn mang dáng vẻ tự nhiên, hoang sơ tạo sự hấp dẫn cho khách du lịch trekking. Không chỉ có cảnh vật mà nơi đây còn có nền văn hóa lịch sử, ẩm thực lâu đời mà ít nơi nào có được.

– Vị trí: Giao thông trong và ngoài thông suốt, thuận tiện; thời gian di chuyển ngắn; có nhiều cách đến Cát Bà, du khách có nhiều lựa chọn phù hợp với nhu cầu và mức chi trả; thuận lợi trong việc di chuyển đường biển tới vịnh Hạ Long – di sản thiên nhiên thế giới;

– Cảnh quan: Có sự kết hợp nhiều hệ sinh thái khác nhau: Hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái trên núi đá vôi, hệ sinh thái biển, tạo nên sự đa dạng về địa hình, cảnh quan hấp dẫn du khách; nhiều hang động kì thú, bí ẩn, đẹp; nhiều hệ thống suối chảy quanh năm. Cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và thơ mộng nhờ sự kết hợp rừng và biển.

– Đa dạng sinh học: Tập hợp nhiều loài động vật quý hiếm; là nơi duy nhất và đặc hữu có voọc đầu trắng; có nhiều loài có tên trong sách đỏ Việt Nam và trên thế

¹² AusAID : Cơ quan Phát triển Quốc tế Australia

¹³ IUCN: Tổ chức bảo vệ thiên nhiên, được biết đến qua việc công bố cuốn Sách đỏ hàng năm, nhằm cảnh báo thế giới về tình trạng suy thoái môi trường thiên nhiên trên toàn cầu, và những tác động của con người lên sự sống của trái đất.

giới; sinh vật biển đa dạng, phong phú, nơi lưu giữ và phát tán nguồn gen lớn của vịnh Bắc Bộ, tạo nguồn thực phẩm đặc sản thơm ngon, bổ dưỡng. Chính những yếu tố này đã thu hút các nhà nghiên cứu khoa học, những nhà đầu tư vào việc bảo tồn và phát triển các giá trị sinh học. Đồng thời yếu tố này cũng tạo sức hút, sự tò mò cho du khách. Có những trekker ở lại dài ngày để được nhìn thấy những động vật quý hiếm trong vườn.

– Văn hóa truyền thống và ẩm thực: Những lễ hội, lễ rước nước về đình, đua thuyền mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Du khách có thể hòa cùng dân cư địa phương tham gia để thưởng thức những giá trị truyền thống của người dân ven biển. Nhiều món ăn hấp dẫn, từ các món ăn hải sản quý hiếm đến những đặc sản địa phương vùng miền đều thơm ngon mà không nơi nào có được; các giá trị khảo cổ, những địa danh lịch sử lâu đời.

Tài nguyên du lịch là yếu tố quan trọng nhất tạo nên sự hấp dẫn du khách đến du lịch nói chung và đặc biệt với những trekker khi đến Cát Bà. Các giá trị nổi bật đã được khái quát lại ở bảng trên đã cho thấy Cát Bà có thế mạnh về tài nguyên du lịch, đây cũng là một trong những thuận lợi nhất của du lịch Cát Bà. Cát Bà hấp dẫn du khách không chỉ bởi vẻ đẹp, sự đa dạng độc đáo cảnh quan, địa hình,... mà còn vì sự hoang sơ, nhiều giá trị tài nguyên cả về thiên nhiên và nhân văn được giữ gìn, không bị du lịch hóa như nhiều điểm đến khác.

Ông Marter Roode, một du khách đến từ vương quốc Anh cho biết: *“Tôi đến đây lần đầu tiên, nhưng cũng kịp nhìn thấy cảnh quan thiên nhiên là giá trị lớn nhất của Cát Bà và giá trị ấy vẫn giữ được gần như nguyên vẹn. Tiếc rằng, chúng tôi chưa thể trở lại để đi hết Khu dự trữ sinh quyển thế giới này để được nhìn thấy Voọc. Chúng tôi sẽ quay trở lại để có thể khám phá những điều thú vị khác nhau của thiên nhiên nơi đây”*.

Bên cạnh đó, do điều kiện địa hình tham quan các điểm đến nên khách du lịch tham quan vô tình là những trekker, họ thường tham gia ở mức độ dễ (cấp độ 1). Đồng thời đường đi tại đảo Cát Bà thuận lợi và độ dài không lớn nên những trekker có thể thực hiện chuyến trekker toàn bộ ở vùng đảo Cát Bà dài ngày. Điều này kích thích cho loại hình du lịch trekking phát triển rộng rãi và chuyên nghiệp hơn.

Trong thế kỉ 21, chính sách đổi mới, mở cửa và hội nhập của nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế đối ngoại trong đó có du lịch phát triển. Du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Điều này khiến cho Cát Bà có cơ hội đón lượng du khách quốc tế lớn, được nhận các đoàn du khách quốc tế lớn từ vùng Vịnh Hạ Long qua vùng đảo. Đồng thời để chuẩn bị năm du lịch 2013, Hải phòng được chọn là nơi đăng cai và tổ chức lễ hội chính, chính quyền huyện đảo Cát Hải đã có những chính sách xúc tiến đáp ứng chi tiêu đề ra là đón 1.500 nghìn lượt khách đến thăm quan du lịch. Đó là những công tác về tuyên truyền quảng bá danh lam thắng cảnh qua các phương tiện truyền thông, đẩy mạnh đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế, thu hút các nhà đầu tư vào Cát Bà đáp ứng nhu cầu phục vụ du lịch. Đây là điều kiện thuận lợi giúp cho lượng khách quốc tế biết đến Cát Bà nhiều hơn, đặc biệt với loại hình du lịch trekking mới phát triển tại Việt Nam, được khách du lịch quốc tế yêu thích và biết đến nhiều hơn. Họ đã quá quen thuộc với những điểm đến truyền thống, cần điểm đến mới, có nhiều yếu tố lạ, độc đáo. Chính sự hình thành loại hình du lịch mới này sẽ làm đa dạng hóa loại hình du lịch ở Cát Bà nói riêng cũng như thành phố Hải phòng nói chung, không chỉ hấp dẫn du khách quốc tế đến Cát Bà mà cả du khách nội địa, người dân địa phương tham gia loại hình du lịch trekking.

Đất nước con người Việt Nam đẹp và mến khách. Có thể khẳng định rằng người dân Cát Bà là một cộng đồng tiêu biểu cho sự thân thiện và mến khách ấy. Khả năng giao tiếp với du khách tốt, đặc biệt là du khách nước ngoài. Họ sẵn sàng chỉ dẫn, giúp đỡ du khách. Đồng thời người dân ở đây hiền lành, không có hiện tượng ăn xin, chèo kéo khách mua hàng trộm cắp, cướp giật, nghiện hút nên sự an toàn, an ninh được đảm bảo. Điều này quan trọng với những du khách tham gia trekking, họ có thể thoải mái trên các chặng trek mà không sợ bị phiền nhiễu, mất đồ.

Môi trường trong lành, các con đường hầu như sạch sẽ, thoáng mát là điều kiện đảm bảo cho sức khỏe không chỉ của cộng đồng địa phương mà còn quan trọng với những trekker, giảm sự mệt mỏi, khó chịu, duy trì sức khỏe tốt trong chuyến trek.

2.3.2. Khó khăn

Hiện nay du lịch trekking đã và đang phát triển ở Việt Nam, có nhiều điểm được biết đến trong tuyến hành trình trekking tiêu biểu của quốc tế cũng như nội địa. Song

Cát Bà vẫn còn xa lạ, chưa được biết đến nhiều, đặc biệt với khu vực miền Trung và miền Nam. Có lý do đó vì loại hình du lịch trekking tại Cát Bà chưa được tổ chức chuyên nghiệp, chủ yếu được tổ chức kết hợp với các loại du lịch khác.

Do đặc điểm khí hậu nên vào mùa mưa, những ngày gặp thiên tai sẽ gây những cản trở và nguy hiểm cho việc thực hiện chuyến trek.

Chính quyền địa phương cũng chưa có những nghiên cứu cụ thể, rõ ràng về loại hình du lịch này nên việc chưa xuất hiện những đầu tư riêng cho du lịch trekking như biển chỉ dẫn, dịch vụ cần thiết cho chuyến trek. Sự đầu tư mới chỉ manh nha, chưa đồng bộ ở các điểm đến. Còn rất nhiều điểm đến chính quyền chưa chú trọng để khai thác hiệu quả.

Ngoài ra, chính quyền chưa quan tâm tới bộ phận người dân từ trong đất liền ra sinh sống tại Cát Bà, một số người làm xấu hình ảnh của người dân Cát Bà bằng hiện tượng chèo kéo khách đi xe ôm, thuê xe máy, sử dụng các dịch vụ ăn uống, lưu trú,... Song hiện tượng này chỉ xuất hiện tại khu vực thị trấn Cát Bà.

Các công ty tổ chức trekking tại Cát Bà thường là những tổ chức kinh doanh tổng hợp, chưa có công ty du lịch trekking nào ở Cát Bà hay không có các chi nhánh của những công ty du lịch trekking lớn của nước ngoài cũng như trong nước xuất hiện tại đây. Chính những công ty du lịch ở Cát Bà cũng không nắm rõ được đặc trưng của loại hình du lịch này khiến cho các sản phẩm trekking giống nhau, không có điểm nhấn, thiếu chuyên nghiệp.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 tác giả đã giải quyết được vấn đề chính của đề tài đó là *tìm ra những điều kiện nói chung phục vụ du lịch cũng như những điều kiện đặc trưng của Cát Bà phục vụ loại hình du lịch trekking*. Từ những điều kiện đó tác giả có những *đánh giá cơ bản nhất về thuận lợi và khó khăn khi khai thác những điều kiện trên trong việc phát triển loại hình du lịch này*. Đồng thời, qua thực tế điều tra kết hợp với những phương pháp nghiên cứu khoa học khác tác giả đã đưa ra *một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking*, những kiến nghị được triển khai ở chương 3.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC HIỆU QUẢ CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH TREKKING TẠI CÁT BÀ – HẢI PHÒNG

3.1. Định hướng phát triển du lịch trekking tại Cát Bà

3.1.1. Phát triển du lịch trekking theo quan điểm du lịch sinh thái

Theo Phó Giáo sư Tiến sĩ Trần Đức Thanh thì “Du lịch sinh thái là một quan điểm phát triển du lịch nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng xấu của hoạt động du lịch đến môi trường tự nhiên”. Du lịch sinh thái trước hết là về với thiên nhiên nhưng phải có gắn kết với việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cùng việc thực thi bảo vệ môi trường.

Trong khi đó, du lịch trekking thông thường chỉ là một hoạt động về với giới tự nhiên bằng hoạt động đi bộ. Chính vì vậy việc phát triển du lịch trekking theo quan điểm du lịch sinh thái chính là nâng cao hiệu quả hoạt động trekking về mọi mặt, đạt được sự cân bằng giữa phát triển và bảo tồn. Có nghĩa là khi đó hoạt động trekking cần phải tôn trọng và tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc của du lịch sinh thái:

- Có hoạt động diễn giải nhằm nâng cao hiểu biết về môi trường

Là khi tham gia các tour trekking, du khách phải được cung cấp những kiến thức và thông tin đầy đủ, có trách nhiệm nhằm nâng cao sự tôn trọng của du khách với môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa bản địa, góp phần thỏa mãn nhu cầu của du khách. Từ đó khách du lịch sẽ có thái độ nỗ lực hơn trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị của khu vực. Thực hiện theo nguyên tắc này sẽ đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển du lịch trekking và bảo vệ môi trường.

- Bảo vệ môi trường, duy trì hệ sinh thái và đa dạng sinh học

Du lịch trekking thường diễn ra ở những vùng có tính đa dạng sinh học cao với các hệ sinh thái nhạy cảm nên hoạt động của nó phần nào chưa những tác động tiêu cực đến môi trường. Việc bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên là nền tảng quan trọng trong phát triển du lịch sinh thái.

Muốn thực hiện được cân có sự đảm bảo của du khách và cộng đồng dân cư địa phương. Các hoạt động tự ý mở các lối mòn trong chuyến trek, lấy các loài thực vật

trong rừng làm kỉ niệm,... của du khách; hay hoạt động chặt phá, săn bắn bừa bãi sẽ làm suy giảm nhanh chóng các khu bảo tồn và các vùng phụ cận.

- Bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Hoạt động của chuyến trek cần tôn trọng bản sắc văn hóa cộng đồng của điểm đến, bảo tồn kiến trúc, di sản đang tồn tại và các giá trị văn hóa truyền thống.

- Tạo cơ hội việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

Cộng đồng địa phương là những người chủ của vùng đất này do đó họ cần được chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch một cách công bằng. Nguyên tắc này giúp đảm bảo được sự công bằng trong xã hội và hoạt động du lịch đạt được sự đồng thuận của cộng đồng địa phương. Sự phát triển của du lịch trekking đảm bảo theo nguyên tắc này sẽ giành được sự ủng hộ của cộng đồng địa phương bởi nó đem lại việc làm, lợi ích kinh tế và văn hóa cho họ.

3.1.2. Phát triển du lịch trekking gắn kết với cộng đồng địa phương

Đặc trưng của loại hình du lịch trekking là thực hiện tour bằng phương thức đi bộ và điểm đến là những vùng thiên nhiên hoang sơ, bản làng hẻo lánh, giao thông bất tiện nhưng chuyến đi lại không nặng nhọc, vất vả. Chính đặc điểm này đòi hỏi sự gắn kết với cộng đồng địa phương là rất quan trọng, du lịch trekking và cộng đồng địa phương vừa tác động qua lại lẫn nhau vừa hỗ trợ nhau phát triển.

Du lịch trekking phát triển không chỉ đem lại lợi ích đối với du khách, mang lại hiệu quả về mặt xã hội, lợi ích kinh tế cho các đơn vị tổ chức trekking, đóng góp vào ngân sách của chính quyền địa phương mà còn đem lại nhiều lợi ích cho cộng đồng địa phương:

- Góp phần giải quyết việc làm, đò tạo nguồn nhân lực tại chỗ;
- Góp phần làm tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho cộng đồng địa phương và giảm thiểu được tình trạng đói nghèo phát triển kinh tế địa phương;
- Đóng góp trực tiếp trong việc duy trì và bảo tồn đa dạng sinh học và văn hóa bản địa;
- Giao lưu, trao đổi văn hóa giữa du khách và người dân địa phương, góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của cả hai phía cũng như sự hiểu biết và hòa hợp trong các lĩnh vực (kinh tế, chính trị, xã hội, văn minh), qua đó mở mang dân trí;

– Cộng đồng địa phương là người cung cấp dịch vụ phục vụ ban đầu của du lịch trekking chủ yếu diễn ra tại nơi có thiên nhiên hoang sơ. Vì vậy những trekker thường dựa vào cộng đồng dân cư tại các làng, thôn,... với các hoạt động thuê hướng dẫn viên bản địa, thuê người khuôn vác hành lý, thuê người nấu nướng, ngủ “homestay”,...

– Cộng đồng địa phương và đời sống của họ cung cấp nguồn tài nguyên du lịch hữu hình và phong phú. Các phong tục tập quán, lối sống, kiến trúc, lễ hội,... của cộng đồng địa phương thu hút khách du lịch trekking;

– Nếu được đào tạo cộng đồng địa phương sẽ là nguồn nhân lực tích cực và có hiệu quả cho hoạt động du lịch. Vì họ là những người am hiểu điều kiện tự nhiên, nhân văn cũng như tài nguyên của khu vực có hoạt động, họ biết được các quy định, chính sách, nguyên tắc của chính quyền địa phương giúp du khách có chuyến trek an toàn và thuận tiện;

– Đây chính là lực lượng bảo vệ tốt nhất nguồn tài nguyên du lịch địa phương một cách bền vững. Đồng thời họ cũng sẽ có những phản ứng nhanh nhất với những biến động tiêu cực của môi trường.

Du lịch trekking, tài nguyên tự nhiên và cộng đồng địa phương có quan hệ qua lại với nhau. Một tour trekking có thể không qua các thôn/làng mà chỉ nối liền các điểm đến là thắng cảnh tự nhiên với nhau, nhưng du lịch trekking muốn phát triển được lâu bền thì không thể thiếu được sự hỗ trợ của cộng đồng địa phương bởi vì tài nguyên tự nhiên với cộng đồng địa phương không thể tách rời. Mặt khác cộng đồng địa phương cần có hoạt động du lịch để cải thiện đời sống, tăng thu nhập, làm gia tăng số lượng người lao động. Nếu không hợp tác được với cộng đồng địa phương trong du lịch thì tất yếu xung đột sẽ xảy ra, ảnh hưởng tới sự phát triển du lịch.

Loại hình du lịch trekking là một trong những loại hình phát triển ở những vùng môi trường có sự nhạy cảm cao. Vì thế mà việc môi trường dễ bị suy thoái, tài nguyên thiên nhiên bị mất dần, gây nên những tác động xấu đến cộng đồng địa phương và từ đó du lịch trekking tại địa phương không thể phát triển lâu bền.

Chính vì vậy mà du lịch trekking phát triển theo quan điểm du lịch sinh thái và gắn kết với cộng đồng là một hướng đi giải quyết các tác động tiêu cực của du lịch

trekking tới môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa. Đây chính là cách giúp phát triển du lịch trekking nói riêng cũng như du lịch nói chung một cách bền vững, đảm bảo sự hấp dẫn lâu dài tại Cát Bà.

3.2. Một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà

3.2.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cho phát triển du lịch trekking

- Sửa chữa, cải tạo các tuyến đường vào hang động phù hợp, tránh xu hướng bê tông hóa phá vỡ đặc điểm thu hút của loại hình du lịch trekking;
- Chú trọng đầu tư, cải tạo các trạm y tế địa phương, đầu tư thêm cán bộ chuyên môn để đáp ứng kịp thời yêu cầu ứng cứu cho du khách du lịch trekking;
- Cải thiện hệ thống điện, thông tin liên lạc, xây dựng hệ thống nước sạch đảm bảo vệ sinh, đáp ứng nhu cầu của khách;
- Tổ chức thêm các cơ sở dịch vụ tại điểm đến nhằm hỗ trợ thuận tiện cho việc nghỉ ngơi cho những trekker;
- Xây dựng các nhà hàng, nhà nghỉ phục vụ du lịch ở trung tâm, nên theo phong cách kiến trúc nhà ở của người dân bản địa, các món đặc sản của địa phương. Hệ thống nhân viên mặc trang phục truyền thống dân tộc. Như thế mới tạo ra sự hấp dẫn đối với du khách. Tuy nhiên quy mô các nhà hàng, nhà nghỉ này không quá lớn và cần có ý kiến đóng góp của cộng đồng địa phương.

3.2.2. Tăng cường hoạt động xúc tiến quảng bá điều kiện thuận lợi của Cát Bà

Hoạt động xúc tiến quảng bá các điều kiện thuận lợi của Cát Bà đáp ứng cho việc khai thác hiệu quả và phát triển loại hình du lịch trekking. Các hoạt động quảng bá này nhằm thu hút các nhà đầu tư loại hình du lịch trekking chuyên nghiệp từ việc tăng vốn đầu tư vào công tác bảo vệ tài nguyên du lịch đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đặc trưng cho loại hình du lịch này.

3.2.3. Đào tạo nguồn nhân lực

Du lịch trekking còn mới nên đội ngũ các nhà quản lý, kinh doanh và lực lượng lao động trực tiếp còn hạn chế và thiếu kinh nghiệm. Có thể đưa ra một số giải pháp như sau:

– Đào tạo nâng cao nhận thức, hiểu biết về du lịch trekking đối với cán bộ quản lý các cấp, cán bộ quản lý trực tiếp và xây dựng chiến lược phát triển du lịch trekking theo định hướng một cách cơ bản và hệ thống. Từ đó các cấp quản lý dễ dàng phổ biến cho người dân địa phương nắm bắt được những điều cơ bản về loại hình du lịch này để họ cùng tham gia vào hoạt động du lịch trekking.

– Xây dựng chương trình đặc biệt đào tạo các hướng dẫn viên tại trung tâm vườn quốc gia Cát Bà, hướng dẫn viên không chuyên người bản địa hiểu rõ loại hình du lịch trekking là gì? Cách thức hướng dẫn có gì khác so với các loại hình du lịch khác, đồng thời rèn luyện sức khỏe, khả năng giao tiếp cho hướng dẫn viên.

– Khuyến khích và tạo điều kiện cho các cán bộ trẻ, cán bộ trung tâm hướng dẫn được tham gia học ngoại ngữ, tìm hiểu nền văn hóa truyền thống địa phương để quảng bá sâu rộng cho du khách có hiệu quả.

– Mở các lớp học ngoại ngữ ngắn hạn, tại chỗ học, từ những lớp giao tiếp căn bản cho người kinh doanh tại điểm tham quan tới những lớp giao tiếp chuyên ngành cho các hướng dẫn viên nhằm nâng cao hiệu quả khả năng thông tin và giao tiếp với du khách quốc tế, khi mà loại hình du lịch trekking mới chỉ phổ biến với du khách nước ngoài.

3.2.4. Hỗ trợ bảo tồn tài nguyên du lịch

– Phân chia khu vực hoạt động của du lịch trekking theo mức độ bảo tồn tài nguyên để có biện pháp quy định cụ thể với từng khu vực;

– Ban hành các quy định chặt chẽ với du khách:

+ Về lượng khách: không quá 5 người đối với vùng du lịch hạn chế (phân khu bảo vệ nghiêm ngặt), vùng du lịch mở rộng (phân khu phục hồi sinh thái) và điểm du lịch đang bị xuống cấp trầm trọng (Chòi quan sát ở đỉnh Ngự Lâm)

+ Về ý thức khách du lịch:

- Tôn trọng tài nguyên môi trường và văn hóa bản địa;

- Không có hành vi cư xử, ăn mặc phản cảm đối với những thôn/làng được bảo tồn;
- Cấm tự ý mở lối mòn;
- Cấm hoạt động dùng lửa trong rừng, hạn chế hoạt động nghỉ qua đêm sử dụng các lều bạt lớn trong rừng, khuyến khích việc ở lại các thôn/làng tham gia du lịch cộng đồng;
- Cấm mọi hình thức khai thác, săn bắn động vật trong rừng;
 - Kết hợp việc bảo tồn tài nguyên song song với việc phát triển du lịch:
 - + Thiết kế xây dựng các thùng rác trải dài phù hợp tại các tuyến du lịch, đường đi;
 - + Thành lập đội ngũ chuyên tu sửa, bảo dưỡng các tuyến trekking, hệ thống nước, thu gom rác.
 - Bảo tồn văn hóa:
 - + Nghiên cứu phục hồi lại những nét văn hóa truyền thống như lễ hội, phong tục, hoạt động đánh bắt cá,... phù hợp tại địa phương;
 - + Hình thành các đội văn nghệ dân gian: các điệu múa đặc trưng của miền biển, của thành phố hay những điệu nhạc của các thôn/làng;
 - + Tập trung thành lập các ngành nghề có khả năng phát triển ở từng thôn/làng, từ đó giới thiệu các hoạt động này với các công ty du lịch tạo nên mối liên kết bền chặt giữa hai bên.
 - Xây dựng một mô hình nhỏ sinh động tại trung tâm giới thiệu của vườn quốc gia về các tuyến trekking.

3.2.5. Tăng cường giáo dục môi trường

- Với khách du lịch
 - + Thiết kế các tài liệu, tập gấp, sách hướng dẫn, các biển chỉ dẫn, hệ thống bản đồ tuyến trekking... mang tính giáo dục cao, đặt tại trung tâm, các điểm tham quan (phòng bán vé, các cơ sở kinh doanh dịch vụ). Các thông tin phải ngắn gọn, đầy đủ và phù hợp, giúp du khách có thể dễ dàng nắm bắt và liên hệ khi cần thiết. Đặc biệt phải tạo cảm giác cho du khách là họ đang đóng góp vào việc bảo vệ thiên nhiên.
 - + Thiết kế các buổi chiếu phim ngắn ở trung tâm vườn quốc gia, các điểm tham quan đặc biệt các điểm có gắn liền với lịch sử đất nước.

+ Triển khai công tác giáo dục môi trường thông qua hướng dẫn viên, cộng đồng địa phương. Đặt ra những quy chuẩn, kiểm tra nhận thức, hiểu biết về địa bàn của hướng dẫn viên trước khi hoạt động hướng dẫn trekking chuyên nghiệp.

– Với cộng đồng địa phương:

+ Thiết kế hệ thống tài liệu giáo dục môi trường như ấn phẩm, tranh ảnh, các buổi chiếu phim,...;

+ Tiến hành các hoạt động tuyên truyền, giáo dục thông qua các cán bộ thôn/làng, các hội nhóm, các trường học,...;

+ Phối hợp với các cơ quan, trường học tổ chức các hoạt động ngoại khóa, buổi họp cộng đồng;

+ Tạo cơ hội cho người dân tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch để người dân nâng cao ý thức tự giác bảo tồn tài nguyên.

– Với chính quyền địa phương, trung tâm quản lý

+ Tham gia các lớp học, tập huấn về công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, đánh giá tác động môi trường trong việc phát triển du lịch trekking theo quan điểm du lịch sinh thái, từ đó có những triển khai giáo dục cho các bên tham gia;

+ Ban hành những quy định có tính bắt buộc về công tác giáo dục môi trường cho các doanh nghiệp;

+ Thiết lập hệ thống xếp hạng “sao xanh”, “nhãn xanh” cho các đơn vị doanh nghiệp du lịch đạt các tiêu chuẩn và điều kiện bảo vệ môi trường ở Cát Bà.

– Với các tổ chức khai thác, kinh doanh tour, các công ty du lịch, công ty lữ hành: định hướng việc khai thác, kinh doanh phải gắn liền với việc bảo tồn tài nguyên, đảm bảo sự phù hợp, giữ gìn các giá trị,... Đồng thời, mở các lớp học, thảo luận về giáo dục môi trường cho đội ngũ cán bộ, nhân viên doanh nghiệp; từ đó, hướng dẫn du khách tham gia chuyến trek bảo tồn tài nguyên du lịch.

3.2.6. Tạo lập cơ chế chính sách quản lý phù hợp

– Xây dựng cơ chế chính sách đồng bộ đặc biệt là về kinh tế, quản lý, bảo tồn và tài chính, nhân lực nhằm khuyến khích việc khai thác các tiềm năng của du lịch trekking có sẵn;

– Xây dựng hành lang pháp lý thông thoáng có chính sách hỗ trợ cộng đồng địa phương tham gia hoạt động trekking như hỗ trợ kinh phí, ưu tiên quyền vay vốn để phát triển những làng nghề truyền thống.

– rà soát lại ranh giới các phân khu chức năng của vườn quốc gia với ranh giới các vùng của khu dự trữ sinh quyển để tránh chồng chéo trong quản lý và đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn vào phát triển;

– Duy trì mức thu tại các điểm trong trung tâm vườn quốc gia. Riêng vùng vịnh cần kết hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải lập đề án thu phí vùng vịnh nhằm tăng nguồn thu, giảm phiền hà cho du khách khi tiến hành thu phí nhiều lần. Tuy nhiên mức tăng lệ phí phải phù hợp với thị trường thời giá hiện tại, đảm bảo lợi ích các bên;

– Đối với các loại hình kinh doanh dịch vụ cần có một khung pháp lý cụ thể như việc cho thuê đất miễn thuế, tạo điều kiện vốn cho việc xây dựng, mở rộng loại hình dịch vụ nhằm khuyến khích để mọi thành phần kinh tế có thể đầu tư. Việc này góp phần làm chuyên nghiệp hóa loại hình du lịch trekking, cũng như có ý nghĩa với các nhà đầu tư bởi việc thu hồi vốn lâu và độ rủi ro cao với loại hình còn khá mới mẻ này

– Chính sách, cơ chế cần kết hợp với những hương ước của địa phương nhằm công tác tốt bảo vệ tài nguyên Đất – Rừng – Biển nơi đây, không gây ra những mâu thuẫn cho khách tham gia trekking.

3.2.7. Xây dựng quy hoạch hợp lý

– Trong quá trình quy hoạch chi tiết cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa chuyên gia du lịch, các chuyên gia ở những lĩnh vực có liên quan và đặc biệt với chính quyền địa phương và cộng đồng.

– Hợp tác với những chuyên gia quốc tế có kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác và phát triển du lịch trekking cùng với những đảm bảo về thủ tục hành chính để dự án quy hoạch có tính khả thi.

– Quy hoạch việc sử dụng đất để đảm bảo được khu vực hoạt động du lịch không ảnh hưởng đến khu vực được bảo tồn, và không bị khu vực các ngành công nghiệp, sản xuất gây ảnh hưởng.

3.2.8. Các nhà kinh doanh du lịch trekking cần chuyên nghiệp hóa

Để khai thác hiệu quả các điều kiện phục vụ loại hình du lịch trekking thì những nhà đầu tư/kinh doanh dịch vụ, du lịch cho trekking tại Cát Bà cần hiểu rõ các điều kiện thuận lợi ở Cát Bà để phát huy, đồng thời cần biết những đặc điểm văn hóa để xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật, mô hình kinh doanh mang bản sắc riêng của địa phương để thu hút khách du lịch. Tuy nhiên đặc biệt cần chú ý đến các điều kiện để bảo tồn, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương, để từ đó việc khai thác loại hình này có hiệu quả, không bị nhầm lẫn sang các loại hình khác.

3.3. Một số kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị đối với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

Sớm xem xét, có những nghiên cứu chi tiết về điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking nhằm khai thác hiệu quả loại hình du lịch này.

Rà soát, quy hoạch khu Dự trữ sinh quyển để có chiến lược bảo tồn và phát triển một cách phù hợp nhất.

Đề ra chủ trương có tính chất định hướng phát triển loại hình du lịch trekking theo quan điểm du lịch sinh thái cùng với hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

Tạo điều kiện nghiên cứu phát triển loại hình du lịch mới này, điều kiện thu hút các nhà đầu tư chuyên nghiệp kinh doanh loại hình này tại Cát Bà.

Hỗ trợ quy hoạch và xây dựng mạng lưới giao thông, điện, nước, mạng có chất lượng, đáp ứng được nhu cầu của người dân địa phương cũng như khách du lịch.

3.3.2. Kiến nghị đối với Ủy ban nhân dân Huyện đảo Cát Hải

Phối hợp với trung tâm vườn quốc gia phân khu du lịch rõ ràng, đưa ra những quy định đảm bảo thuận lợi giữa các bên tham gia. Đề ra, xây dựng các tuyến điểm, mô hình, cơ sở du lịch cho việc khai thác du lịch trekking để trình lên các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Lập mức thu phí và sự quản lý phù hợp với khách nội địa, khách quốc tế và thời giá hiện tại.

Phân định rõ ràng các điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch cấp quốc gia hay địa phương.

Thực hiện thống kê khách một cách chi tiết theo đầy đủ các chỉ tiêu: mục đích, độ tuổi, giới tính, quốc tịch, nghề nghiệp, hình thức tổ chức,...

3.3.3. Kiến nghị đối với Ban quản lý Vườn quốc gia Cát Bà

Tăng cường công tác phối hợp với địa phương, các liên ngành liên quan trong hoạt động liên quan đến cộng đồng: phát triển việc trồng cây ăn quả, hoa màu, hình thành các nghề truyền thống,... Đồng thời đầu tư cơ sở hạ tầng cơ bản phục vụ du lịch, bổ sung kiên toàn nhân sự, đào tạo nguồn nhân lực làm du lịch. Đào tạo những hướng dẫn viên chuyên biệt cho loại hình du lịch trekking đảm bảo các tiêu chí: sức khỏe – kiến thức – giao tiếp với du khách.

3.3.4. Kiến nghị đối với các chủ thể tham gia

– *Đối với các nhà đầu tư, đơn vị kinh doanh, công ty lữ hành:*

Hiểu rõ loại hình du lịch trekking cũng như các điều kiện tài nguyên du lịch tại Cát Bà đáp ứng được loại hình để thực hiện chuyên nghiệp hóa loại hình du lịch này, xây dựng các dự án đầu tư, tour/tuyến trekking đặc trưng, đa dạng, phù hợp với nhiều nhu cầu của du khách. Tuyển chọn, đào tạo đội ngũ nhân viên có sức khỏe tốt, kiến thức và kỹ năng giao tiếp phục vụ du lịch.

Các sản phẩm du lịch trekking nhất thiết phải mang lại lợi ích trực tiếp cho cộng đồng dân cư, chất lượng các sản phẩm, dịch vụ được đảm bảo.

– *Đối với cộng đồng địa phương:*

Thứ nhất, nhận thức rõ các lợi ích từ hoạt động này mang lại để hỗ trợ phù hợp cùng với các nhà quản lý, đơn vị kinh doanh và du khách vào việc khai thác và phát triển loại hình du lịch trekking có hiệu quả. Cộng đồng địa phương cần giữ gìn những giá trị văn hóa lâu đời của thôn/làng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên khu vực sống của mình và người dân địa phương;

Thứ hai, tôn trọng và làm theo các quy định, chính sách pháp luật;

Thứ ba, nêu cao tinh thần mến khách của dân tộc Việt Nam, tôn trọng du lịch.

– *Đối với khách du lịch:*

Khách du lịch cần phải tuân thủ các quy định của điểm đến, biết nhận thức và trách nhiệm bảo tồn tài nguyên du lịch, có ý thức đóng góp vào việc phát triển loại hình du lịch trekking và tôn trọng cộng đồng địa phương.

Tiểu kết chương 3

Định hướng phát triển du lịch trekking theo quan điểm du lịch sinh thái và gắn kết với cộng đồng địa phương là định hướng mang lại lợi ích nhiều mặt giữa các bên tham gia, có tác động khai thác và phát triển hiệu quả loại hình du lịch này ở Cát Bà – địa phương có đầy đủ các yếu tố hấp dẫn du khách cả tài nguyên thiên nhiên và tài

nguyên nhân văn. Những giải pháp, kiến nghị này góp phần giúp các nhà quản lý, chính quyền địa phương, các nhà tổ chức tour làm cơ sở để đưa ra các giải pháp phù hợp và cụ thể hơn cho việc khai thác loại hình du lịch này. Bên cạnh đó cộng đồng địa phương sẽ có trách nhiệm hơn trong du lịch và bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên và các giá trị văn hóa.

Chương 3 tác giả đã đưa ra được một số giải pháp và kiến nghị nhằm khai thác hiệu quả các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking ở Cát Bà. Đây cũng chính là hệ quả tác giả rút ra được từ chương 2 cùng một số khảo sát thực tế.

KẾT LUẬN

Loại hình du lịch trekking đang ngày càng thu hút và có sức hấp dẫn với khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế. Đây là xu hướng phù hợp với xu hướng phát triển các loại hình du lịch chuyên biệt, từ du lịch thụ động sang du lịch chủ động.

“Những chuyến trekking cố gắng cắt đứt liên hệ của du khách với thế giới văn minh, gia tăng nhu cầu khám phá bản thân, thử thách sức chịu đựng của bản thân với những hoạt động qua đêm dài ngày ở những vùng sâu, vùng xa và nơi hẻo lánh, hoang dã”. Du lịch trekking là đi bộ đường dài khám phá, mạo hiểm, không sử dụng các phương tiện hiện đại nên rất phù hợp để áp dụng với những nơi có sự nhạy cảm cao về môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa như các vườn quốc gia và khu bảo tồn. Tuy nhiên không phải điểm đến nào cũng có các điều kiện phát triển, độc đáo và đa dạng như ở Cát Bà – Khu Dự trữ sinh quyển thế giới, vì vậy đây là một lợi thế cho Cát Bà nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung cho việc phát triển loại hình du lịch này. Cảnh quan thiên nhiên vừa hùng vĩ vừa nên thơ tạo nên bức tranh sơn thủy hữu tình, tài nguyên rừng, biển phong phú, hoang sơ, môi trường trong lành kết hợp với những nét văn hóa truyền thống, giá trị nhân văn của nơi này đã tạo nên sức hấp dẫn cho những khách du lịch nói chung và những trekker nói riêng. Các điều kiện này phù hợp cho việc xây dựng các tour/tuyến trek đa dạng, nhiều cấp độ phù hợp với nhu cầu của khách du lịch.

Việc phát triển du lịch trekking theo quan điểm du lịch sinh thái và gắn kết với cộng đồng địa phương sẽ giúp tận dụng được những ưu điểm của du lịch sinh thái đã phát triển trước đó, du lịch cộng đồng đang phát triển, mang lại lợi ích về nhiều mặt cho địa phương, đem đến hiệu quả tích cực trong việc khai thác và phát triển. Chính quyền địa phương cần biết những thuận lợi của mình để đưa ra những chính sách phù hợp trong quản lý, quy hoạch, thu hút đầu tư,... để tương xứng với những điều kiện tiềm năng sẵn có; khắc phục những khó khăn đang gặp phải để khai thác thực sự hiệu quả. Bên cạnh đó, cộng đồng địa phương cần nắm rõ các giá trị tài nguyên của địa phương mình, cảm thấy tự hào với những giá trị đó, tự hào là người dân đang sinh sống trong Khu dự trữ sinh quyển Thế giới, từ đó có trách nhiệm trong việc bảo tồn tài nguyên, phục vụ và phát triển du lịch, tạo thiện cảm cho du khách khi đến với Cát Bà.

Ngoài ra cần có hoạt động giáo dục, tuyên truyền, hướng dẫn thông tin bảo vệ môi trường để loại hình du lịch mới này phát triển không ảnh hưởng đến tài nguyên thiên nhiên Cát Bà, nâng cao ý thức, tôn trọng cộng đồng địa phương.

Hy vọng trong tương lai không xa, loại hình du lịch trekking tại Cát Bà được đông đảo người dân Cát Bà, du khách trong và ngoài nước biết đến. Điểm đến trekking Cát Bà thực sự phát triển chuyên nghiệp hóa nhưng vẫn còn nguyên nét hoang sơ, sự đa dạng và độc đáo và thu hút du khách ngày càng đông. Đây là loại hình mới và hấp dẫn khách du lịch quay trở lại Việt Nam, trở lại Cát Bà không chỉ một lần mà nhiều lần nữa.

Rất mong đề tài khoa học ***“Tìm hiểu các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà – Hải Phòng”*** của tác giả sẽ là cơ sở cứ liệu đóng góp tích cực cho việc khai thác loại hình du lịch mới này tại Cát Bà nói riêng, làm phong phú thêm các loại hình du lịch ở Hải phòng nói chung. Việc khai thác hiệu quả loại hình du lịch này ở Cát Bà sẽ đưa địa danh này vào bản đồ trekking yêu thích của những trekker trong và ngoài nước.

DANH MỤC THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

- 1) Hoàng Thị Thủy. 2010. Bước đầu nghiên cứu hoạt động du lịch Trekking tại vườn quốc gia Hoàng Liên theo quan điểm du lịch sinh thái. Khóa luận tốt nghiệp. Khoa văn hóa du lịch. Đại học dân lập Hải Phòng.
- 2) Trịnh Lê Anh. 2007. Du lịch trekking ở Việt Nam: loại hình và phương thức tổ chức. Nghiên cứu trường hợp ở Sa Pa (Lào Cai). Luận văn thạc sĩ Du lịch. Khoa Văn hóa du lịch. Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội.
- 3) 2005. Khảo sát một số tuyến trekking tour trong vườn quốc gia Cúc Phương.
- 4) Vũ Thị Nhâm. 2005. Tiềm năng và thực trạng du lịch mạo hiểm tại Cát Bà – Hải Phòng. Khóa luận tốt nghiệp. Khoa Văn hóa du lịch. Đại học dân lập hải phòng.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

- 5) Robert Strauss. 1996. Adventure trekking: Handbook for Independent Travelers.
- 6) David Noland. 2001. Outside Adventure Travel: Trekking (Outside Destinations)

TÀI LIỆU INTERNET

- 7) 28/03/2013. Đọc từ: baodulich.net
- 8) 19/10/2012, Khám phá lịch sử 2400 năm ở Cát Bà [trực tuyến]. Báo Hải Phòng. Đọc từ: http://catba.com.vn/?frame=chinhquyen_ditich_chitiet&id=594
- 9) 26/02/2013, Du khách đến Hải Phòng: Ngỡ ngàng trước cơ hội khám phá vẻ đẹp mê hồn. Báo Hải Phòng cuối tuần. Đọc từ: <http://haiphong.gov.vn/Portal/Detail.aspx?Organization=Citizen&MenuID=6796&ContentID=38822>
- 10) Bùi Trung Nghĩa, Chủ tịch UBND Huyện Cát Hải, 27/12/2012, Cát Bà chuyển động mạnh mẽ hướng đến Năm du lịch quốc gia 2013.. Đọc từ: <http://haiphong.gov.vn/Portal/Detail.aspx?Organization=DULICH&MenuID=8105&ContentID=37013>
- 11) Việt Hòa, 29/06/2012, Đảo của đảo. Đọc từ: <http://haiphong.gov.vn/Portal/Detail.aspx?Organization=DULICH&MenuID=4738&ContentID=29168>
- 12) 01/04/2009. Cát Bà có gì nào? Có trek xuyên rừng đây. Đọc từ: <http://www.phuot.vn/threads/3127-C%C3%A1t-B%C3%A0-c%C3%B3>

[g%C3%AC-n%C3%A0o-C%C3%B3-trek-xuy%C3%AAn-r%E1%BB%ABng-%C4%91%C3%A2y](#)

13) 12/05/2010. Thông tin phượt Cát Bà. Đọc từ:

<http://www.phuot.vn/threads/7146-Th%C3%B4ng-tin-ph%C6%B0%E1%BB%A3t-C%C3%A1t-B%C3%A0/page3>

14) <http://www.vuonquocgiacatba.com.vn>

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Phiếu khảo sát dành cho khách du lịch nội địa

PHIẾU KHẢO SÁT

Hiện tại, tác giả của Phiếu khảo sát này đang làm một đề tài nghiên cứu khoa học về du lịch Cát Bà. Tác giả rất mong nhận được sự giúp đỡ của Quý khách.

Xin Quý khách vui lòng trả lời những câu hỏi sau

1. Mục đích đi du lịch của Quý khách?

- Khám phá Nghi dưỡng
 Mua sắm Công tác/Hội thảo/Hội họp
 Khác.....

2. Hình thức tổ chức du lịch của Quý khách?

- Tự túc Mua tour qua các công ty Du lịch
 Khác:.....

3. Mức độ hài lòng của Quý khách khi đến Cát Bà?

Tiêu chí	Tồi tệ	Bình thường	Tốt/ Hài lòng	Rất tốt/ Rất hài lòng
Cảnh quan				
Môi trường				
Dịch vụ				
Cộng đồng địa phương				

4. Quý khách có ý định quay trở lại Cát Bà trong những lần du lịch tiếp theo không?

- Quay lại một lần nữa Quay lại vài lần nữa
 Không bao giờ quay lại nữa

5. Quý khách có biết đến hoặc đã từng tham gia loại hình du lịch Trekking chưa?

- Có Không/Chưa

Nếu có biết hoặc đã từng tham gia hoạt động du lịch Trekking, xin quý khách hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Hoạt động du lịch Trekking của Quý khách được thực hiện dưới hình thức nào?

- Tự túc Qua các công ty du lịch
Vui lòng cho biết tên công ty tổ chức
.....

2. Các địa điểm Quý khách đã đi Trekking:

- SaPa Cát Bà
 Vườn Quốc gia Cúc Phương Vườn Quốc gia Hoàng Liên
 Khác.....

3. Đánh giá, cảm nhận của Quý khách về loại hình Trekking:

Xin Quý khách vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

1. Họ và tên (không bắt buộc):.....
2. Đến từ tỉnh (TP):..... 3. Quốc gia:.....
4. Tuổi:..... 5. Giới tính: Nam Nữ
6. Nghề nghiệp:.....

Xin trân trọng cảm ơn Quý khách!

Phụ lục 2: Phiếu khảo sát khách du lịch quốc tế

QUESTIONNAIRE

The designer of this questionnaire is currently working on a scientific research on Tourism in Cat Ba Island. Your help are highly appreciated!

Please, give your answers to the following questions:

1. What is your purpose of travelling?

- Exploring Relaxation
 Shopping Business/Conference/Meeting
 Others:

2. Your form of travelling...

- Self-organized Holiday Package
 Others:

3. Your level of satisfaction when coming to Cat Ba Island?

Criteria	Poor	Normal	Good / Satisfied	Very good / Very satisfied
Landscape				
Environment				
Services				
Local Community				

4. Do you intend to come back to Cat Ba in the future occasions?

- Come back one more time Come back several times
 Never again

5. Have you ever known or tried Trekking package?

- Yes Not yet

If the answer is Yes, please answer the following questions:

1. How was you Trekking Package organized?

- Self-organized By travel agency
Please name the agency:
.....

2. The place you trekked

- Sapa Cat Ba
 Cuc Phuong National Forest Hoang Lien National Forest
 Others:

3. Your comment on Trekking Package:

.....
.....
.....

Please provide some of your personal information:

1. Name (optional).....
2. From (city).....3. Country:.....
4. Age.....5. Gender: Male Female
6. Occupation.....

Thank you very much for your cooperation!

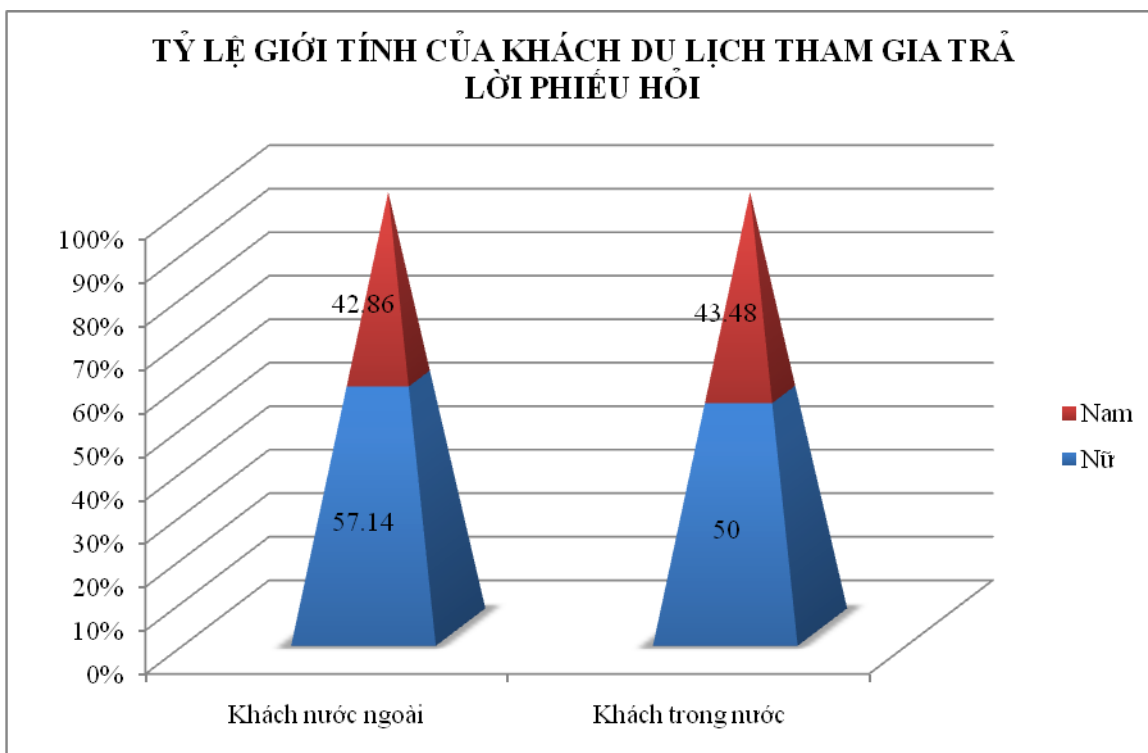
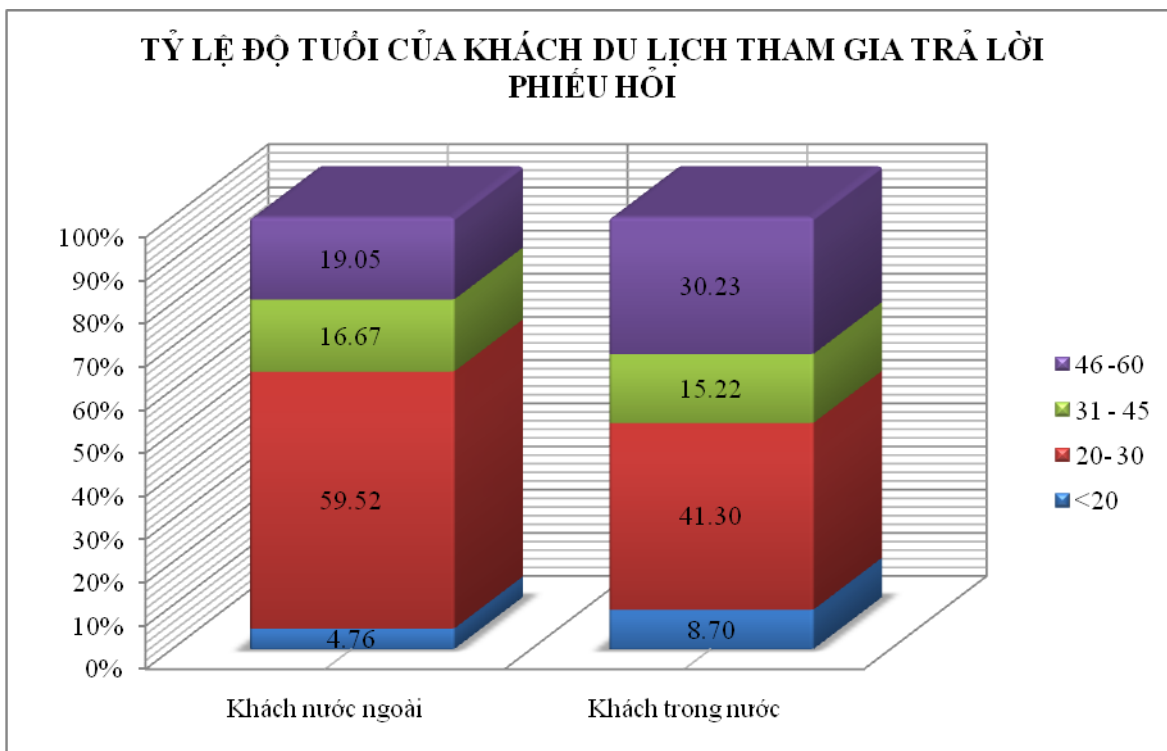
Phụ lục 3: Thống kê thông tin phiếu hỏi

Câu hỏi	Lựa chọn		Số khách chọn						
			Khách (1)		Khách (2)				
1. Mục đích đi du lịch của quý khách	Khám phá		36		21				
	Nghỉ dưỡng		12		19				
	Mua sắm		0		1				
	Công tác/Hội thảo/Hội nghị		0		3				
	Khác		2		4				
2. Hình thức tổ chức du lịch của quý khách	Tự túc		31		28				
	Mua tour qua các công ty du lịch		10		3				
	Khác		1		15				
3. Mức độ hài lòng của quý khách khi đến Cát Bà	Tiêu chí	Tối tệ		Bình thường		Tốt/Hài lòng		Rất /Rất hài lòng	
		(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)
	Cảnh quan				1	9	13	27	30
	Môi trường	1	1	2	9	8	28	25	8
	Dịch vụ	1		2	18	10	21	22	7
Cộng đồng địa phương			2	12	7	11	26	22	
4. Quý khách có ý định quay trở lại Cát Bà trong những lần du lịch tiếp theo không	Quay lại một lần nữa		24		23				
	Quay lại nhiều lần nữa		16		23				
	Không bao giờ quay lại nữa		2		0				
5. Quý khách có biết đến hoặc đã từng tham gia loại hình du lịch Trekking chưa?	Có		24		14				
	Không/Chưa		18		32				

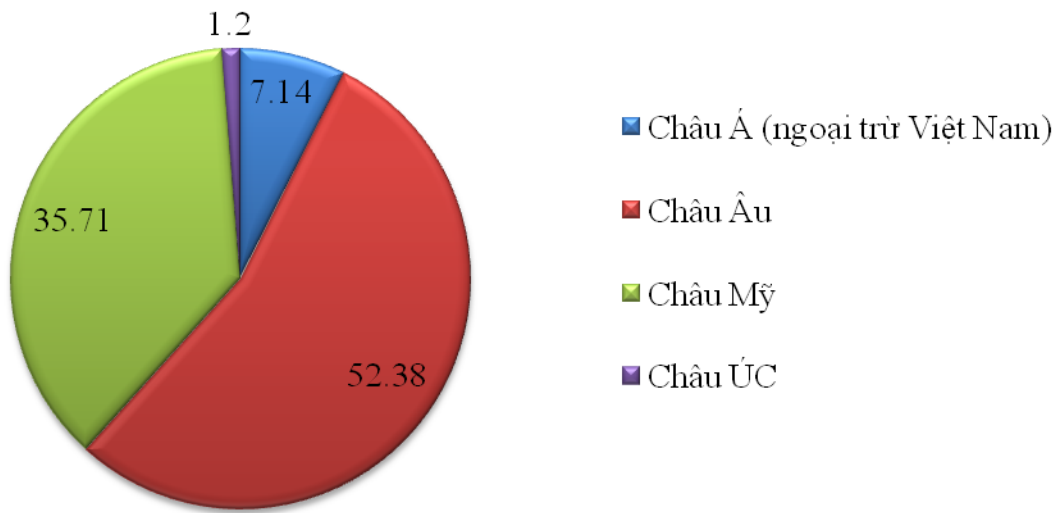
Tìm hiểu các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà – Hải Phòng

1. Hoạt động du lịch trekking của quý khách được thực hiện dưới hình thức nào	Tự túc	9	14
	Qua các công ty du lịch	15	0
2. Các địa điểm quý khách đã từng đi trekking	Sapa	6	1
	Cát Bà	12	6
	Vườn quốc gia Cúc Phương	5	1
	Vườn quốc gia Hoàng Liên	4	0
	Khác	5	12

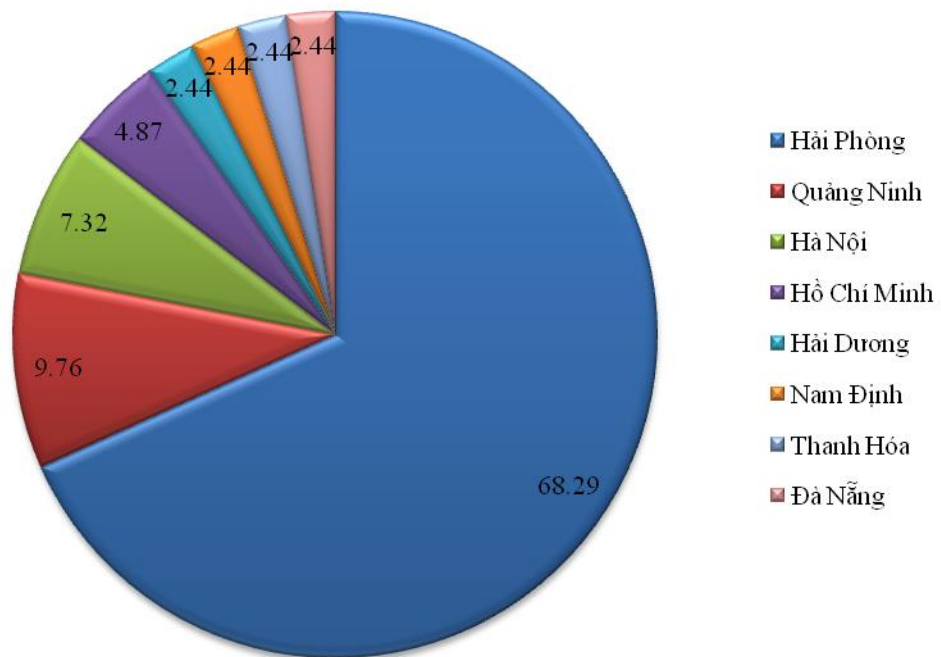
Phụ lục 4: Biểu đồ thống kê thông tin cá nhân của khách du lịch tham gia trả lời phiếu hỏi



TỶ LỆ KHÁCH QUỐC TẾ PHÂN THEO KHU VỰC QUỐC TẾ



TỶ LỆ KHÁCH DU LỊCH NỘI ĐỊA



Phụ lục 5: Một số hình ảnh khảo sát thực tế



Hình 1: Cổng trung tâm vườn quốc gia Cát Bà



Hình 2: Vườn thú tại vườn quốc gia Cát Bà





Hình 3: Vườn thực vật tại vườn quốc gia Cát Bà



Hình 4: Biển chỉ dẫn đường vào Hang Quân Y



Hình 5: Cửa Hang Quân Y



Hình 6: Cánh cửa vào trong tham quan Hang Quân Y

Đây là một cánh cửa sắt kiên cố. Cánh cửa cong gồ lên có mục đích chống đạn, bom. Mỗi khi bom nổ, cánh cửa khiến mảnh đạn văng sang hai bên thay vì găm trực diện.

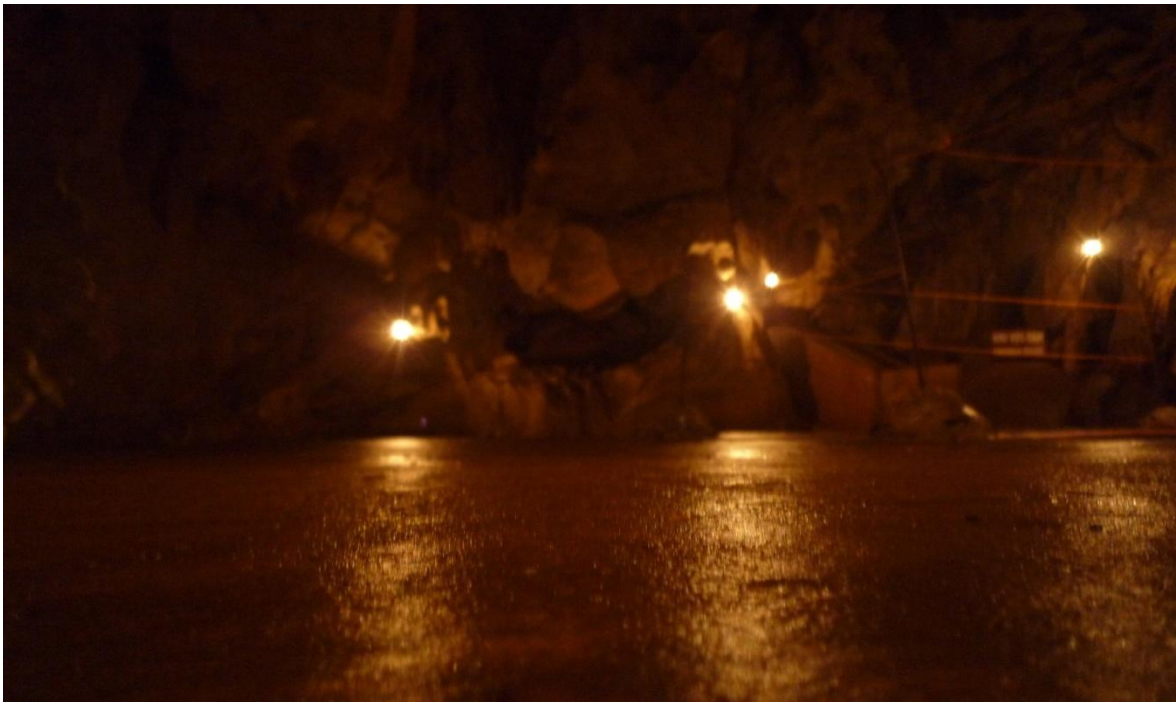


Hình 7: Hệ thống đường điện chiếu sáng tại các phòng chức năng trong bệnh viện Quân Y

Toàn bộ hệ thống đường điện là còn nguyên bản từ khi xây dựng bệnh viện trong những năm 1963 – 1965



Hình 8: Khu vực bể chứa nước phục vụ tắm giặt



Hình 9: Quang cảnh tầng 2 của bệnh viện Quân Y

Tầng 2 vừa là khu vực chiếu phim, vừa là hội trường, nơi tập luyện tác chiến. Có những nơi trần rất thấp, phải nằm bò mới có thể di chuyển nên rất hợp cho công tác huấn luyện.



Hình 10: Cửa ra của Hang Quân Y

Đây cũng là cổng thoát hiểm của bệnh viện nằm ở mặt khác ngọn núi, ẩn mình sau những nhũ đá lớn.



Hình 11: Biển chỉ dẫn đường đi lên Đỉnh Kim Giao và Đỉnh Nụ Lâm



Hình 12: Rừng Kim Giao trên đỉnh Kim Giao



Hình 13: Rừng trên núi đá vôi tại khu vực trên đường đi lên đỉnh Ngự Lâm



Hình 14: Lối lên đỉnh Ngự Lâm

Đây là chặng gần đến đỉnh, phải trải qua những chiếc cầu thang nhỏ, hẹp, cheo leo, nguy hiểm. Hiện nay những chiếc cầu thang này đã xuống cấp, nhiều đoạn

cầu thang đã bị mòn, gây khó khăn cho người lên, đặc biệt với những khách to lớn.



Hình 15: Đỉnh Ngự Lâm



Hình 16: Chòi quan sát trên đỉnh Ngự Lâm



Hình 17: Biển chỉ dẫn tuyến Du lịch sinh thái – Giáo dục môi trường và tuyến Ao Éch – xã Việt Hải



Hình 18: Một số hình ảnh trên đường đi đến Ao Éch



Hình 19: Ao Éch



Hình 20: Lối vào động Trung Trang



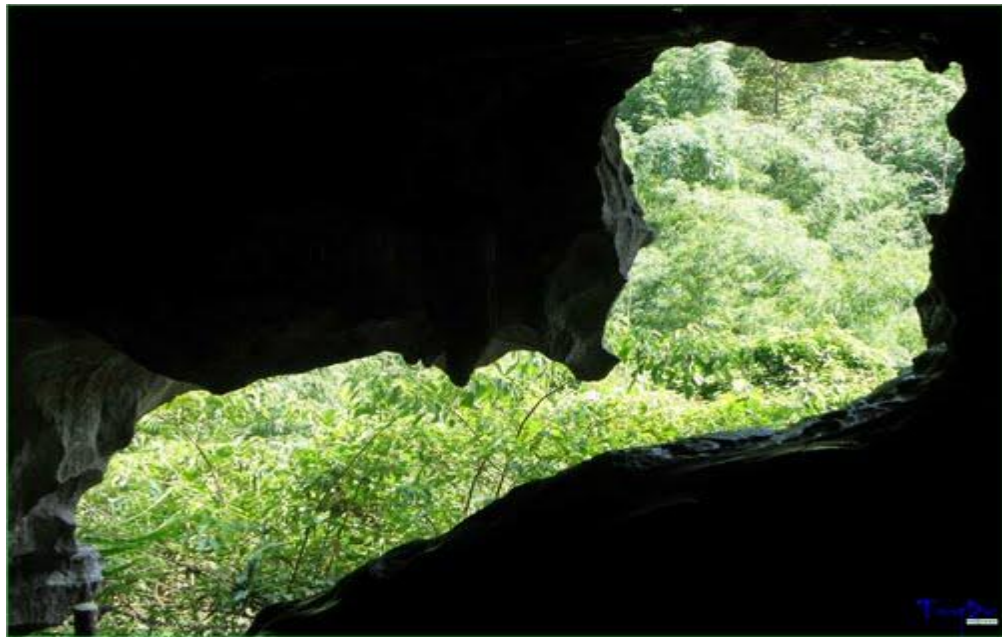
Hình 21: Trạm bán và soát vé vào cổng tham quan động Trung Trang



Hình 22: Lối vào động Trung Trang



Hình 23: Hình ảnh bên trong động Trung Trang



Hình 24: Từ trong động Trung Trang nhìn ra



Hình 25: Biển chỉ dẫn đi làng Việt Hải



Hình 26: Một số hình ảnh trên đường đi làng chài Việt Hải



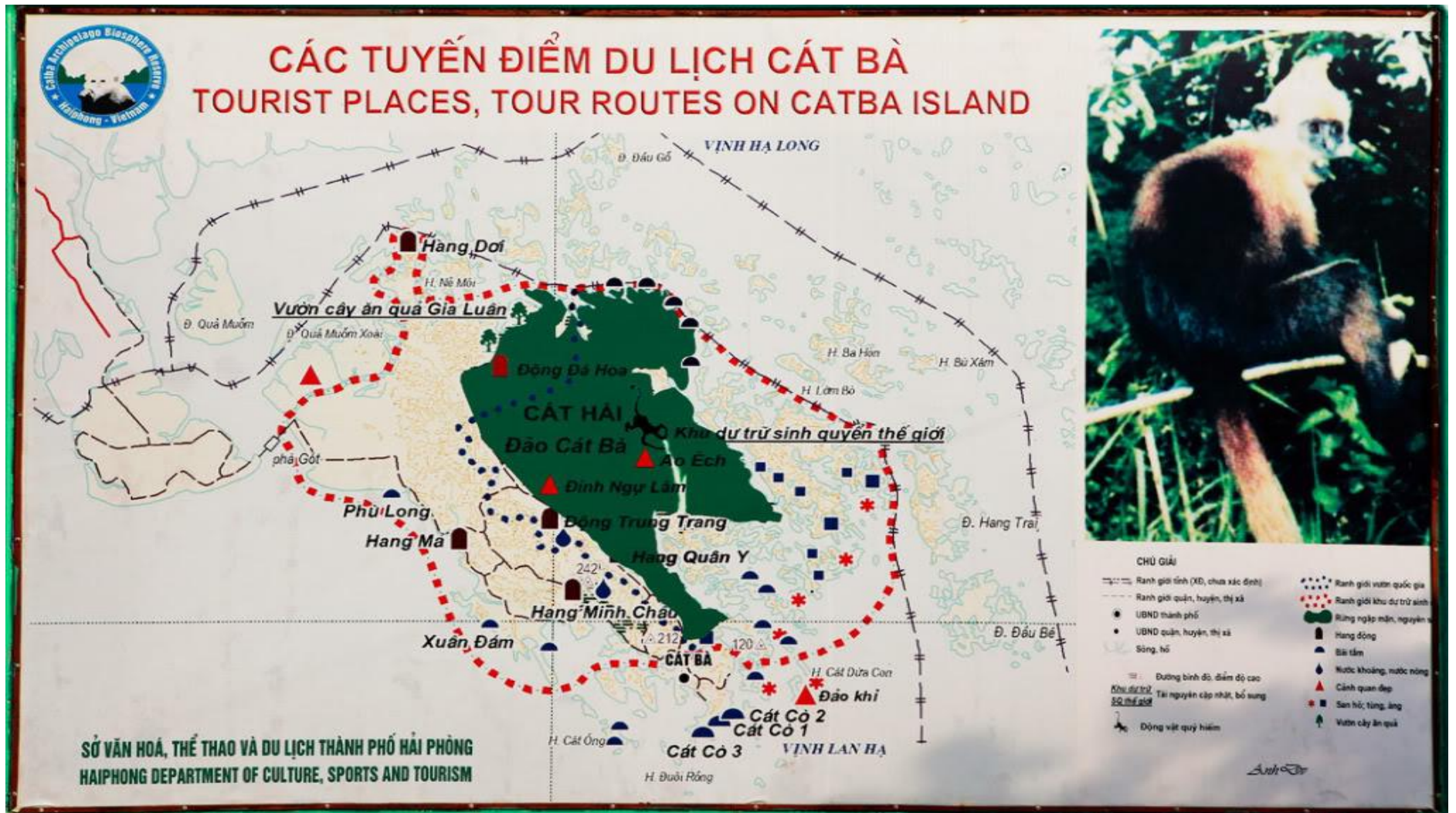
Hình 27: Cổng làng Việt Hải



Hình 28: Bungalow tại làng Việt Hải



Hình 29: Ngôi nhà cuối làng Việt Hải



Hình 30: Bản đồ các tuyến điểm du lịch Cát Bà

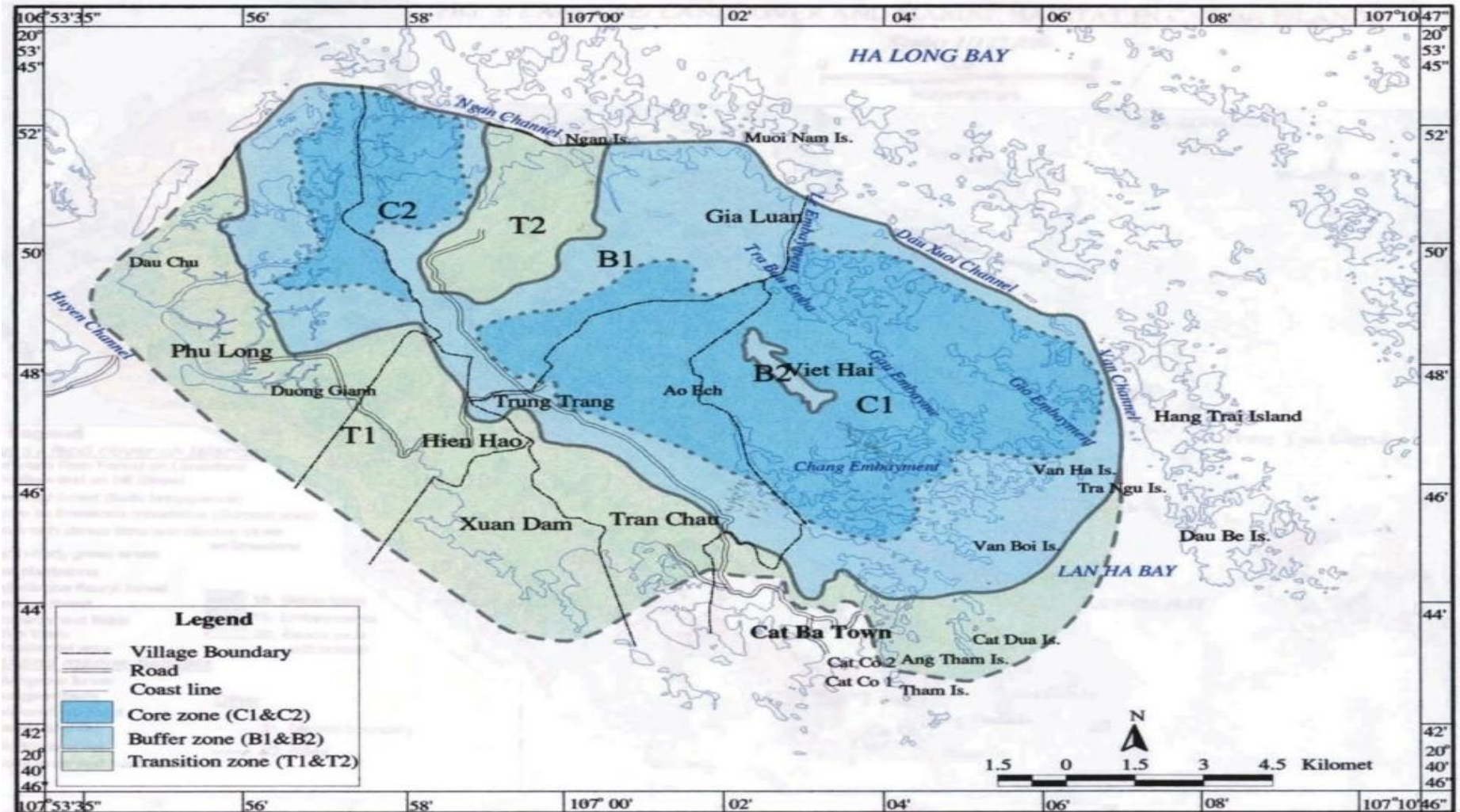
Tìm hiểu các điều kiện phát triển loại hình du lịch trekking tại Cát Bà – Hải Phòng



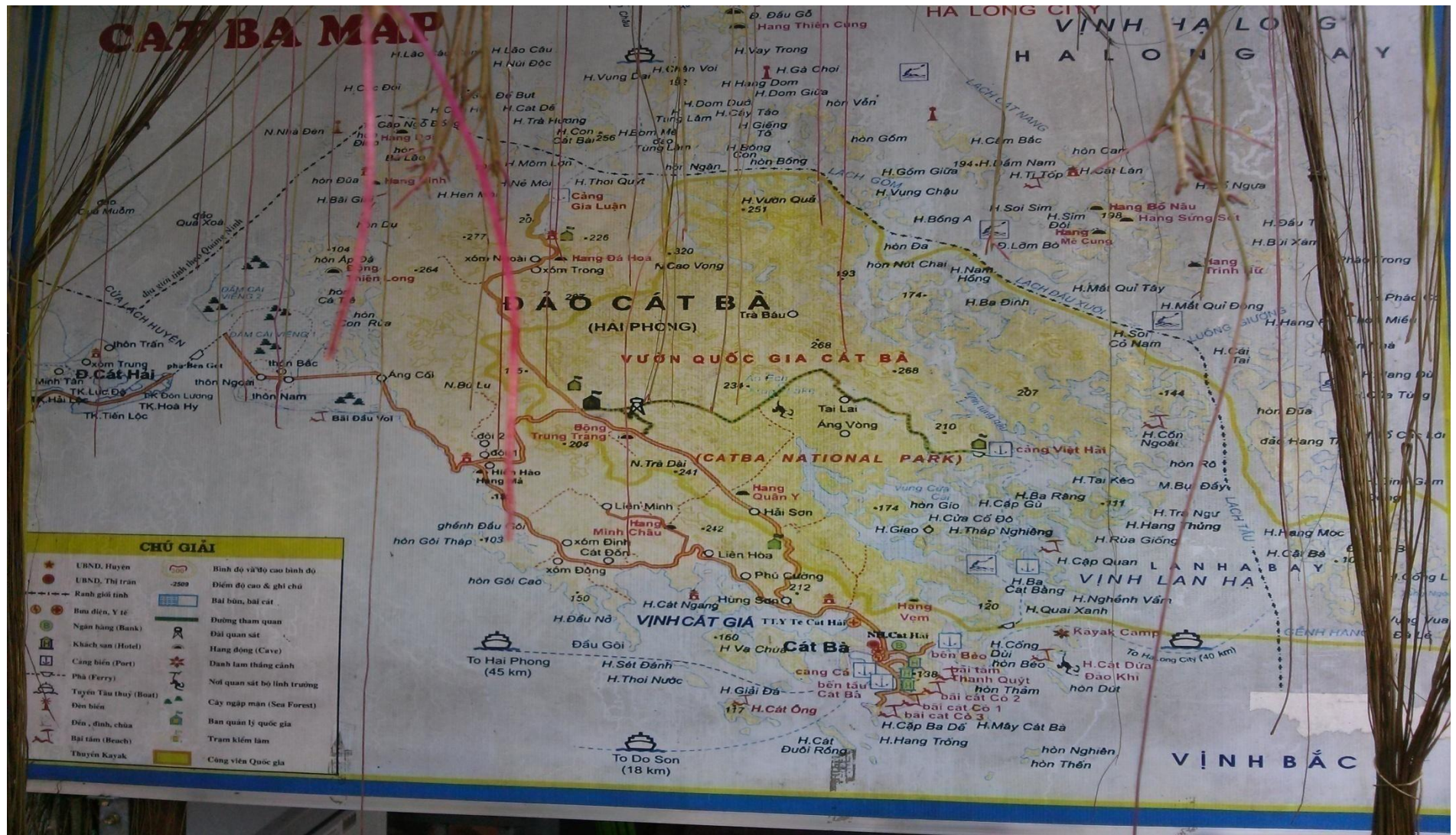
Hình 31: Bản đồ các điểm du lịch trekking nổi tiếng tại Cát Bà

FIG. 2: DISTRICTED SKETCH MAP OF CAT BA BIOSPHERE RESERVE

Scale: 1/150 000



Hình 32: Bản đồ phân vùng bảo vệ của vườn quốc gia Cát Bà



Hình 33: Bản đồ Cát Bà



Hình 34: Bản đồ Cát Bà